

LPBank 



CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG KHƠI NGUỒN LỘC PHÁT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025
www.lpbank.com.vn

Công nghệ TIỀN PHONG Khơi nguồn LỘC PHÁT

Chiến lược của LPBank trong năm 2025 được định hình bởi hai trụ cột: Hiệu quả từ công nghệ và Giá trị cho cộng đồng. Trước những biến động vĩ mô, việc duy trì vị thế **Công nghệ tiên phong** giúp LPBank thích ứng linh hoạt và tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt.

Mọi nỗ lực số hóa tại LPBank đều xoay quanh mục tiêu tối thượng: Khơi thông các nguồn lực để tạo ra sự thịnh vượng bền vững. Thông qua đó, LPBank không chỉ thực hiện sứ mệnh **Khơi nguồn Lộc Phát** cho khách hàng, mà còn khẳng định trách nhiệm của một ngân hàng nội địa trong việc thúc đẩy các mục tiêu kinh tế - xã hội trọng điểm của đất nước.

MỤC LỤC

01

CHƯƠNG 1 VỀ LPBANK

Thông tin chung
Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
Chặng đường lịch sử
Cơ cấu cổ đông
Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

02

CHƯƠNG 2 THÀNH TỰU CỦA LPBANK

Bức tranh tài chính nhiều điểm sáng
Báo cáo hoạt động 2025

03

CHƯƠNG 3 KIẾN TẠO SỨC MẠNH SỐ

Chiến lược chuyển đổi số tại LPBank
Hành trình chuyển đổi số
Thành tựu chuyển đổi số
Định hướng chiến lược 2026-2028

04

CHƯƠNG 4 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Chiến lược phát triển bền vững
Quản trị ngân hàng
Quản trị rủi ro
Ngân hàng xanh

05

CHƯƠNG 5 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng và Đối tác,

Năm 2025 khép lại trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục vận động nhanh và phức tạp, đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với năng lực thích ứng và đổi mới của các tổ chức tài chính. Trong bối cảnh đó, Báo cáo thường niên 2025 mang thông điệp “Công nghệ tiên phong – Khởi nguồn Lộc Phát”, phản ánh hành trình chuyển mình mạnh mẽ của LPBank – từ một ngân hàng tăng trưởng hiệu quả trở thành một định chế tài chính vận hành trên nền tảng số, nơi công nghệ không chỉ hỗ trợ mà thực sự dẫn dắt sự phát triển.

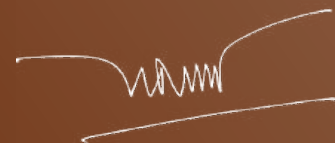
Năm qua, LPBank ghi nhận những kết quả kinh doanh ấn tượng với lợi nhuận trước thuế đạt 14.269 tỷ đồng, tăng 17% so với năm 2024 – mức cao nhất trong lịch sử hoạt động. Tổng tài sản vượt 605 nghìn tỷ đồng, tăng 19% so với năm trước, trong khi các chỉ số hiệu quả như ROA và ROE tiếp tục duy trì trong nhóm dẫn đầu ngành. Những kết quả này không chỉ phản ánh quy mô và hiệu quả tăng trưởng, mà còn khẳng định tính đúng đắn của chiến lược phát triển – nơi công nghệ, quản trị và con người được tích hợp chặt chẽ trong một mô hình vận hành hiện đại.

Điểm khác biệt của LPBank không nằm ở việc ứng dụng công nghệ, mà ở cách chúng tôi tích hợp công nghệ xuyên suốt toàn bộ vòng đời hoạt động – từ kinh doanh, vận hành đến quản trị rủi ro và trải nghiệm khách hàng. Việc đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) cùng các giải pháp số hóa đã giúp Ngân hàng nâng cao năng suất, tối ưu chi phí và từng bước cá nhân hóa dịch vụ, mang đến trải nghiệm thuận tiện, an toàn và khác biệt cho khách hàng.

Hướng tới tương lai, LPBank tiếp tục kiên định với định hướng: lấy công nghệ làm nền tảng, lấy khách hàng làm trọng tâm, lấy hiệu quả và phát triển bền vững làm mục tiêu xuyên suốt. Ngân hàng sẽ không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực nội tại và mở rộng hệ sinh thái số, nhằm kiến tạo những giá trị dài hạn và khác biệt trong kỷ nguyên kinh tế số.

Nhìn lại chặng đường đã qua, chúng tôi càng trân trọng sự đồng hành, tin tưởng và gắn bó của Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và toàn thể Cán bộ Nhân viên. Chính niềm tin đó là nền tảng vững chắc để LPBank tiếp tục bứt phá, lan tỏa giá trị thịnh vượng và hiện thực hóa hành trình mang Lộc Phát đến với mọi nhà.

Trân trọng,



**Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hồ Nam Tiến**

//

Công nghệ không chỉ là công cụ nâng cao hiệu quả, mà còn là nền tảng để LPBank kiến tạo giá trị mới và khởi nguồn Lộc Phát bền vững cho khách hàng, cổ đông và xã hội”.





Danh mục từ viết tắt

STT	VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
1	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
2	HĐQT	Hội đồng quản trị
3	BKS	Ban Kiểm soát
4	BĐH	Ban Điều hành
5	TGD	Tổng Giám đốc
6	NHNN	Ngân hàng Nhà nước
7	UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
8	CNTT	Công nghệ thông tin
9	CBNV	Cán bộ nhân viên
10	TMCP	Thương mại cổ phần
11	CASA	Tiền gửi không kỳ hạn
12	NHBL	Ngân hàng Bán lẻ
13	NHDN	Ngân hàng Doanh nghiệp
14	KHCN	Khách hàng Cá nhân
15	KHDN	Khách hàng Doanh nghiệp

Những dấu ấn nổi bật của LPBank năm 2025

1.

Kết quả kinh doanh đạt mức cao nhất kể từ khi thành lập

Năm 2025, LPBank ghi nhận **lợi nhuận trước thuế đạt 14.269 tỷ đồng**, tăng 17% so với năm 2024, đánh dấu mức lợi nhuận cao nhất kể từ khi thành lập. Kết quả này phản ánh hiệu quả của chiến lược tăng trưởng có chọn lọc, tối ưu cấu trúc nguồn vốn và nâng cao năng suất vận hành.

2.

Quy mô tài sản tiếp tục mở rộng, củng cố nền tảng tài chính

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản hợp nhất đạt **605.585 tỷ đồng**, tăng 19% so với cuối năm 2024. Tăng trưởng quy mô được thực hiện song song với việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản và các hệ số an toàn, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn chiến lược 2026–2030.

3.

Hiệu quả hoạt động thuộc nhóm dẫn đầu ngành

LPBank duy trì các chỉ số hiệu quả ở mức cao so với mặt bằng thị trường. Hiệu quả sinh lời tiếp tục nằm trong nhóm dẫn đầu với tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản ROA đạt 2,05%, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE đạt 25,2%. Các chỉ số an toàn và quản trị vận hành được kiểm soát chặt chẽ với tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,68% và tỷ lệ chi phí trên thu nhập CIR giảm về 28,3% – khẳng định năng lực quản trị và vận hành hiệu quả.

4.

Cổ phiếu LPBank gia nhập rổ VN30

Ngày 20/01/2025, cổ phiếu LPB của LPBank chính thức được đưa vào rổ chỉ số VN30 – nhóm chỉ số đại diện cho các doanh nghiệp niêm yết có quy mô và thanh khoản hàng đầu thị trường chứng khoán Việt Nam.

5.

Chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 25%, thuộc nhóm cao nhất toàn ngành

Năm 2025, LPBank thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 25%, thuộc nhóm cao nhất ngành ngân hàng. Chính sách cổ tức ổn định và hấp dẫn tiếp tục khẳng định cam kết của Ngân hàng trong việc cân bằng giữa tăng trưởng dài hạn và lợi ích cho cổ đông.

6.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng AI trong vận hành

Trong năm, LPBank đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào vận hành và hoạt động, trong đó phải kể đến việc triển khai giải pháp Tổng đài đa kênh thông minh ứng dụng AI và sinh trắc học giọng nói, tích hợp công nghệ GenAI nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu chi phí vận hành.

Giải pháp giúp tự động xử lý 48,5% lưu lượng cuộc gọi, tiết kiệm hàng tỷ đồng chi phí mỗi năm, đạt chỉ số hài lòng khách hàng (CSAT) 4,15/5. Dự án được vinh danh tại Vietnam Digital Awards, khẳng định định hướng đầu tư công nghệ bài bản và năng lực triển khai thực tế của Ngân hàng.



Những dấu ấn nổi bật của LPBank năm 2025

7.

Thăng hạng trên các bảng xếp hạng uy tín

Về uy tín và thương hiệu, Ngân hàng **tăng hạng lên vị trí thứ 7 trong Top 10 Ngân hàng TMCP tư nhân uy tín** và tăng 1 bậc trong **Top 50 Công ty Đại chúng uy tín & hiệu quả**. Về hiệu quả hoạt động, LPBank đạt các thứ hạng cao như **Top 1 Ngân hàng kinh doanh hiệu quả**, **Top 6 Ngân hàng tư nhân nộp ngân sách lớn nhất** và **Top 8 Doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận tốt nhất**, **Top 50 doanh nghiệp xuất sắc Việt Nam (Top 8 tính riêng ngành ngân hàng)**.

Ở khía cạnh đổi mới, Ngân hàng được vinh danh **Doanh nghiệp chuyển đổi số xuất sắc** cùng các giải thưởng về sản phẩm công nghệ và dịch vụ khách hàng. Trong lĩnh vực phát triển bền vững, LPBank hiện là **Ngân hàng Việt Nam đầu tiên đạt giải "Green Leadership"**, đồng thời nằm trong **Top 10 ngân hàng ESG tiêu biểu**. Những ghi nhận này không chỉ là sự tôn vinh, mà là thành quả cho một chiến lược đúng đắn và hành trình phát triển kiên định, bền vững mà LPBank đang kiến tạo.

8.

Nâng hạng tín nhiệm quốc tế

Năm 2025, LPBank được Moody's nâng hạng Tiền gửi dài hạn và Nhà phát hành dài hạn lên mức Ba3, triển vọng Ổn định, đồng thời điều chỉnh Đánh giá tín dụng cơ sở (BCA) lên b1. Song song đó, Ngân hàng tiếp tục duy trì xếp hạng tín nhiệm tổ chức phát hành dài hạn A+ với triển vọng Ổn định từ VIS Rating.

9.

Ra mắt nhiều sản phẩm, gia tăng giá trị cho khách hàng

Năm 2025 ghi dấu ấn với việc LPBank liên tục giới thiệu và nâng cấp nhiều sản phẩm, dịch vụ mới, khẳng định cam kết đặt khách hàng làm trọng tâm trong mọi hoạt động.

Ngân hàng tập trung phát triển các giải pháp tài chính chuyên biệt dành cho từng nhóm

khách hàng, tiêu biểu như sản phẩm Sinh lời Lộc Phát 2.0, dịch vụ khách hàng ưu tiên LPBank Priority và dòng thẻ cao cấp Visa Signature. Bên cạnh đó, các nền tảng số được tiếp tục hoàn thiện nhằm mang đến trải nghiệm thuận tiện, liền mạch và ngày càng cá nhân hóa cho khách hàng cá nhân, doanh nghiệp và hộ kinh doanh.

Năm 2025, LPBank chinh phục cột mốc 5 triệu khách hàng cá nhân, duy trì mức tăng trưởng ổn định, đồng thời củng cố niềm tin và sự gắn kết lâu dài với khách hàng trên toàn hệ thống.

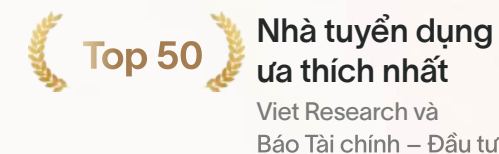
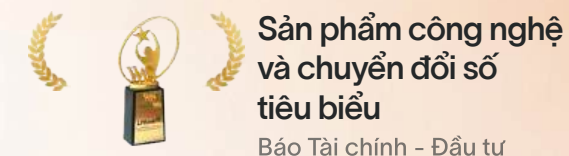
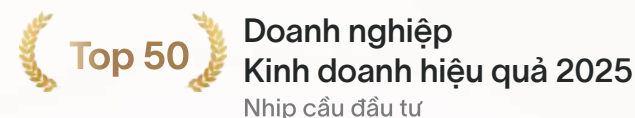
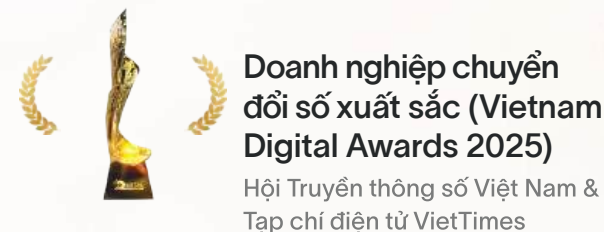
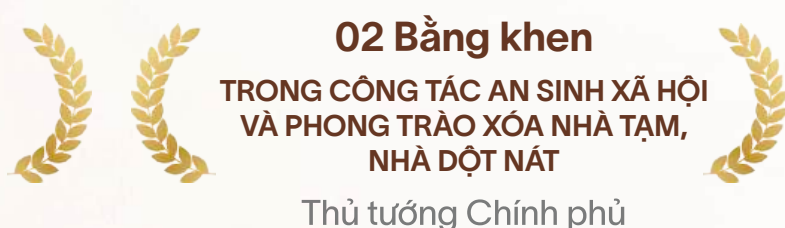
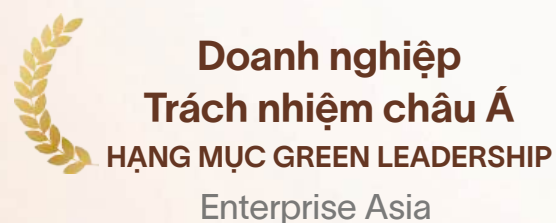
10.

Nâng tầm thương hiệu gắn với giá trị cộng đồng

Không chỉ bứt phá trong kinh doanh, năm 2025 còn là năm thương hiệu LPBank hòa chung nhịp đập tự hào dân tộc, lan tỏa năng lượng tích cực và tinh thần Việt Nam. Từ sắc đỏ rực rỡ của chiến dịch "Sao Vàng Trong Tim", chuỗi sự kiện A80, đến những bước chạy kết nối cộng đồng tại Giải Marathon Quốc tế VTV LPBank; từ hành trình "Việt Nam Hạnh Phúc" cho đến việc đồng hành và tiếp lửa thể thao Việt Nam vươn tầm quốc tế... tất cả đã tạo nên một LPBank bản lĩnh, giàu trách nhiệm và ngày càng gắn gũi trong trái tim công chúng. Những hoạt động này góp phần gia tăng mức độ nhận diện thương hiệu, lan tỏa giá trị tích cực và củng cố hình ảnh một ngân hàng gắn trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.



Giải thưởng & chứng nhận



CHƯƠNG 01

Về LPBank

Thông tin chung
Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi
Chặng đường lịch sử
Cơ cấu cổ đông
Hoạt động quan hệ nhà đầu tư



Thông tin chung

Tên giao dịch	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN LỘC PHÁT VIỆT NAM
Tên viết tắt	LPBank
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	6300048638
Vốn điều lệ	29.872.821 triệu đồng
Vốn chủ sở hữu	47.192.474 triệu đồng (*)

Địa chỉ	Số 8, ngõ 1, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam (**)
Số điện thoại	024 62 668 668
Số fax	024 62 669 669
Hotline	*8668
Website	www.lpbank.com.vn
Mã cổ phiếu	LPB

(*) Cập nhật tại thời điểm ngày 31/12/2025.

(**) Ngày 02/03/2026, LPBank được NHNN chấp thuận theo Quyết định số 292/QĐ-NHNN về việc sửa đổi địa điểm đặt trụ sở chính từ 210 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam về số 8, ngõ 1, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam.



Ngành nghề kinh doanh

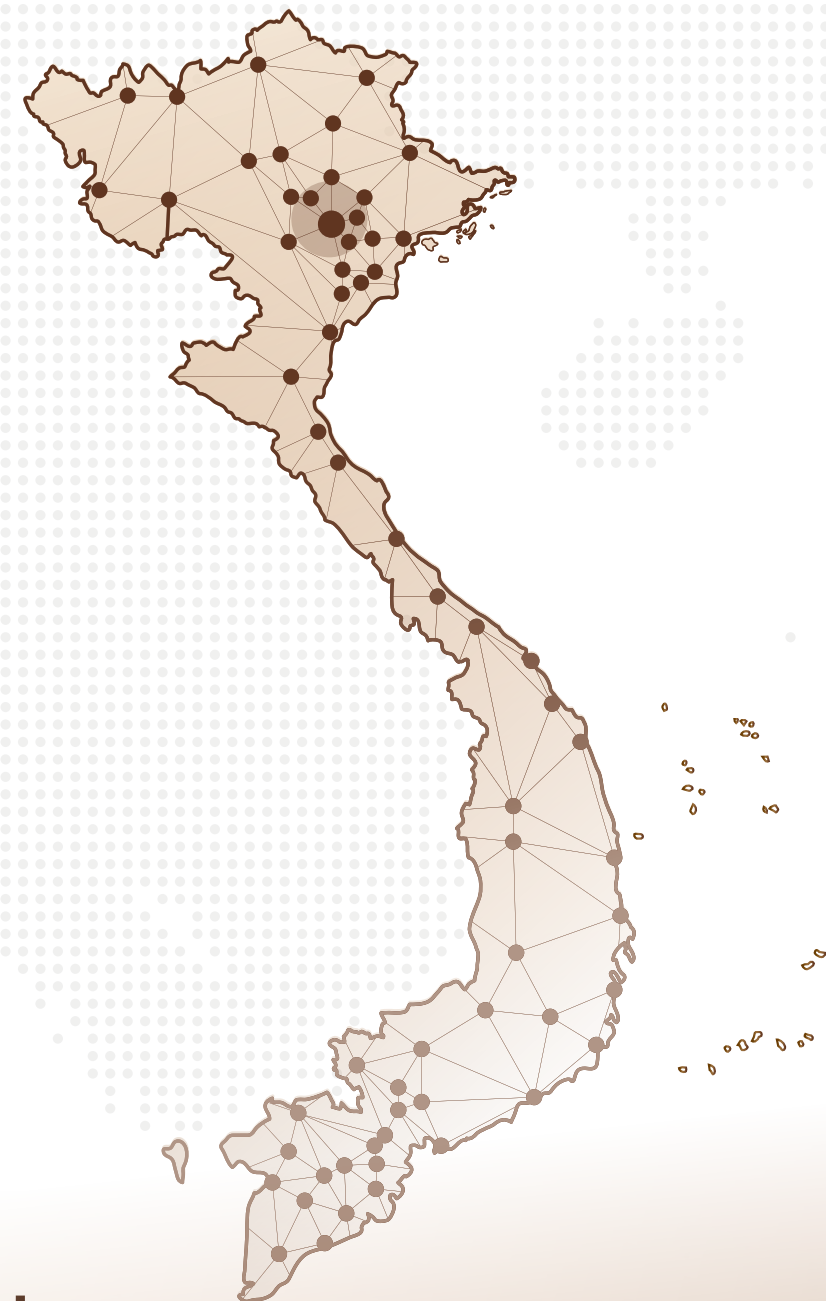
Các nghiệp vụ được phép kinh doanh (hoạt động theo Giấy phép số: 91/GP-NHNN ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam):

- 1 Huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động khác;
- 2 Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;

3 Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

4 Trực tiếp kinh doanh hoặc thành lập các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập bằng vốn tự có để kinh doanh ngoại hối và vàng trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;

5 Ủy thác, nhận ủy thác, làm đại lý trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác, đại lý.



Địa bàn kinh doanh

HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI (*)

Hội sở chính:

01

Chi nhánh:

85

Văn phòng đại diện:

03

Phòng giao dịch:

481

Phòng giao dịch bưu điện:

487

(*) Cập nhật tại thời điểm ngày 31/12/2025.

Sứ mệnh

Hội nhập và thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương, góp phần tạo lập thịnh vượng cho cộng đồng bằng những dịch vụ tài chính toàn diện, chuyên nghiệp và hiệu quả.

**Giá trị
cốt lõi**

Tầm nhìn

Trở thành đối tác tài chính tin cậy nhất – là lựa chọn số một của cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp vừa và nhỏ tại khu vực nông thôn và đô thị.

CHÍNH TRỰC

LPBank luôn coi chính trực là nền tảng vững chắc cho mọi mối quan hệ với khách hàng. Trong bất kỳ trường hợp nào, LPBank cũng hành xử một cách trung thực, minh bạch, tôn trọng và đúng đắn, bảo vệ quyền lợi chính đáng của khách hàng và các quy tắc đạo đức của Ngân hàng. LPBank xây dựng niềm tin tuyệt đối với khách hàng và đối tác cũng như Cán bộ Nhân viên và cộng đồng bao gồm cả các cơ quan quản lý nhà nước. Luôn coi trọng sự chính trực cũng là cách LPBank xây dựng uy tín và mở rộng các cơ hội kinh doanh. Trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo cũng như tự trau dồi của đội ngũ Cán bộ Nhân viên LPBank, chính trực luôn là giá trị cốt lõi nhất.

TRÁCH NHIỆM

LPBank cam kết luôn thực thi các nghiệp vụ của mình với trách nhiệm cao nhất, đảm bảo tính chính xác, an toàn và bảo mật tối đa cho khách hàng. Hoạt động kinh doanh của chúng tôi không chỉ chú trọng việc mang lại lợi nhuận cho Ngân hàng, mà luôn hướng tới sự phát triển bền vững của cộng đồng và xã hội, tối đa hóa lợi ích của khách hàng, đối tác, Cán bộ Nhân viên, cổ đông, môi trường... trên cơ sở tuân thủ pháp luật, quy tắc đạo đức nghề nghiệp.

ĐOÀN KẾT

Tất cả nhân viên và lãnh đạo các cấp của LPBank luôn cam kết đồng lòng vì một môi trường làm việc hợp tác, tôn trọng nhau, cùng quan tâm, chia sẻ mọi thành công cũng như trách nhiệm. Chúng tôi luôn trân trọng các ý kiến sáng tạo, tôn trọng các ý kiến khác biệt nhưng đều cùng một mục tiêu phát triển Ngân hàng và bảo vệ các giá trị cốt lõi chính trực, cởi mở, công bằng và khách quan.

SÁNG TẠO

LPBank cam kết luôn đi đầu trong việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào việc thực hiện chuỗi giá trị của Ngân hàng. Luôn luôn đổi mới và sáng tạo nhằm mang lại giá trị tối đa, trải nghiệm và cá nhân hoá các dịch vụ của Ngân hàng dành cho khách hàng. Đổi mới và sáng tạo cũng là nền tảng để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả và chất lượng phục vụ khách hàng.

KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

Chúng tôi luôn đặt khách hàng là trọng tâm trong cơ cấu tổ chức, quan điểm kinh doanh và chiến lược phát triển. Các sản phẩm và dịch vụ của Ngân hàng được thiết kế nhằm đáp ứng các nhu cầu và tối ưu hoá lợi ích cho Khách hàng. Quan hệ bền vững với khách hàng là tài sản lớn nhất của Ngân hàng.

Chặng đường lịch sử





Cơ cấu cổ đông

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2025 là 2.987.282.100 cổ phần, trong đó:
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
Phân loại theo tỷ lệ sở hữu			
• Cổ đông lớn (sở hữu ≥5%)	1	195.286.044	6,54
• Cổ đông còn lại	24.081	2.791.996.056	93,46
Phân loại theo loại hình			
• Cổ đông cá nhân	23.988	2.752.832.139	92,15
• Cổ đông tổ chức	94	234.449.961	7,85

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
Phân loại theo quốc tịch			
• Cổ đông trong nước	23.860	2.961.496.375	99,14
• Cổ đông nước ngoài	222	25.785.725	0,86
Phân loại theo sở hữu Nhà nước			
• Cổ đông Nhà nước	1	195.286.044	6,54
• Các cổ đông khác	24.081	2.791.996.056	93,46
Tổng cộng	24.082	2.987.282.100	100,00



TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

05% vốn điều lệ (theo Điều lệ LPBank)

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Các đợt tăng vốn:

Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (Triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Triệu đồng)	Đối tượng chào bán / Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
2008	3.300.000	3.300.000	Thành lập	NHNN
2009	350.000	3.650.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN
2011	2.000.000	5.650.000	Chuyển đổi 2.000 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi đã phát hành ra công chúng năm 2010	NHNN và UBCKNN
2011	360.000	6.010.000	Sáp nhập Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện	Thủ tướng Chính Phủ, Bộ Tài chính, NHNN và UBCKNN
2012	450.000	6.460.000	Phát hành riêng lẻ cho Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam	Thủ tướng Chính Phủ, Bộ Tài chính, NHNN và UBCKNN
2018	1.039.994	7.499.994	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức; chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	NHNN và UBCKNN
2019	1.381.447	8.881.441	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 và Chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu	NHNN và UBCKNN
2020	888.042	9.769.483	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	NHNN và UBCKNN



Thời điểm	Giá trị vốn tăng thêm (Triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (Triệu đồng)	Đối tượng chào bán / Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
2020	976.906	10.746.389	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019	NHNN và UBCKNN
2021	1.289.516	12.035.905	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020	NHNN và UBCKNN
2022	349.958	12.385.863	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	NHNN và UBCKNN
2022	2.649.997	15.035.860	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN và UBCKNN
2022	2.255.194	17.291.054	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021	NHNN và UBCKNN
2023	3.285.110	20.576.164	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022	NHNN và UBCKNN
2023	5.000.000	25.576.164	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN và UBCKNN
2025	4.296.657	29.872.821	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	NHNN và UBCKNN

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:

Trong năm 2025, LPBank không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

Tại ngày 31/12/2025, LPBank không có cổ phiếu quỹ.

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Mã chứng khoán: **LPB**

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31/12/2025: **2.987.282.100 cổ phiếu**

Giá trị vốn hóa: **124.868 tỷ VND**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài: **0,86%**

Năm 2025 đánh dấu cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển của LPBank trên thị trường vốn, thể hiện qua sự tăng trưởng vượt bậc của giá cổ phiếu LPB. Khép lại năm tài chính với nhiều kết quả kinh doanh tích cực, thị giá cổ phiếu LPB ghi nhận mức tăng trưởng hơn 34% so với đầu năm, qua đó khẳng định niềm tin của nhà đầu tư vào chiến lược phát triển bền vững và năng lực quản trị điều hành của Ngân hàng. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của năm, thị giá cổ phiếu LPB chốt ở mức 41.800 đồng/cổ phiếu, phản ánh hiệu quả kinh doanh tích cực và sức hấp dẫn của LPBank đối với các định chế tài chính cũng như nhà đầu tư cá nhân trong và ngoài nước.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA LPBANK

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư của LPBank được định hướng trở thành cầu nối vững chắc, hiệu quả giữa Ngân hàng và cộng đồng tài chính, dựa trên bốn trụ cột chính sau:

Nâng cao chất lượng công bố thông tin: LPBank tập trung vào việc xây dựng một

1

hệ thống công bố thông tin chủ động, nơi các dữ liệu về tài chính, định hướng chiến lược và kết quả hoạt động kinh doanh được truyền tải chính xác, minh bạch và đúng quy định. Việc cập nhật thường xuyên các báo cáo tài chính và thông tin trọng yếu được đặt lên hàng đầu nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin bình đẳng cho mọi nhà đầu tư.

2

Gia tăng giá trị cho cổ đông: LPBank đặt mục tiêu tối ưu hóa lợi ích cho cổ đông thông qua việc duy trì chính sách cổ tức hài hòa, hợp lý, đồng thời không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động. Trên cơ sở đó, Ngân hàng hướng tới gia tăng giá trị nội tại và củng cố sức hấp dẫn của cổ phiếu LPB, đồng thời xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững với cổ đông dựa trên sự minh bạch, thấu hiểu và tin cậy.

3

Tuân thủ và hội nhập quốc tế: Mọi hoạt động quan hệ nhà đầu tư đều vận hành trong khuôn khổ pháp lý nghiêm ngặt của UBCKNN và các Sở Giao dịch, đồng thời gắn với việc không ngừng hoàn thiện các tiêu chuẩn quản trị doanh nghiệp. LPBank chủ động áp dụng các thông lệ tiên tiến trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư nhằm tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế.

4

Đa dạng hóa kênh truyền thông và ứng dụng công nghệ: LPBank phát triển hệ thống truyền thông quan hệ nhà đầu tư đa kênh, từ website dành cho nhà đầu tư, các ấn phẩm báo cáo thường niên chất lượng cao đến các chương trình hội thảo, roadshow gặp gỡ trực tiếp nhà đầu tư. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số hóa hiện đại giúp nâng cao hiệu quả tương tác, mang đến cho nhà đầu tư những trải nghiệm thông tin nhanh chóng và thuận tiện nhất.

CAM KẾT VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Đồng hành kiến tạo tương lai thịnh vượng: LPBank xác định nhà đầu tư là đối tác đồng hành trong hành trình phát triển của Ngân hàng. Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư được triển khai trên nền tảng minh bạch, chủ động và nhất quán, với triết lý “Lắng nghe để thấu hiểu – Công khai để tin tưởng – Hành động để phát triển”.

Ngân hàng cam kết cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời và dễ tiếp cận về kết quả hoạt động, định hướng chiến lược và các vấn đề quản trị doanh nghiệp, giúp nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện về giá trị và triển vọng tăng trưởng của LPBank. Đồng thời, LPBank duy trì các kênh đối thoại cởi mở với cộng đồng nhà đầu tư nhằm lắng nghe, tiếp thu ý kiến và nâng cao chất lượng hoạt động.

Hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hiện đại hàng đầu, LPBank kiên định theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, hài hòa lợi ích của cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng, từ đó tạo dựng giá trị dài hạn cho nhà đầu tư.



CHƯƠNG 02

Thành tựu của LPBank

Bức tranh tài chính nhiều điểm sáng
Báo cáo hoạt động 2025





Năm 2025 Tăng trưởng chiều sâu – Kiến tạo giá trị bền vững

Năm 2025 diễn ra trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro và bất định do các chính sách thuế quan, căng thẳng địa chính trị và chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn. Trong bối cảnh đó, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng tích cực, khẳng định hiệu quả điều hành chính sách vĩ mô và vai trò của hệ thống ngân hàng trong việc hỗ trợ nền kinh tế.

Kế thừa nền tảng vững chắc từ chiến lược “Tinh gọn để dẫn đầu hiệu quả” của năm 2024, LPBank bước vào năm 2025 với tâm thế chủ động, nâng cao năng lực vận hành, đẩy mạnh chuyển đổi số và sẵn sàng bứt phá nội lực.

Ngân hàng duy trì tăng trưởng ổn định về quy mô, hiệu quả hoạt động và chất lượng tài sản, đồng thời cải thiện rõ rệt hiệu quả kinh doanh thông qua tối ưu chi phí, nâng cao năng suất và gia tăng đóng góp từ các nguồn thu ngoài lãi.

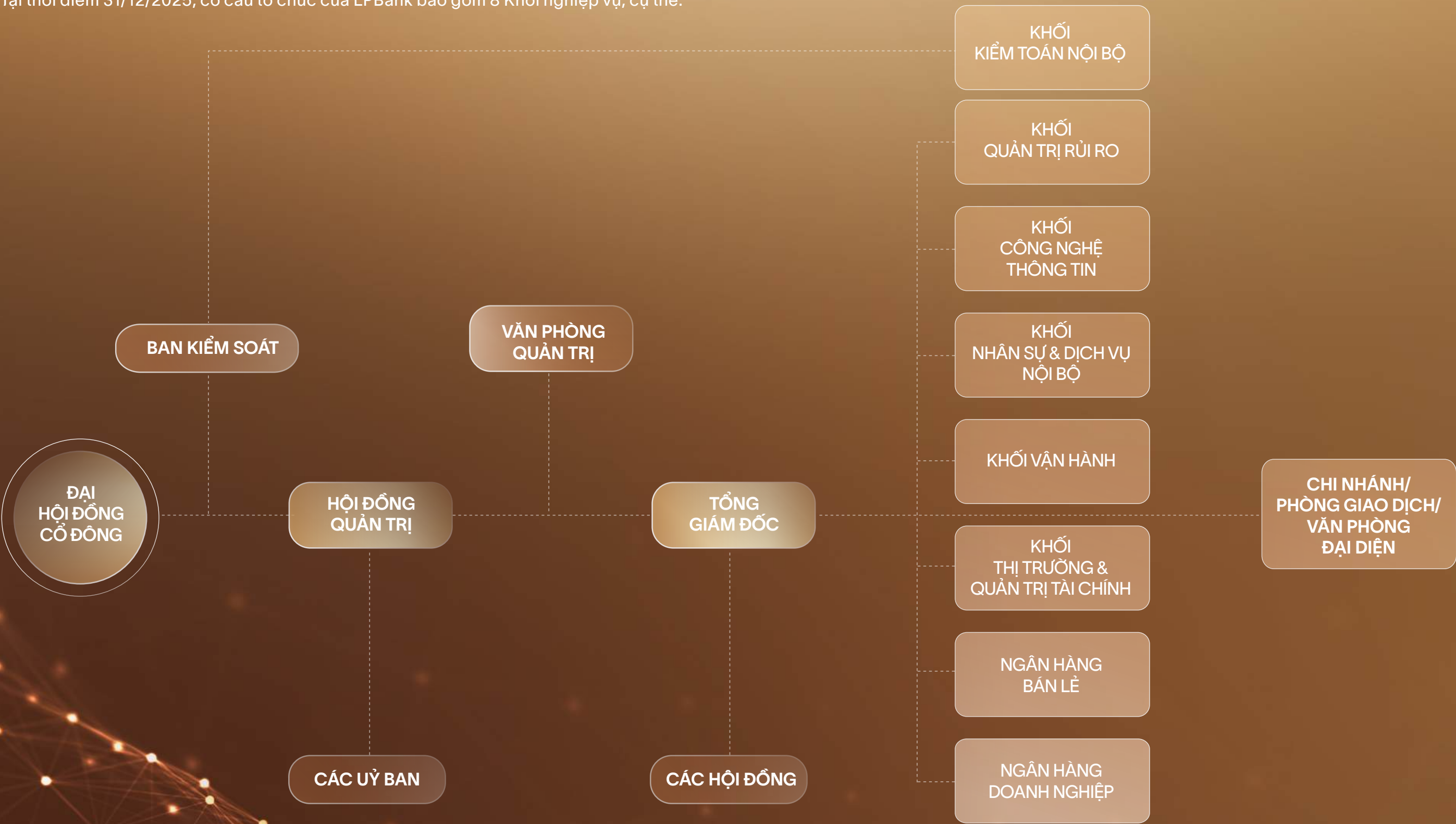
Không chỉ tăng trưởng trong kinh doanh, LPBank từng bước chuyển dịch mô hình phát triển theo chiều sâu, lấy khách hàng làm trọng tâm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và dữ liệu nhằm nâng cao trải nghiệm và hiệu quả hoạt động.

Song hành với đó, Ngân hàng tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, linh hoạt và hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Cơ cấu tổ chức

LPBank được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Tại thời điểm 31/12/2025, cơ cấu tổ chức của LPBank bao gồm 8 Khối nghiệp vụ, cụ thể:



Các công ty con, công ty liên kết: Không có

Bức tranh tài chính nhiều điểm sáng

KẾT QUẢ KINH DOANH

Kế thừa nền tảng chuyển đổi từ năm 2024, LPBank tiếp tục tăng cường nội lực, cùng cố năng lực vận hành và ghi nhận kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2025. Những kết quả này phản ánh định hướng chiến lược phù hợp cũng như khả năng thích ứng của Ngân hàng trong môi trường kinh doanh nhiều biến động.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm
1. QUY MÔ VỐN				
Vốn chủ sở hữu	tỷ đồng	43.338	47.192	8,89
Vốn điều lệ	tỷ đồng	25.576	29.873	16,80
Tổng tài sản	tỷ đồng	508.330	605.585	19,13
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	%	13,33	11,87	-1,46
2. KẾT QUẢ KINH DOANH				
Tổng huy động vốn	tỷ đồng	338.631	401.680	18,62
Tiền gửi của Tổ chức kinh tế và cá nhân	tỷ đồng	283.172	337.583	19,22
Tổng dư nợ cho vay	tỷ đồng	331.606	391.746	18,14
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	tỷ đồng	19.932	21.881	9,78
Thu nhập lãi thuần	tỷ đồng	15.394	16.034	4,16
Thu nhập ngoài lãi	tỷ đồng	4.539	5.847	28,83
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng	tỷ đồng	14.122	15.691	11,11
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	12.168	14.269	17,26
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	9.721	11.422	17,50
Tỷ suất sinh lời trên VCSH: ROE	%	25,10	25,23	0,13
Tỷ suất sinh lời trên TTS: ROA	%	2,18	2,05	-0,13
Chi phí dự phòng rủi ro	tỷ đồng	1.954	1.422	-27,21
Chi phí hoạt động	tỷ đồng	5.810	6.190	6,53
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,57	1,68	0,12
EPS	Đồng/cổ phiếu	3.221	3.824	18,72

Nhóm chỉ tiêu quy mô

TỔNG TÀI SẢN

605.585 Tỷ Đồng
Tăng 19% so với năm 2024

Năm 2025, LPBank tiếp tục mở rộng quy mô tổng tài sản so với năm trước, vượt 600 nghìn tỷ đồng. LPBank đã triển khai nhiều hoạt động kinh doanh, đa dạng hóa các dịch vụ, từ đó thu hút thêm khách hàng mới, tạo nền tảng cho tăng trưởng dư nợ tín dụng và huy động vốn trong năm 2025. Chất lượng tài sản luôn được củng cố, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định.

TÍN DỤNG

391.746 Tỷ Đồng
Tăng 18% so với năm 2024

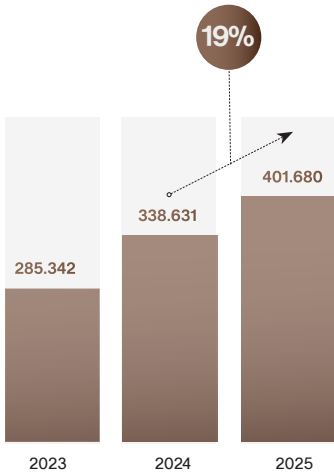
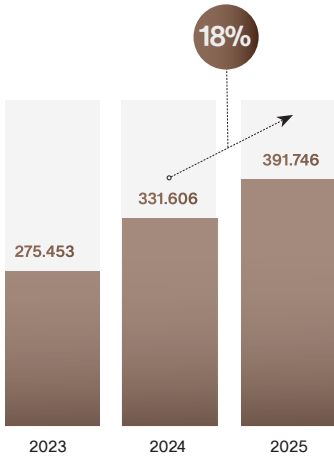
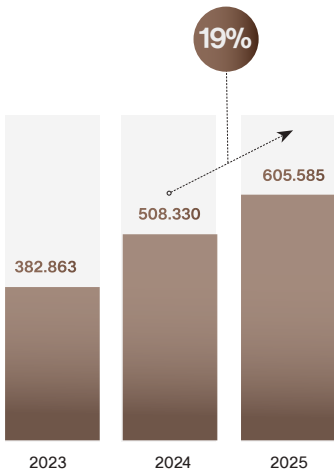
Dư nợ tín dụng tăng trưởng tích cực, đạt 391.746 tỷ đồng, tăng 18% so với cuối năm 2024. Thực hiện theo chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, trong năm 2025 LPBank đã chủ động tập trung nguồn vốn vào các lĩnh vực ưu tiên như nông nghiệp, nông thôn, công nghệ cao và sản xuất kinh doanh... nhằm thúc đẩy sự phục hồi và phát triển bền vững của nền kinh tế. Cho vay trong lĩnh vực bán lẻ tăng trưởng 20%, thể hiện đúng định hướng ưu tiên bán lẻ của Ngân hàng.

HUY ĐỘNG VỐN

401.680 Tỷ Đồng
Tăng 19% so với năm 2024

Tiếp tục đà tăng trưởng ổn định, tổng huy động vốn thị trường 1 của LPBank đạt mức 401.680 tỷ đồng vào cuối năm 2025. Nguồn vốn được cân đối phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng, đảm bảo thanh khoản và tối ưu hóa lợi nhuận. Quy mô huy động vốn tăng đều qua các năm, khẳng định uy tín của LPBank trên thị trường. Tỷ trọng tiền gửi từ khách hàng cá nhân chiếm tới 62%, cao hơn 1% so với năm 2024, cho thấy hiệu quả của chiến lược kinh doanh.

Đơn vị: tỷ đồng
% tăng trưởng so với 2024



TỶ LỆ NỢ XẤU

Tại thời điểm ngày 31/12/2025, tỷ lệ nợ xấu của LPBank đạt 1,68%, nằm trong Top 10 ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu thấp nhất toàn ngành (tỷ lệ nợ xấu toàn ngành khoảng 1,84%). Kết quả này phản ánh chiến lược chủ động, thận trọng của LPBank trong việc kiểm soát chất lượng tài sản và giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn, qua đó bảo đảm sự phát triển ổn định và bền vững. Ngân hàng duy trì kỷ luật chặt chẽ trong tăng trưởng tín dụng, đảm bảo hài hòa giữa mục tiêu quản lý rủi ro và tăng trưởng bền vững, đồng thời triển khai các biện pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng tài sản và đẩy mạnh công tác thu hồi nợ.



Nhóm chỉ tiêu hiệu quả

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

14.269 Tỷ Đồng
tăng 17% so với năm 2024

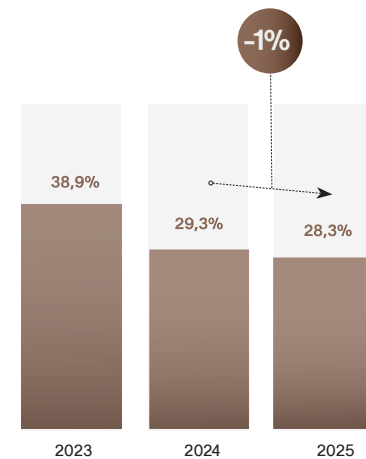
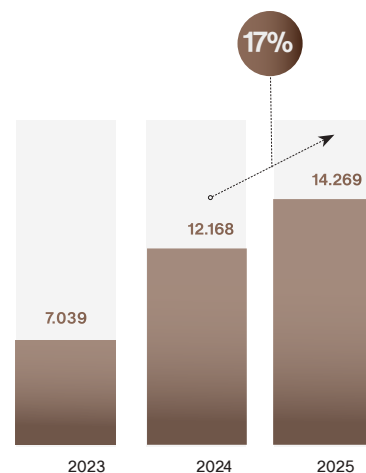
LPBank đã ghi nhận mức lợi nhuận trước thuế 14.269 tỷ đồng trong năm 2025, tăng trưởng rất tích cực 17% so với năm 2024. Năm 2025, trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn và thách thức, Ngân hàng đã tận dụng lợi thế mạng lưới rộng khắp cả nước và triển khai đồng bộ, linh hoạt các giải pháp kinh doanh nhằm gia tăng thu nhập và quản lý chi phí hiệu quả.

TỶ LỆ CHI PHÍ TRÊN THU NHẬP (CIR)

28,3%
giảm 1% so với năm 2024

LPBank thuộc nhóm các ngân hàng có CIR ở mức thấp nhất trong toàn ngành, đồng thời doanh thu thuần bình quân trên mỗi nhân sự trong năm 2025 tăng 27% so với năm trước. Kết quả này cho thấy hiệu quả tích cực trong việc tối ưu chi phí, nâng cao năng suất lao động, đầu tư vào chuyển đổi số cũng như ứng dụng công nghệ trong vận hành.

Đơn vị: tỷ đồng
% tăng trưởng so với 2024



Cấu phần lợi nhuận 2025

Các nguồn thu nhập hoạt động của LPBank năm 2025 ghi nhận tăng trưởng tích cực so với năm 2024:

- Thu nhập lãi thuần đạt hơn 16 nghìn tỷ đồng, tăng 4% so với năm 2024. Ngân hàng thường xuyên rà soát, mở rộng danh mục tín dụng, ưu tiên khách hàng có năng lực tài chính tốt và tập trung vào những lĩnh vực có tiềm năng phát triển bền vững như công nghệ, năng lượng xanh... Trong bối cảnh biên lãi ròng (NIM) của toàn ngành có xu hướng thu hẹp và lãi suất huy động tăng vào cuối năm, LPBank đã chủ động điều chỉnh lãi suất cho vay theo diễn biến của thị trường và đặc điểm từng nhóm khách hàng, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sinh lời.

- Thu nhập ngoài lãi đạt 5,8 nghìn tỷ đồng, tăng 29% so với năm 2024. Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi/tổng thu nhập hoạt động tăng từ 23% năm 2024 lên 27% năm 2025. Kết quả này đến từ việc mở rộng danh mục sản phẩm, dịch vụ, nâng cao chất lượng phục vụ, triển khai các chương trình thúc đẩy kinh doanh, chính sách ưu đãi dành cho khách hàng, qua đó góp phần đa dạng hóa nguồn thu và đẩy mạnh bán chéo các sản phẩm, dịch vụ như bảo hiểm, kinh doanh ngoại tệ, kiều hối và chuyển tiền.

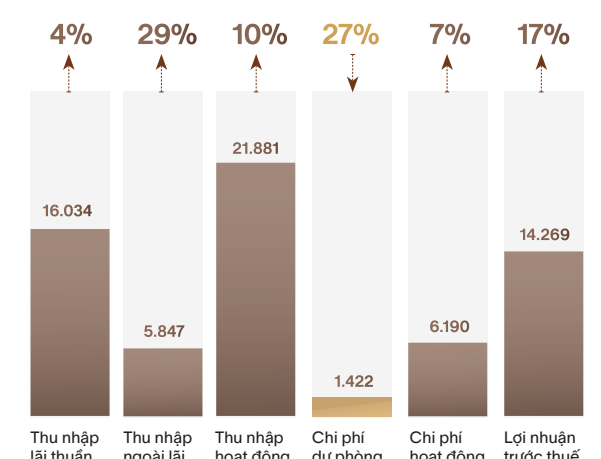
- Năm 2025, LPBank cũng đẩy mạnh thu hồi nợ xấu, đặc biệt là nợ xấu ngoại bảng ghi nhận mức tăng trưởng 148% so với năm 2024.

- Chi phí dự phòng giảm 27% nhờ quản trị rủi ro đồng bộ và hiệu quả, từ đó giảm thiểu rủi ro nợ xấu phát sinh mới, đồng thời Ngân hàng tích cực triển khai thu hồi và xử lý nợ xấu, góp phần cải thiện đáng kể chi phí dự phòng rủi ro.

- Chi phí hoạt động năm 2025 của LPBank đạt gần 6,2 nghìn tỷ đồng ngân sách, tăng 7% so với 2024, trong đó 30% mức tăng chi cho đầu tư công nghệ thông tin như hạ tầng dữ liệu, nâng cấp phần mềm.... Trong bối cảnh đó, tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) vẫn giảm 1% so với năm ngoái, phản ánh hiệu quả từ các khoản đầu tư vào chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong vận hành. Việc đẩy mạnh tự động hóa quy trình, giảm thao tác thủ công và liên tục cải tiến quy trình đã góp phần tối ưu hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.

- Chỉ số sinh lời ROA và ROE của LPBank lần lượt đạt mức 2,05% và 25,2%, thuộc nhóm có tỷ suất sinh lời hàng đầu toàn ngành, vượt trội so với mức bình quân ngành Ngân hàng lần lượt 1,51% và 17,52%.

Đơn vị: tỷ đồng
% tăng trưởng so với 2024



Tổng tài sản

605,6 Nghìn tỷ đồng
+19,1%

Lợi nhuận trước thuế

14,3 Nghìn tỷ đồng
+17,3%

Dư nợ cho vay

391,7 Nghìn tỷ đồng
+18,1%

Tiền gửi khách hàng

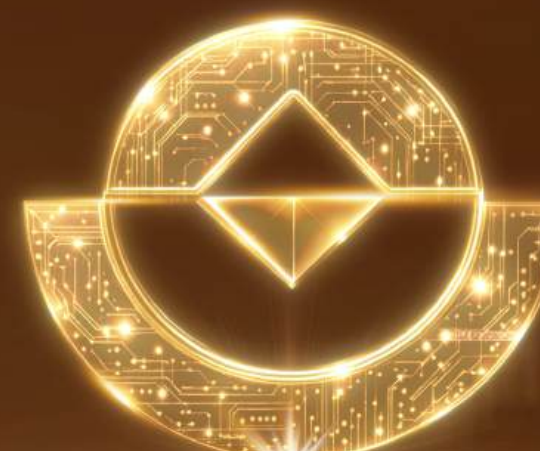
337,6 Nghìn tỷ đồng
+19,1%

ROA

2,05%

ROE

25,2% +0,13% | Top 2 toàn ngành



Thị trường và Quản trị tài chính

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TIỀN TỆ

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn khi một số quốc gia và khu vực ghi nhận mức tăng trưởng suy giảm, với mục tiêu “đồng hành cùng người dân và doanh nghiệp”, LPBank đã linh hoạt sử dụng các kênh huy động vốn trên thị trường tiền tệ nhằm tối ưu chi phí vốn, đồng thời đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng. Qua đó, Ngân hàng đã hoàn thành các mục tiêu đặt ra từ đầu năm, bao gồm: đảm bảo thanh khoản của toàn hệ thống tại mọi thời điểm; tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động và tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn.

Trên cơ sở kết quả tích cực đạt được trong năm 2025, bước sang năm 2026, LPBank tiếp tục thúc đẩy hoạt động trên thị trường tiền tệ, sử dụng linh hoạt nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn. Song song với đó, LPBank tiếp tục tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao hình ảnh và vị thế của Ngân hàng trên thị trường tài chính trong nước và quốc tế.

HOẠT ĐỘNG PHÁT HÀNH VÀ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN NỢ

Năm 2025, LPBank tiếp tục đẩy mạnh hoạt động phát hành giấy tờ có giá (GTCG) nhằm tăng cường nguồn vốn ngắn, trung và dài hạn, đồng thời nâng cao năng lực tài chính và đáp ứng các chỉ tiêu an toàn theo quy định. Trong năm, Ngân hàng đã triển khai phát hành khoảng 49.000 tỷ đồng GTCG LPBank, góp phần đa dạng hóa kênh huy động vốn và tối ưu cơ cấu nguồn vốn. Các sản phẩm được thiết kế với kỳ hạn đa dạng, từ dưới 1 năm đến 10 năm, bảo đảm sự linh hoạt trong quản trị nguồn vốn và phù hợp với nhu cầu của từng nhóm nhà đầu tư. Trong số đó, Ngân hàng đã phát hành thành công 4.000 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng, khẳng định uy tín và sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trên thị trường. Kết quả tích cực từ hoạt động phát hành GTCG trong năm 2025 tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững, đồng thời góp phần củng cố các tỷ lệ bảo đảm an toàn và năng lực cạnh tranh của Ngân hàng trên thị trường.

Song song với hoạt động phát hành, LPBank chủ động nắm bắt các diễn biến thuận lợi của thị trường để đẩy mạnh hoạt động đầu tư GTCG của các Tổ chức tín dụng (TCTD). Cơ cấu danh mục đầu tư được xây dựng theo hướng đa dạng và linh hoạt, vừa nâng cao hiệu quả sinh lời, vừa bảo đảm kiểm soát tốt rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Danh mục đầu tư GTCG do các TCTD phát hành của Ngân hàng được phân bổ tương đối đồng đều, đa dạng về kỳ hạn, lãi suất và chủ thể phát hành.



Tính đến ngày 31/12/2025, tổng danh mục đầu tư GTCG do các TCTD trong nước phát hành (không bao gồm trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh) đạt hơn 24.000 tỷ đồng. Hoạt động này không chỉ góp phần tối ưu hiệu quả sử dụng vốn mà còn tiếp tục củng cố vị thế và uy tín của LPBank trên thị trường, đồng thời tăng cường mối quan hệ hợp tác tốt với các đối tác trong hệ thống tài chính ngân hàng.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI TỆ VÀ CÁC SẢN PHẨM PHÁI SINH

Năm 2025, thị trường ngoại hối trong và ngoài nước chịu tác động từ nhiều yếu tố bất định của kinh tế toàn cầu, bao gồm việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) duy trì lãi suất ở mức cao, chính sách thuế quan của Mỹ, cùng những căng thẳng địa chính trị như xung đột Nga – Ukraina và bất ổn Trung Đông. Trong nước, áp lực thanh khoản của đồng VND cũng gia tăng, khiến thị trường ngoại tệ gặp nhiều thách thức. Tính đến ngày 31/12/2025, VND đã mất giá khoảng 3,2% so với thời điểm đầu năm.

Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh ngoại tệ của LPBank tập trung trọng tâm vào việc đảm bảo thanh khoản ngoại tệ cho toàn hệ thống, đồng thời tìm kiếm lợi nhuận trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định và định hướng điều hành của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng



chủ động điều hành và duy trì hiệu quả thanh khoản ngoại tệ trên toàn hệ thống, đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra thông suốt, không xảy ra gián đoạn. Đồng thời, LPBank cung ứng đầy đủ các giải pháp và sản phẩm ngoại hối nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán, chuyển tiền, du lịch,... của Khách hàng Doanh nghiệp và Khách hàng Cá nhân, cũng như nhu cầu phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá và lãi suất.



Thông qua việc phát triển và tối ưu hóa sản phẩm, tăng cường tư vấn sát với nhu cầu thực tế của khách hàng, cũng như triển khai các chương trình ưu đãi về giá và giải pháp tài chính trọn gói, Ngân hàng đã đồng hành cùng các đơn vị kinh doanh và khách hàng trong việc ứng phó với những biến động của thị trường tài chính trong nước và quốc tế. Các giải pháp được triển khai bám sát diễn biến thị trường, góp phần hạn chế tác động bất lợi và bảo vệ hiệu quả lợi ích của khách hàng cũng như Ngân hàng.

Trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, LPBank tiếp tục khẳng định vai trò là một trong những thành viên tích cực và là nhà tạo lập thị trường hàng đầu. Trong năm 2025, Ngân hàng tiếp tục được vinh danh với giải thưởng “Nhà tạo lập thị trường giao dịch ngoại tệ hoán đổi (FX SWAP)” do Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA) trao tặng.

Bước sang năm 2026, LPBank tiếp tục đặt mục tiêu đảm bảo thanh khoản ngoại tệ, đồng thời theo dõi sát diễn biến thị trường để kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh hiệu quả. Ngân hàng cũng sẽ tăng cường mở rộng tệp khách hàng, qua đó tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong và vị thế tích cực của LPBank trên thị trường ngoại hối liên ngân hàng cũng như thị trường tài chính.



Ngân hàng Bán lẻ

Phân khúc hóa để tăng trưởng bền vững - Cá nhân hóa để dẫn dắt trải nghiệm khách hàng

BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Tiếp nối năm 2024 với trọng tâm “Tinh gọn để dẫn đầu hiệu quả – Vận hành xuất sắc”, LPBank bước vào năm 2025 trên nền tảng tổ chức, công nghệ và quản trị đã được chuẩn hóa và củng cố vững chắc. Trên cơ sở đó, mảng Ngân hàng Bán lẻ xác định năm 2025 là năm chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng bền vững và có chiều sâu, gắn với triết lý lấy khách hàng làm trọng tâm.

Ngành ngân hàng đang bước vào giai đoạn cạnh tranh mới với trọng tâm đặt vào dữ liệu, trải nghiệm khách hàng và năng lực cá nhân hóa. Trong bối cảnh đó, LPBank xác lập ba nguyên tắc điều hành xuyên suốt:

THỨ NHẤT

CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH KINH DOANH THEO PHÂN KHÚC

Chuyển từ tăng trưởng theo quy mô sang tăng trưởng theo giá trị giải pháp tài chính; từ cung ứng sản phẩm đơn lẻ sang thiết kế giải pháp tài chính theo từng phân khúc khách hàng; từ quản lý giao dịch ngắn hạn sang quản trị vòng đời khách hàng toàn diện.

THỨ HAI

LẤY KHÁCH HÀNG LÀM TRỌNG TÂM TRONG MỌI QUYẾT ĐỊNH

Sản phẩm, chính sách, mô hình phục vụ, mô hình vận hành và trải nghiệm được thiết kế dựa trên hành trình khách hàng, bảo đảm tính liền mạch, nhất quán và tối ưu trên cả kênh số và kênh vật lý.

THỨ BA

THIẾT KẾ GIẢI PHÁP DỰA TRÊN DỮ LIỆU VÀ SỐ HÓA GẮN VỚI HIỆU QUẢ KINH DOANH

Chuyển từ tư duy triển khai sản phẩm rời rạc sang xây dựng hệ sinh thái và “combo giải pháp tài chính” phù hợp từng phân khúc, đồng thời tối ưu danh mục nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng vốn và kiểm soát chi phí.

Năm 2025 vì vậy không chỉ là năm triển khai các sáng kiến mới nhằm hoàn thiện các nền tảng, mà còn đánh dấu việc tái cấu trúc căn bản phương thức vận hành và tư duy tăng trưởng của Ngân hàng Bán lẻ.



CHUYỂN DỊCH TỪ TĂNG TRƯỞNG THEO QUY MÔ SANG TĂNG TRƯỞNG THEO GIÁ TRỊ

Trong giai đoạn trước, tăng trưởng bán lẻ chủ yếu được đo lường thông qua số lượng khách hàng, doanh số giải ngân, số dư tín dụng và sản lượng giao dịch. Bước sang năm 2025, LPBank chuyển trọng tâm sang nâng cao giá trị khai thác trên mỗi khách hàng, thông qua việc từng bước xác lập mục tiêu tập trung vào:

Gia tăng giá trị vòng đời khách hàng (Customer Lifetime Value)

Nâng cao tỷ lệ sử dụng đa sản phẩm

Chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu, đo lường các chỉ số dựa trên khách hàng hoạt động

Tăng trưởng CASA gắn với tối ưu chi phí vốn

Phân bổ nguồn lực theo mức độ đóng góp giá trị và hiệu quả sinh lời

Mô hình tăng trưởng được điều chỉnh theo ba chuyển dịch cốt lõi:

MÔ HÌNH TRƯỚC ĐÂY

Tăng trưởng theo số lượng CIF

Bán sản phẩm đơn lẻ

Quản lý theo chỉ tiêu ngắn hạn và sản phẩm đơn lẻ

MÔ HÌNH TỪ 2025

Tăng trưởng theo giá trị tạo ra trên tập khách hàng hoạt động và mức độ gắn bó của khách hàng

Thiết kế giải pháp theo phân khúc. Ưu tiên giải pháp Combo để một điểm chạm khách hàng được dùng nhiều sản phẩm

Quản trị danh mục và vòng đời khách hàng. Các giải pháp sản phẩm gắn với các nhu cầu hành vi khách hàng gồm: Giao dịch hàng ngày, Tích lũy, Vay vốn, Bảo vệ và Đầu tư.

Chuyển đổi này tạo nền tảng để LPBank xây dựng mô hình Ngân hàng Bán lẻ dựa trên dữ liệu và cá nhân hóa gắn với thiết kế giải pháp sản phẩm và triển khai chiến dịch kinh doanh theo phân khúc khách hàng.

TÁI THIẾT KẾ GIẢI PHÁP TỪ NHU CẦU THỰC TẾ

HOÀN THIỆN HỆ SINH THÁI DỊCH VỤ THEO PHÂN KHÚC - RA MẮT LPBANK PRIORITY

Năm 2025 đánh dấu bước tiến quan trọng khi LPBank chính thức ra mắt mô hình dịch vụ khách hàng ưu tiên LPBank Priority.

Đây không chỉ là một gói dịch vụ, mà là mô hình tái cấu trúc toàn diện nguồn lực nhằm phục vụ phân khúc khách hàng giá trị cao, bao gồm:

Chuẩn hóa khung phân hạng và cơ chế nhận diện khách hàng

Phát triển không gian dịch vụ chuyên biệt (Private Lounge, Private Lounge Coffee)

Triển khai dòng thẻ Visa Signature với đặc quyền cao cấp

Xây dựng đội ngũ tư vấn chuyên biệt và giải pháp quản trị tài chính cá nhân chuyên sâu

Mô hình thể hiện rõ định hướng chuyển dịch từ phục vụ đại trà sang phục vụ phân tầng, đồng thời nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực và giá trị khai thác trên mỗi khách hàng. Đây là nền tảng để LPBank hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng Top 5 về dịch vụ Priority tại các đô thị lớn vào năm 2028.

GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH LINH HOẠT VỚI SINH LỜI LỘC PHÁT 2.0 VÀ TIẾT KIỆM LỘC PHÁT THỊNH VƯỢNG

Năm 2025, LPBank triển khai Sinh lời Lộc Phát 2.0 – giải pháp quản trị dòng tiền linh hoạt trên nền tảng số, kết hợp giữa mức sinh lời cạnh tranh và khả năng thanh khoản cao.

Tính đến 31/12/2025, sản phẩm đã thu hút hơn 200.000 khách hàng sử dụng chỉ sau chưa đầy một năm triển khai.

Đối với khách hàng, sản phẩm cho phép tối ưu hiệu quả sử dụng vốn theo thời gian thực, đồng thời đảm bảo tính an toàn và thuận tiện trong giao dịch. Mức sinh lời cạnh tranh (lên tới 5%/năm tại thời điểm triển khai) giúp gia tăng sức hấp dẫn và khả năng tiếp cận trên thị trường.

Đối với Ngân hàng, sản phẩm góp phần:

- 🏠 Gia tăng CASA và tối ưu chi phí vốn;
- 👥 Mở rộng tệp khách hàng và nền tảng số;
- 🚀 Nâng cao mức độ gắn kết và tần suất sử dụng dịch vụ.

Tiếp nối đó, từ Quý IV/2025, LPBank triển khai sản phẩm tiết kiệm Lộc Phát Thịnh Vượng dành riêng cho phân khúc khách hàng ưu tiên, góp phần hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm và gia tăng chiều sâu khai thác khách hàng giá trị cao.

Các giải pháp này phản ánh rõ xu hướng chuyển dịch từ tiết kiệm truyền thống sang các sản phẩm tài chính linh hoạt, số hóa và cá nhân hóa, đồng thời khẳng định định hướng thiết kế giải pháp dựa trên nhu cầu thực tế của khách hàng thay vì cạnh tranh thuần túy về lãi suất.



GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH CHO PHÂN KHÚC HỘ KINH DOANH/ TIỂU THƯƠNG – COMBO ĐẠI CÁT VÀ LOA LỘC PHÁT

Trong năm 2025, LPBank đẩy mạnh phát triển phân khúc hộ kinh doanh thông qua bộ giải pháp “Combo Đại Cát – Kinh doanh Lộc Phát”, kết hợp cùng Loa Lộc Phát – thiết bị hỗ trợ quản lý dòng tiền tại điểm bán.

Giải pháp được thiết kế như một hệ sinh thái tài chính tích hợp, bao gồm tài khoản ưu đãi và các công cụ hỗ trợ vốn, giúp khách hàng:

- 🏠 Tiếp cận nguồn vốn thuận tiện;
- 👥 Quản lý dòng tiền theo thời gian thực;
- 🚀 Giảm thiểu sai sót và nâng cao hiệu quả vận hành.

Việc triển khai rộng rãi tới hơn nửa triệu hộ kinh doanh đã góp phần gia tăng quy mô khách hàng, mở rộng độ phủ thị trường và khẳng định hiệu quả của chiến lược cung cấp giải pháp tài chính trọn gói theo phân khúc.



PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KHÁCH HÀNG AN SINH XÃ HỘI VÀ HƯU TRÍ

LPBank tiếp tục đẩy mạnh khai thác phân khúc khách hàng nhận lương hưu và trợ cấp xã hội – trên cơ sở lợi thế hệ thống giao dịch của Bưu điện Việt Nam – Vietnam Post và mạng lưới LPBank. Bên cạnh hiệu quả kinh doanh, hoạt động này còn thể hiện trách nhiệm xã hội của LPBank trong việc phổ cập dịch vụ ngân hàng tài chính cho nhóm khách hàng hưu trí và nhận trợ cấp xã hội.

Năm 2025, Ngân hàng phục vụ gần 500.000 khách hàng, trong đó:

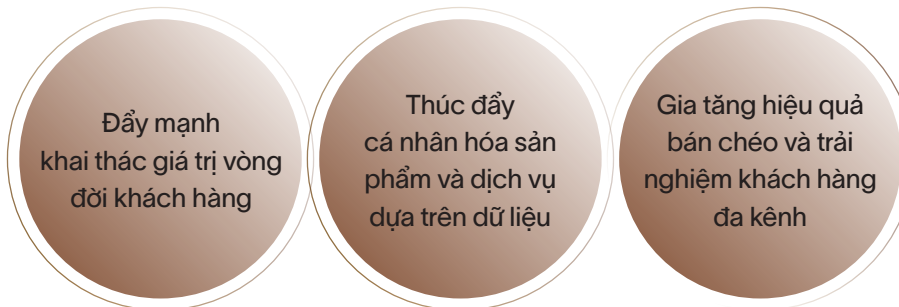
- 🏠 100% sử dụng Tài khoản thanh toán An Khang;
- 👥 Gần 70% khách hàng hưu trí và nhận trợ cấp xã hội đa số ở khu vực nông thôn có sử dụng App LPBank;
- 🚀 25% sử dụng sản phẩm Cho vay Tín dụng Hưu trí bằng cách ứng trước lương và thu nhập phục vụ cho kinh doanh và cuộc sống trả góp hàng tháng.

Bên cạnh hiệu quả kinh doanh ổn định, hoạt động này góp phần thúc đẩy tài chính toàn diện, mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng tới các nhóm khách hàng đặc thù, đồng thời củng cố hình ảnh LPBank là ngân hàng gắn với trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

DẤU MỐC CHIẾN LƯỢC 5 TRIỆU KHÁCH HÀNG HOẠT ĐỘNG

Tháng 10/2025, LPBank chính thức chào đón khách hàng cá nhân đang hoạt động thứ 5 triệu, đánh dấu cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển bán lẻ của Ngân hàng.

Dấu mốc này không chỉ phản ánh sự tăng trưởng về quy mô, mà còn thể hiện niềm tin ngày càng lớn của khách hàng đối với thương hiệu LPBank. Nền tảng 5 triệu khách hàng đồng thời mở ra cơ hội chiến lược để LPBank:



Đây cũng là nền tảng để LPBank phát triển mô hình Ngân hàng Bán lẻ dựa trên dữ liệu và năng lực cạnh tranh khách hàng, từ đó hình thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi.

CON NGƯỜI VÀ VĂN HÓA BÁN LẺ – NỀN TẢNG CHO TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

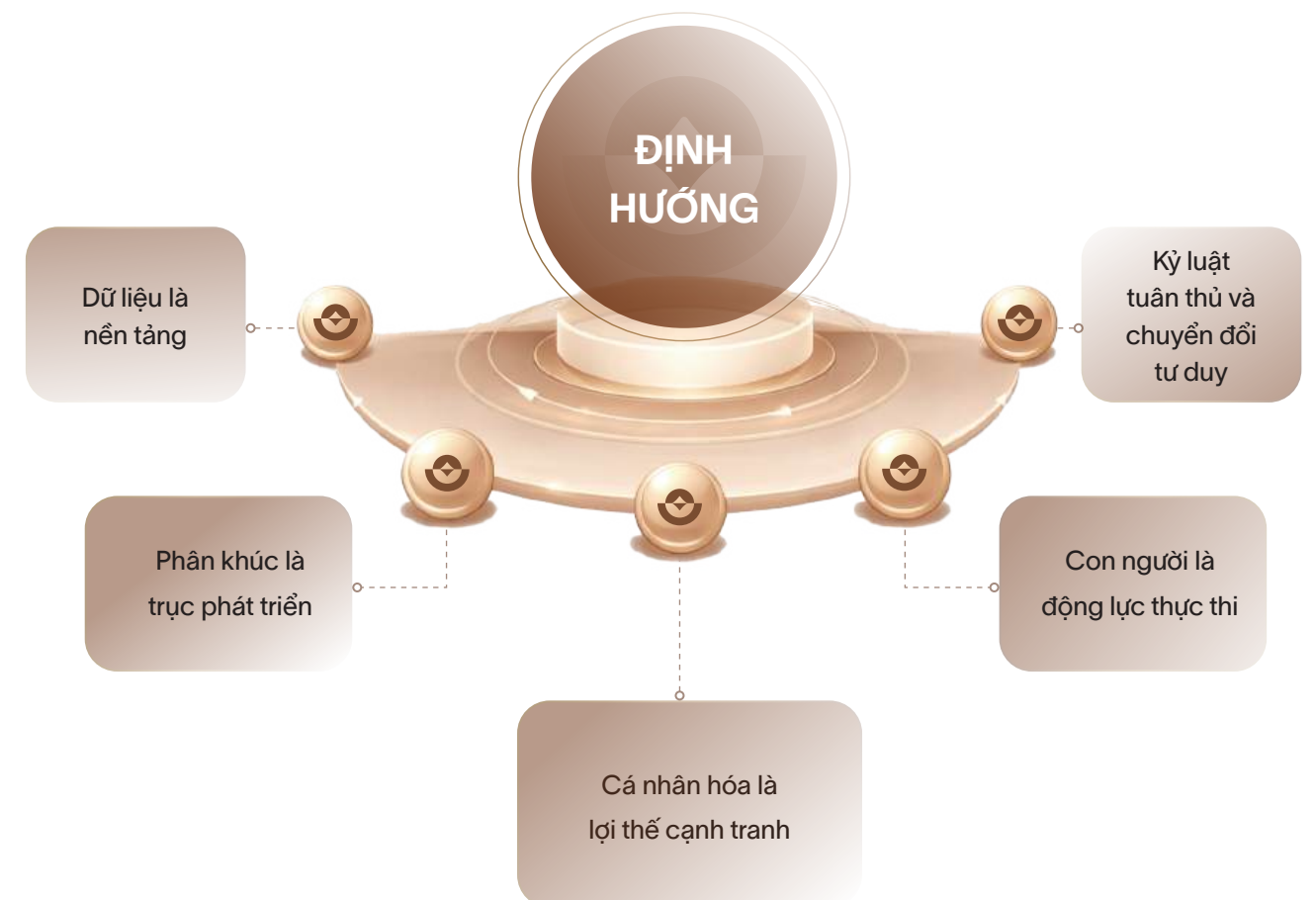
Song hành với đổi mới mô hình kinh doanh, LPBank tiếp tục đầu tư phát triển nguồn nhân lực và xây dựng văn hóa bán lẻ thông qua các chương trình như LPBank Future và LPLumi - Cafe cùng Ban lãnh đạo (LPLumi). LPBank Future là chương trình phát triển nhân sự nguồn, lựa chọn và đào tạo các cán bộ kinh doanh chủ chốt tại 8 vùng kinh doanh Ngân hàng Bán lẻ trên toàn quốc, hướng tới xây dựng đội ngũ lãnh đạo kế cận và nâng cao năng lực bán lẻ của toàn hệ thống.



Trong khi đó, LPLumi trở thành diễn đàn kết nối Ban Lãnh đạo với lực lượng kinh doanh tuyến đầu, thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, lan tỏa tinh thần đổi mới và củng cố văn hóa bán hàng.

Thông qua các chương trình này, LPBank mong muốn tôn vinh lực lượng bán hàng tuyến đầu, đồng thời thúc đẩy văn hóa hướng tới khách hàng, để cao hiệu quả thực thi.

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển quan trọng của Ngân hàng Bán lẻ LPBank: từ giai đoạn tinh gọn để nâng cao hiệu quả vận hành sang tái cấu trúc mô hình tăng trưởng dựa trên phân khúc và giá trị vòng đời khách hàng. Với ba nguyên tắc điều hành xuyên suốt gồm: chuyển đổi mô hình, lấy khách hàng làm trọng tâm và thiết kế giải pháp gắn với hiệu quả phát triển kinh doanh, LPBank đang từng bước xây dựng mô hình ngân hàng bán lẻ hiện đại với định hướng:





Ngân hàng Doanh nghiệp

Định vị chiến lược

Kiến tạo Ngân hàng Doanh nghiệp – Trụ cột tăng trưởng bền vững và dẫn dắt hệ sinh thái

Năm 2025 đánh dấu bước chuyển dịch mang tính cấu trúc của Ngân hàng Doanh nghiệp LPBank (NHDN), từ mô hình tăng trưởng dựa trên sản phẩm sang mô hình định vị theo hệ sinh thái khách hàng và chuỗi giá trị. NHDN không chỉ được xác lập là một trụ cột kinh doanh trọng yếu, mà còn là động lực trung tâm thúc đẩy tăng trưởng bền vững của toàn hệ thống.

Trọng tâm chiến lược được chuyển dịch rõ rệt sang phục vụ sâu rộng đồng doanh nghiệp, đặc biệt là phân khúc SME, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và các mắt xích trong chuỗi cung ứng. Thay vì tiếp cận đơn lẻ theo từng giao dịch, NHDN hướng tới vai trò đối tác tài chính chiến lược, đồng hành cùng doanh nghiệp trong toàn bộ vòng đời, từ hình thành, mở rộng đến tái cấu trúc và phát triển bền vững.

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh biến động nhanh, cạnh tranh ngày càng đa chiều và yêu cầu về hiệu quả vốn ngày càng cao, NHDN xác lập ba trụ cột chiến lược nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn:

LẤY KHÁCH HÀNG LÀM TRỌNG TÂM CHUYỂN DỊCH TỪ CUNG CẤP SẢN PHẨM SANG KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

NHDN tái cấu trúc mô hình vận hành xoay quanh nhu cầu thực và hành vi tài chính của khách hàng, thay vì tiếp cận theo danh mục sản phẩm truyền thống. Các giải pháp được thiết kế theo từng phân khúc, ngành nghề và chuỗi giá trị, từ đó:

- 🔗 Gia tăng mức độ thấu hiểu và cá nhân hóa dịch vụ;
- 🔗 Tăng cường mức độ gắn kết và tăng tỷ lệ sử dụng sản phẩm của khách hàng tại LPBank;
- 🔗 Chuyển đổi quan hệ từ giao dịch ngắn hạn sang hợp tác dài hạn;

Cách tiếp cận này giúp NHDN dịch chuyển từ vai trò nhà cung cấp vốn sang nhà tư vấn tài chính tích hợp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho khách hàng.

DẪN DẮT BẰNG DỮ LIỆU VÀ CÔNG NGHỆ

NỀN TẢNG CHO TĂNG TRƯỞNG QUY MÔ VÀ KIỂM SOÁT RỦI RO

NHDN định hướng xây dựng mô hình vận hành dựa trên dữ liệu, trong đó dữ liệu trở thành tài sản cốt lõi để:



Song song, việc đẩy mạnh số hóa quy trình và tích hợp các nền tảng công nghệ giúp NHDN mở rộng quy mô mà không làm gia tăng tương ứng chi phí, đồng thời nâng cao trải nghiệm khách hàng và năng lực cạnh tranh.



CUNG CẤP GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH TOÀN DIỆN

TỪ SẢN PHẨM ĐƠN LẺ ĐẾN HỆ SINH THÁI DỊCH VỤ

NHDN chuyển trọng tâm từ cung cấp tín dụng sang phát triển hệ sinh thái giải pháp tài chính tích hợp, bao gồm:

- 🏡 Tài trợ chuỗi cung ứng (SCF)
- 🏡 Quản lý dòng tiền và thanh khoản
- 🏡 Bảo lãnh, thương mại quốc tế
- 🏡 Các giải pháp tài chính chuyên biệt theo ngành

Các giải pháp được thiết kế theo đặc thù từng lĩnh vực, nhằm tối ưu hiệu quả vận hành, giảm chi phí vốn và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Qua đó, NHDN không chỉ gia tăng giá trị cho khách hàng mà còn mở rộng nguồn thu phi tín dụng và cải thiện chất lượng tài sản, hướng tới mô hình tăng trưởng cân bằng và bền vững.

Hoạt động kinh doanh và thành tựu năm 2025

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong năm 2025, NHDN ghi nhận tăng trưởng tích cực, đóng góp quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của LPBank.

Ngân hàng tiếp tục:

- 🏡 Mở rộng tín dụng có chọn lọc, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước;
- 🏡 Đa dạng hóa sản phẩm tài chính phục vụ doanh nghiệp;
- 🏡 Nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.

Các giải pháp tài chính dành cho doanh nghiệp được triển khai theo hướng toàn diện, bao gồm:

- 🏡 Giải pháp vốn: Tài trợ vốn lưu động và đầu tư;
- 🏡 Giải pháp giao dịch và thương mại: Tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế;
- 🏡 Giải pháp quản lý dòng tiền: Thu chi hộ và tài khoản sinh lời;
- 🏡 Giải pháp cấu trúc vốn (đối với khách hàng doanh nghiệp lớn).

MỞ RỘNG TẬP KHÁCH HÀNG VÀ GIA TĂNG MỨC ĐỘ GẮN KẾT

LPBank tiếp tục mở rộng tệp khách hàng doanh nghiệp, đồng thời nâng cao mức độ gắn kết thông qua:

- 🏡 Tăng cường chăm sóc khách hàng;
- 🏡 Cải tiến quy trình phục vụ;
- 🏡 Đẩy mạnh kênh số trong giao dịch;

Việc phát triển khách hàng không chỉ tập trung vào số lượng mà còn hướng tới nâng cao chất lượng và hiệu quả khai thác trên từng khách hàng.

PHÁT TRIỂN CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH CHUYÊN BIỆT

Nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của doanh nghiệp, LPBank tập trung phát triển các sản phẩm và giải pháp tài chính chuyên biệt theo đặc thù từng ngành và lĩnh vực hoạt động.

Một số giải pháp trọng tâm được NHDN triển khai trong năm 2025 gồm:

- 🏡 Gói tín dụng siêu nhanh, giúp rút ngắn thời gian phê duyệt và nâng cao khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp;
- 🏡 Cho vay lĩnh vực xây lắp, đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án hạ tầng và xây dựng;

- ☑ Cho vay xuất khẩu, góp phần thúc đẩy hoạt động thương mại quốc tế của doanh nghiệp;
 - ☑ Các sản phẩm bảo lãnh chuyên ngành, hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động đấu thầu và triển khai dự án.
- Những giải pháp này giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn và tối ưu hiệu quả tài chính trong quá trình hoạt động.



4. ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Chuyển đổi số tiếp tục là một trong những định hướng trọng tâm của NHDN trong năm 2025 nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu hiệu quả vận hành.

- Các nền tảng và giải pháp nổi bật đã được triển khai trong năm 2025 gồm:
- ☑ LPBank Biz – nền tảng ngân hàng số doanh nghiệp thế hệ mới, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các giao dịch tài chính nhanh chóng, an toàn và thuận tiện;
 - ☑ LocPhat Pay – giải pháp thu và quản trị dòng tiền tập trung trên nền tảng số dành cho doanh nghiệp;
 - ☑ Hình thành hệ sinh thái tài chính số cho doanh nghiệp, giúp tối ưu quản trị dòng tiền và kết nối các dịch vụ tài chính.

Trong giai đoạn tới, LPBank tiếp tục đầu tư phát triển các nền tảng ngân hàng số doanh nghiệp theo hướng mở rộng hệ sinh thái, nâng cao mức độ tự động hóa và tăng cường ứng dụng dữ liệu lớn cùng trí tuệ nhân tạo trong các hoạt động tài chính doanh nghiệp.

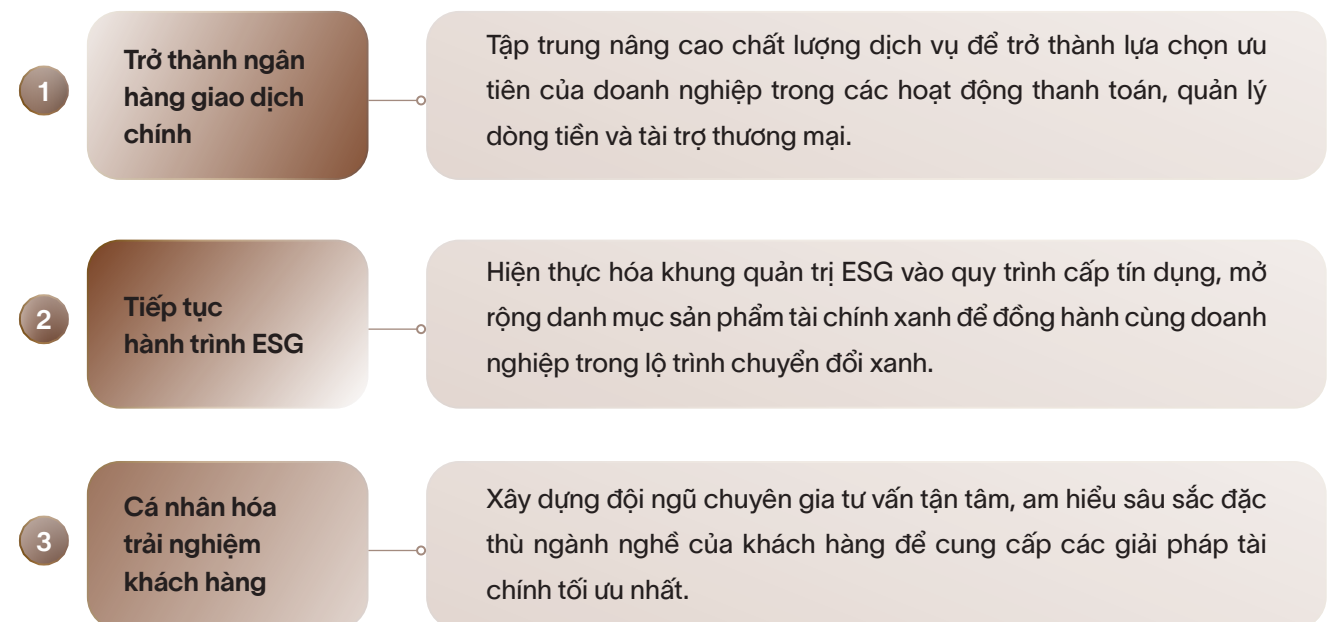
5. TĂNG CƯỜNG QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG TÍN DỤNG

Song song với tăng trưởng, LPBank chú trọng kiểm soát rủi ro và nâng cao chất lượng tín dụng trong phân khúc doanh nghiệp:

- ☑ Tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- ☑ Thực hiện thẩm định tín dụng chặt chẽ;
- ☑ Kiểm soát danh mục tín dụng theo định hướng an toàn, bền vững.

Việc kiểm soát chặt chẽ chất lượng tài sản, thẩm định kỹ lưỡng phương án kinh doanh và bám sát diễn biến thị trường giúp tỷ lệ nợ xấu luôn nằm trong ngưỡng kiểm soát an toàn, đảm bảo sự phát triển bền vững của LPBank.

6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CHƯƠNG 03

Kiến tạo sức mạnh số

Chiến lược chuyển đổi số tại LPBank
Hành trình chuyển đổi số
Thành tựu chuyển đổi số
Định hướng chiến lược 2026-2028

Chiến lược chuyển đổi số tại LPBank

Năm 2025 là năm bản lề trong chiến lược phát triển trung hạn của LPBank, đánh dấu bước chuyển từ giai đoạn “Triển khai chuyển đổi số” sang giai đoạn **“Vận hành dựa trên nền tảng số và dữ liệu”**.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về chuyển đổi số quốc gia và định hướng của Ngân hàng Nhà nước về hiện đại hóa hệ thống ngân hàng, LPBank đã triển khai đồng bộ chương trình tái cấu trúc công nghệ, chuẩn hóa kiến trúc hệ thống và tích hợp các yếu tố phát triển bền vững (ESG) vào mô hình vận hành.

Chiến lược chuyển đổi số giai đoạn 2025 - 2028 được xây dựng trên các nguyên tắc:

- ☺ Lấy khách hàng làm trọng tâm;
- ☺ Phát triển năng lực con người và năng lực số của tổ chức nhằm bảo đảm hiệu quả vận hành và an toàn trong môi trường số;
- ☺ Bảo đảm an toàn hệ thống và dữ liệu;
- ☺ Gắn công nghệ với hiệu quả kinh doanh và quản trị rủi ro;
- ☺ Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực quốc tế;
- ☺ Hướng tới mô hình ngân hàng xanh, vận hành bền vững.



Hành trình Chuyển đổi số

Giai đoạn 2021 - 2025, LPBank tập trung thực hiện tái cấu trúc toàn diện nền tảng công nghệ theo hướng chuẩn hóa, tích hợp và mở rộng.

HOÀN THIỆN KIẾN TRÚC & HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ

- ☺ Tái thiết kế hệ thống theo mô hình Enterprise Architecture;
- ☺ Chuẩn hóa nền tảng tích hợp Open API theo quy định hiện hành;
- ☺ Hoàn thiện hạ tầng Hybrid Cloud và Trung tâm dữ liệu hiện đại (DC1-DC2-DR) bảo đảm mức độ sẵn sàng hệ thống đạt 99,99%; Từng bước hợp nhất và tối ưu tài nguyên hạ tầng.

Các giải pháp trên không chỉ nâng cao tính ổn định, mà còn giảm thiểu rủi ro gián đoạn dịch vụ và tối ưu chi phí vận hành.

PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG DỮ LIỆU VÀ ỨNG DỤNG AI

- ☺ Quy hoạch và triển khai kho dữ liệu tập trung (Data Warehouse - DWH), Kho dữ liệu tác nghiệp (Operational Data Store - ODS), Hồ dữ liệu (Data Lakehouse - DL);
- ☺ Chuyển đổi nền tảng và xây dựng mô hình dữ liệu (Data Lakehouse, Customer 360, CDP);
- ☺ Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) và Học máy (Machine Learning - ML) trong dự báo rủi ro tín dụng, cảnh báo sớm nợ xấu, dự báo dòng tiền và chăm sóc khách hàng; tự động hóa quy trình và siêu cá nhân hóa (hyper-personalization: khách hàng được phục vụ theo "phiên bản riêng của mình");
- ☺ Chuyển đổi tư duy và năng lực con người - xây dựng văn hóa số "AI First";
- ☺ Chuẩn hóa 100% văn bản pháp lý thành quy trình đánh giá tác động hệ thống, trên 90% yêu cầu được cấu hình hóa vào hệ thống công nghệ thông tin.

QUY MÔ TRIỂN KHAİ CÁC DỰ ÁN CÔNG NGHỆ NĂM 2025

Năm 2025, Khối Công nghệ Thông tin đã vận hành mô hình quản trị dự án tập trung để điều phối toàn bộ dự án chuyển đổi số. Đáng chú ý, các dự án hoàn thành go-live và đúng tiến độ (đạt tỷ lệ 88%). Điều này thể hiện cho năng lực thực thi kỷ luật và khả năng kiểm soát rủi ro dự án xuất sắc của đội ngũ công nghệ thông tin.





CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU NĂM 2025

- Triển khai mô hình Trung tâm dữ liệu số 1 - Trung tâm dữ liệu số 2 - Trung tâm dự phòng (DC1 - DC2 - DR vận hành theo mô hình song song (Active - Active): Nâng mức độ sẵn sàng hệ thống lên 99,99%, bảo đảm vận hành liên tục và an toàn dữ liệu.
- Nâng cấp nền tảng Mobile App thế hệ mới (Microservices + Hybrid Cloud): Tăng hiệu năng, khả năng mở rộng, góp phần nâng tỷ lệ giao dịch số lên 78%.
- Triển khai nền tảng Open API và Kong Enterprise: Tuân thủ quy định NHNN, rút ngắn 70% thời gian tích hợp đối tác, thúc đẩy Open Banking.
- Quy hoạch và triển khai Data Lakehouse, Customer 360 & CDP: Hình thành nền tảng dữ liệu hợp nhất phục vụ AI, quản trị rủi ro và cá nhân hóa dịch vụ.
- Các dự án AI ứng dụng thực tiễn: AI dự báo tỷ lệ khách hàng ngừng sử dụng sản phẩm; AI cảnh báo sớm nợ xấu; AI dự báo dòng tiền ALM; AI Chatbot/Trợ lý ảo LITA 24/7; Ứng dụng ML trong đánh giá và phân tích hành vi. Đây là nhóm dự án đánh dấu bước chuyển từ "số hóa quy trình" sang "ra quyết định dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo".
- Triển khai toàn diện ISO/IEC 27001 và nâng cấp bảo mật đạt chuẩn PCI-DSS: Chuẩn hóa quản trị an ninh thông tin, tăng cường tuân thủ và kiểm soát rủi ro công nghệ.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ

- Song song với việc triển khai các dự án công nghệ thông tin và nền tảng dữ liệu, LPBank triển khai các chương trình đào tạo nhằm nâng cao nhận thức, tư duy số và năng lực ứng dụng công nghệ cho đội ngũ cán bộ.
- Nội dung đào tạo tập trung vào: hiểu và khai thác dữ liệu, ứng dụng AI trong nghiệp vụ ngân hàng, tuân thủ an toàn thông tin và quản trị rủi ro trong môi trường số.
- Hoạt động đào tạo được gắn trực tiếp với các dự án chuyển đổi số, bảo đảm cán bộ sẵn sàng tiếp nhận và vận hành hệ thống mới khi đưa vào sử dụng.

LPBank từng bước hình thành năng lực và văn hóa số ở cấp tổ chức, tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi từ số hóa giao dịch sang quản trị dựa trên dữ liệu.



Thành tựu chuyển đổi số



KẾT QUẢ KINH DOANH GẮN VỚI NỀN TẢNG SỐ

Quá trình chuyển đổi số tiếp tục đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh của LPBank trong năm 2025, góp phần cải thiện cơ cấu thu nhập và tăng năng suất vận hành.



Tỷ lệ giao dịch qua kênh số tăng từ

62% lên 78%



SỐ HÓA QUY TRÌNH

Trong giai đoạn 2021 - 2025, LPBank triển khai đồng bộ các giải pháp số hóa nhằm giảm tác động môi trường trong hoạt động ngân hàng. Các kết quả định lượng nổi bật:

- ☺ Giảm khoảng 60 - 70% khối lượng hồ sơ giấy nội bộ;
- ☺ Trên 80% giao dịch khách hàng chuyển sang kênh số giảm đáng kể nhu cầu giao dịch trực tiếp và di chuyển;
- ☺ Tối ưu hạ tầng công nghệ, giảm tiêu thụ năng lượng nhờ hợp nhất hệ thống.

Chuyển đổi số đã trở thành công cụ cốt lõi để hiện thực hóa mục tiêu "Ngân hàng xanh - Vận hành xanh - Giao dịch số".

HÌNH THÀNH NỀN TẢNG DỮ LIỆU ESG

Nhằm phục vụ việc xây dựng nền tảng dữ liệu ESG, LPBank đã triển khai:

- ☺ Thu thập và quản lý dữ liệu liên quan đến tuân thủ môi trường của doanh nghiệp vay vốn;
- ☺ Tích hợp và lưu trữ dữ liệu đồng bộ trong hồ sơ khoản vay và hệ thống tín dụng nội bộ;
- ☺ Phục vụ công tác giám sát rủi ro, kiểm soát tuân thủ và báo cáo theo yêu cầu quản lý.

THÀNH TỰU VỀ ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ

Công tác đào tạo và nâng cao năng lực số cho cán bộ nhân viên được triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống, thể hiện qua:

- ☺ Chủ động ứng dụng hệ thống số, dữ liệu và AI trong xử lý nghiệp vụ và quản trị;
- ☺ Nâng cao mức độ tuân thủ, giảm phụ thuộc vào xử lý thủ công, góp phần cải thiện hiệu quả vận hành và kiểm soát rủi ro;
- ☺ Triển khai các chương trình đào tạo số cơ bản trên toàn hệ thống, góp phần hình thành năng lực tiếp nhận và vận hành các hệ thống số trong thực tiễn công việc.



Định hướng chiến lược 2026 – 2028

Trong giai đoạn 2026 - 2028, LPBank tiếp tục đẩy mạnh lộ trình chuyển đổi số toàn diện với các định hướng trọng tâm:

- 🕒 Hoàn thiện hệ sinh thái ngân hàng số Mobile App và Open Banking;
- 🕒 Hoàn thiện và nâng cấp Core Temenos T24, Core thẻ theo kiến trúc mở, tăng cường khả năng tích hợp số, tối ưu hiệu năng, bảo mật, khả năng mở rộng;
- 🕒 Mở rộng Hybrid Cloud và tối ưu kiến trúc dữ liệu;
- 🕒 Đẩy mạnh AI trong quản trị rủi ro tín dụng và cá nhân hóa dịch vụ;
- 🕒 Tự động hóa toàn diện quy trình nghiệp vụ;
- 🕒 Áp dụng mô hình Zero Trust trong quản trị an ninh mạng;
- 🕒 Đào tạo và phát triển năng lực số cho đội ngũ cán bộ theo định hướng đổi mới sáng tạo và ứng dụng thực tế trong từng tác vụ ngân hàng, hướng tới chuẩn hóa năng lực vận hành và khai thác hiệu quả các nền tảng số giai đoạn 2026 - 2028.

Mục tiêu đến năm 2028:

99% Giao dịch thực hiện qua kênh số

90% Khách hàng hoạt động trên nền tảng số

TĂNG TRƯỞNG

Gắn với kiểm soát rủi ro và phát triển bền vững.

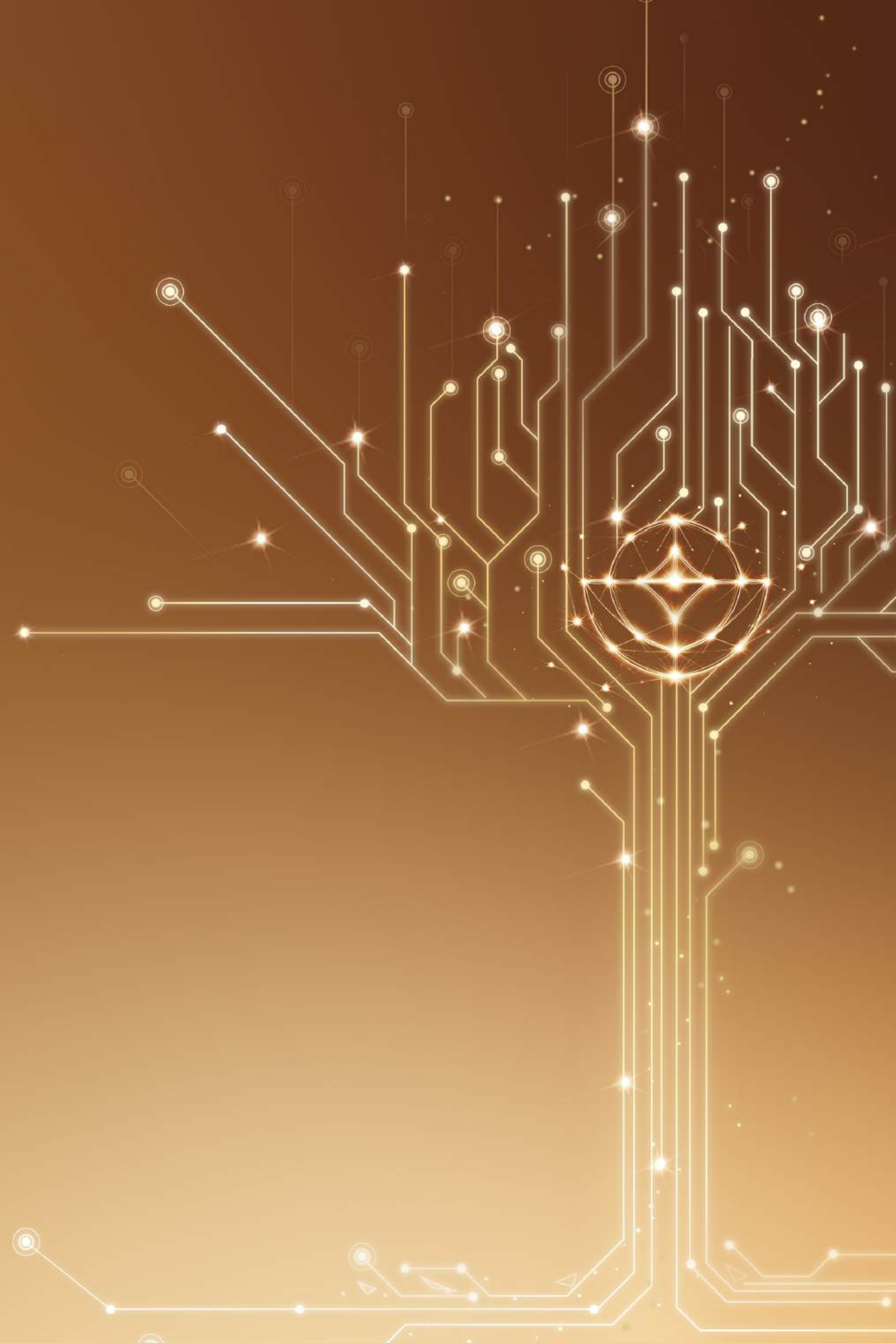
Năm 2025 đánh dấu bước trưởng thành về năng lực công nghệ và quản trị của LPBank. Chuyển đổi số không chỉ tạo ra tăng trưởng mà còn nâng cao chất lượng quản trị, bảo đảm an toàn hệ thống và góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

LPBank cam kết tiếp tục đầu tư có trọng điểm vào hạ tầng công nghệ, dữ liệu, phát triển năng lực con người và quản trị rủi ro, đồng thời bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định của cơ quan quản lý, góp phần xây dựng hệ thống ngân hàng an toàn, hiện đại đáp ứng chiến lược chuyển đổi số bền vững của Ngân hàng.

CHƯƠNG 04

Phát triển bền vững

Chiến lược phát triển bền vững
Quản trị ngân hàng
Quản trị rủi ro
Ngân hàng xanh



Chiến lược phát triển bền vững

LPBank xác định phát triển bền vững là định hướng chiến lược dài hạn, được triển khai trên cơ sở tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào toàn bộ hoạt động quản trị, vận hành và kinh doanh. Cách tiếp cận này nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, quản trị minh bạch và trách nhiệm đối với cộng đồng và môi trường. Trong chiến lược phát triển, Ngân hàng

tập trung thúc đẩy tài chính bền vững thông qua việc ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho các lĩnh vực có tác động tích cực đến môi trường và xã hội, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực. Bên cạnh đó, Ngân hàng chú trọng phát triển nguồn nhân lực, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và duy trì các

chương trình trách nhiệm xã hội hướng tới giáo dục, an sinh và phát triển cộng đồng. Thông qua việc triển khai đồng bộ các sáng kiến ESG, Ngân hàng hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững, gia tăng giá trị cho khách hàng, cổ đông và đóng góp tích cực vào sự phát triển ổn định của nền kinh tế.



Dấu ấn hành trình phát triển bền vững



Hành trình phát triển bền vững của LPBank được kế thừa từ những kết quả của giai đoạn trước, với những dấu mốc tiêu biểu cụ thể:

Xây dựng và triển khai các sản phẩm hướng tới tín dụng xanh:

- 🕒 Năm 2010, LPBank triển khai nhiều chương trình phát triển tín dụng tín dụng cho khu vực nông nghiệp – nông thôn, góp phần hạn chế nạn cho vay nặng lãi ở khu vực này;
- 🕒 Năm 2014, LPBank chọn hướng đi riêng tạo sự khác biệt trên thị trường với sản phẩm mới: Tín dụng hưu trí – giải pháp tài chính, mang ý nghĩa nhân văn như một chính sách an sinh xã hội thiết thực cho người cao tuổi;
- 🕒 Năm 2017 – năm 2020: LPBank tích cực triển khai cho vay các gói sản phẩm tín dụng hướng tới nông nghiệp, nông thôn với các sản phẩm mang tính đột phá: Gói sản phẩm tín dụng cây cao su; tín dụng cây cà phê, hồ tiêu; Cho vay nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao; Cho vay trồng cây Mắc ca...



Triển khai các hoạt động tài chính xanh mang tính trọng điểm:

- 🕒 LPBank đã triển khai các hoạt động tài chính xanh: sản phẩm phục vụ nông nghiệp và tài trợ các dự án điện mặt trời mái nhà;
- 🕒 Trụ cột trách nhiệm xã hội/cộng đồng thể hiện rõ trong các hoạt động của LPBank: Hỗ trợ phòng chống Covid-19; Tài trợ giáo dục/an sinh xã hội...
- 🕒 Định hướng rõ về tín dụng xanh và phát triển bền vững, gắn bối cảnh chính sách/khung quản lý rủi ro môi trường trong cấp tín dụng;
- 🕒 Triển khai các hoạt động “xanh hóa vận hành”: giảm tiêu thụ giấy/mực, kiểm soát rác thải, kiểm soát nước...
- 🕒 Phối hợp với Dự án thúc đẩy bình đẳng giới tại Sơn La – GREAT, cung cấp vốn cho các nông hộ trồng gai xanh, các hộ trồng cà phê sạch theo chuỗi, dự án ADB về tăng cường vai trò “Phụ nữ làm chủ” v.v...



Phát triển bền vững mang tính hệ thống chiến lược, xây dựng thành giá trị cốt lõi của Ngân hàng:

- 🕒 Là một trong số ít ngân hàng phát hành công bố Báo cáo Phát triển bền vững sớm nhất tại Việt Nam, tại báo cáo đã xác lập rõ hơn Chiến lược Phát triển bền vững đồng thời đặt ra các mục tiêu cụ thể hóa chiến lược trong các hoạt động của LPBank;
- 🕒 Thành lập nhóm chuyên gia ESG để thực hiện các công việc về xây dựng và đề xuất chính sách/khung/quy trình quản trị ESG; tham mưu chiến lược ESG và quản trị rủi ro (đặc biệt rủi ro khí hậu), phối hợp triển khai với các đơn vị nội bộ và đối tác bên ngoài để đạt mục tiêu phát triển bền vững. Nhóm cũng điều phối truyền thông – đào tạo nâng cao nhận thức, tổng hợp báo cáo tình hình triển khai và thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Tổng Giám đốc/HĐQT;
- 🕒 Ban hành Quy định quản lý rủi ro môi trường và xã hội tạo hành lang pháp lý quan trọng là nền tảng cho việc quản trị và thực thi trong hệ thống LPBank;
- 🕒 Đã xây dựng chính sách ưu tiên cấp tín dụng theo danh mục tín dụng xanh và thực hiện đánh giá rủi ro môi trường trong cấp tín dụng.



Tiếp tục hoàn thiện mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng ESG, tập trung vào các nội dung:

- 🕒 Tích hợp sâu hơn các tiêu chí môi trường, xã hội vào chính sách tín dụng;
- 🕒 Phát triển các sản phẩm tài chính xanh dành cho khách hàng;
- 🕒 Duy trì mô hình quản trị tinh gọn, số hóa và minh bạch, hướng tới tăng trưởng an toàn, hiệu quả và bền vững.
- 🕒 Với tầm nhìn dài hạn và định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, Ngân hàng cam kết thực thi, cam kết đồng hành cùng chiến lược phát triển bền vững của LPBank, góp phần thúc đẩy chuyển đổi xanh và nâng cao giá trị kinh tế xã hội cho cộng đồng.



Thành tựu Xanh

THÀNH TỰU TRÊN HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2025

Trên hành trình phát triển và hội nhập, LPBank từng bước khẳng định vị thế của một định chế tài chính năng động, bản lĩnh và trách nhiệm. Những giải thưởng và danh hiệu uy tín trong nước và quốc tế không chỉ là sự ghi nhận kết quả hoạt động mà còn phản ánh năng lực nội tại, tầm nhìn chiến lược và cam kết phát triển bền vững của Ngân hàng.

LPBank đã chuyển đổi mạnh mẽ từ mô hình kinh doanh truyền thống sang mô hình tài chính bền vững với các tiêu chuẩn ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) chính thức được lồng ghép trong chiến lược phát triển của Ngân hàng và được thể hiện rõ nét qua các giải thưởng và dấu ấn nổi bật mà Ngân hàng đã giành được trong năm 2025 như sau:



**GIẢI THƯỞNG
ASIA RESPONSIBLE
ENTERPRISE AWARDS**

**HẠNG MỤC
GREEN LEADERSHIP**

Là đại diện duy nhất của Châu Á được vinh danh ở hạng mục "Green Leadership" với sáng kiến "Hành trình phát triển bền vững" tại Giải thưởng Doanh nghiệp Trách nhiệm Châu Á (Asia Responsibility Enterprise Award) – đây là một trong những giải thưởng quốc tế uy tín hàng đầu khu vực, nhằm tôn vinh các doanh nghiệp xuất sắc trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững. Hội đồng chuyên môn quốc tế đánh giá cao việc LPBank thực hiện xuất sắc 5 tiêu chí: tối ưu tài nguyên, giảm phát thải, ứng dụng công nghệ xanh, triển khai đổi mới sáng tạo và minh bạch hóa cam kết. Đây không chỉ là danh hiệu danh giá mà còn thể hiện năng lực hội nhập quốc tế và chiến lược phát triển bền vững bài bản của Ngân hàng.



**GIẢI THƯỞNG
TOP 10 NGÂN HÀNG
ESG VIET NAM XANH
2025
VÀ
TOP 100 DOANH NGHIỆP
ESG VIET NAM XANH**

Đây là những bằng xếp hạng uy tín, đánh giá toàn diện không chỉ dựa trên hiệu quả kinh doanh, mà còn đi sâu phân tích năng lực tích hợp các yếu tố ESG vào chiến lược, quản trị và vận hành theo chuẩn mực quốc tế. Theo các chuyên gia của Viet Research, LPBank không chỉ thể hiện năng lực ESG mà đã thực sự lồng ghép các nguyên tắc ESG vào cấu trúc vận hành – biến trách nhiệm thành bản sắc thương hiệu. Đây cũng là cơ sở quan trọng để các tổ chức tài chính, nhà đầu tư và cộng đồng lựa chọn những đơn vị có định hướng phát triển dài hạn, minh bạch và có trách nhiệm.

Danh hiệu được trao cho LPBank nhờ việc chủ động tích hợp các tiêu chí môi trường, xã hội và quản trị (ESG) vào chiến lược phát triển dài hạn; triển khai Báo cáo Phát triển Bền vững theo chuẩn mực quốc tế; đồng thời thực hiện các giải pháp tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, tiết giảm phát thải và nâng cao minh bạch trong quản trị doanh nghiệp.



**GIẢI THƯỞNG
TẠI VIETNAM ESG
AWARDS 2025**

**HẠNG MỤC
TIỀN PHONG
VỀ KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ**

Trong khuôn khổ Diễn đàn ESG Việt Nam 2025 với chủ đề "Khoa học công nghệ và động lực cho phát triển bền vững" do Báo Dân trí tổ chức, LPBank vinh dự được xướng tên tại Vietnam ESG Awards 2025 ở Hạng mục Tiên phong về Khoa học công nghệ.

Danh hiệu là sự ghi nhận cho chiến lược phát triển nhất quán của LPBank trong việc lấy khoa học công nghệ và chuyển đổi số làm nền tảng thúc đẩy thực thi ESG theo hướng thực chất, minh bạch và hiệu quả. Trên hành trình đó, LPBank kiên định đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ vững chắc, triển khai các dự án chuyển đổi số quy mô lớn và ứng dụng mạnh mẽ các giải pháp công nghệ mới nhằm nâng cao năng lực quản trị, tối ưu hiệu quả vận hành và lấy khách hàng làm trọng tâm cho mọi hoạt động.

Việc ứng dụng AI, dữ liệu và các nền tảng số hiện đại không chỉ giúp LPBank nâng tầm trải nghiệm khách hàng, gia tăng hiệu quả hoạt động, mà còn tạo nền tảng quan trọng để Ngân hàng hiện thực hóa các mục tiêu về môi trường, xã hội và quản trị trong bối cảnh phát triển bền vững ngày càng trở thành yêu cầu tất yếu.

Giải thưởng tại Vietnam ESG Awards 2025 tiếp tục khẳng định vai trò tiên phong của LPBank trong việc gắn kết chuyển đổi số với chiến lược ESG dài hạn, đồng thời thể hiện cam kết của Ngân hàng trong việc đưa khoa học công nghệ trở thành động lực tạo giá trị bền vững cho khách hàng, cộng đồng và xã hội.

Quản trị ngân hàng



Giới thiệu về HĐQT LPBank nhiệm kỳ 2023-2028



Chủ tịch HĐQT
Ông **Hồ Nam Tiến**

Năm sinh: 1971
Tham gia HĐQT từ: 23/04/2023
Trình độ học vấn:
Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

Kinh nghiệm:

Ông Hồ Nam Tiến là Chủ tịch HĐQT LPBank kể từ ngày 23/12/2025 đến nay. Trước đó, ông Hồ Nam Tiến là Phó Chủ tịch thường trực HĐQT LPBank kể từ ngày 04/10/2024 đến 23/12/2025. Ông là Phó Chủ tịch HĐQT LPBank kiêm Tổng giám đốc kể từ ngày 23/04/2023 đến ngày 04/10/2024. Ông có 32 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, trong đó có gần 16 năm tại LPBank.



Phó Chủ tịch HĐQT
Ông **Bùi Thái Hà**

Năm sinh: 1976
Tham gia HĐQT từ: 23/04/2023
Trình độ học vấn:
Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm:

Ông Bùi Thái Hà là Phó Chủ tịch HĐQT LPBank kể từ ngày 23/04/2023 đến nay. Ông có 32 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, trong đó có gần 15 năm tại LPBank.



Phó Chủ tịch
Thành viên độc lập HĐQT
Ông **Phạm Phú Khôi**

Năm sinh: 1963
Tham gia HĐQT từ: 16/11/2024
Trình độ học vấn:
Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm:

Ông Phạm Phú Khôi là Phó Chủ tịch - Thành viên độc lập HĐQT LPBank kể từ ngày 07/02/2025 đến nay. Ông đã đảm nhiệm chức danh Thành viên độc lập HĐQT LPBank kể từ ngày 16/11/2024. Trước khi gia nhập LPBank, ông có kinh nghiệm 36 năm trong lĩnh vực tài chính và quản trị kinh doanh tại các tổ chức khác.



Thành viên HĐQT
Người phụ trách Quản trị ngân hàng
Ông **Huỳnh Ngọc Huy**

Năm sinh: 1966
Tham gia HĐQT từ: 01/07/2016
Trình độ học vấn:
Thạc sĩ Tài chính

Kinh nghiệm:

Ông Huỳnh Ngọc Huy là Thành viên HĐQT LPBank kể từ ngày 01/07/2016 đến nay. Ông từng đảm nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT LPBank từ tháng 12/2019 đến tháng 12/2022 và Phó Chủ tịch HĐQT LPBank từ tháng 12/2022 đến tháng 04/2023. Ông có kinh nghiệm 19 năm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và quản trị kinh doanh.



Thành viên độc lập HĐQT
Bà **Vương Thị Huyền**

Năm sinh: 1974
Tham gia HĐQT từ: 16/11/2024
Trình độ học vấn:
Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm:

Bà Vương Thị Huyền là Thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày 16/11/2024 đến nay. Trước khi gia nhập LPBank, bà có kinh nghiệm 31 năm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Giải pháp Fast Capital.

(*) Trong năm 2025, LPBank miễn nhiệm 2 thành viên HĐQT là ông Nguyễn Đức Thụy và ông Nguyễn Văn Thùy.



Hoạt động của HĐQT năm 2025

Năm 2025, HĐQT LPBank đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và nhiều cuộc họp dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, qua đó ban hành 847 Nghị quyết, Quyết định thuộc thẩm quyền, làm cơ sở cho BDH triển khai các kế hoạch kinh doanh cụ thể. HĐQT đã thể hiện rõ vai trò đứng đầu ngân hàng trong việc xem xét, phê duyệt các chủ trương quan trọng, đồng thời giám sát chặt chẽ hoạt động của ngân hàng.

Tất cả các thành viên HĐQT tích cực tham gia thảo luận, cho ý kiến, chỉ đạo tại các cuộc họp giao ban với BDH; các tài liệu họp được gửi đến thành viên đúng thời hạn theo quy định, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả. Các cuộc họp tập trung vào những nội dung trọng yếu như:

- ☞ Xem xét và thông qua các định hướng mở rộng sản phẩm, dịch vụ, đa dạng hóa kênh phân phối nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và mở rộng thị phần;

- ☞ Phê duyệt các giải pháp tăng cường năng lực tài chính, bao gồm tối ưu hóa cơ cấu vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và đảm bảo an toàn hệ thống;
- ☞ Thông qua các quyết định về nhân sự chủ chốt;
- ☞ Định hướng chiến lược quản trị rủi ro, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Song song với đó, HĐQT đã rà soát và điều chỉnh chiến lược trung hạn, chú trọng chuyển đổi số, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và phát triển bền vững. Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ cụ thể, thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo Điều lệ và quy định pháp luật, qua đó góp phần quan trọng vào kết quả kinh doanh năm 2025 mà ĐHCĐ đã đề ra.

Nhìn chung, trong năm 2025, hoạt động của HĐQT đã đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ với BDH, hỗ trợ kịp thời trong việc hiện thực hóa mục tiêu kinh doanh, đồng thời củng cố vị thế của LPBank trên thị trường tài chính ngân hàng.

Các cuộc họp của HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đức Thụy	4/4	100%	
2	Ông Hồ Nam Tiến	4/4	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Thùy	4/4	100%	
4	Ông Bùi Thái Hà	4/4	100%	
5	Ông Phạm Phú Khôi	4/4	100%	
6	Ông Huỳnh Ngọc Huy	3/4	75%	Lý do cá nhân
7	Bà Vương Thị Huyền	4/4	100%	

(*) Trong năm 2025, LPBank miễn nhiệm 2 thành viên HĐQT là ông Nguyễn Đức Thụy và ông Nguyễn Văn Thùy.

Về hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT

Năm 2025, Thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của LPBank. Thành viên độc lập tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, đồng thời đóng góp ý kiến kịp thời đối với các vấn đề được thảo luận và thông qua, tại các cuộc họp trực tiếp và dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Bên cạnh việc triển khai các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, Thành viên độc lập đã tích cực tham gia giám sát hoạt động của TGD và BDH, bảo đảm việc thực hiện đúng các nhiệm vụ được

HĐQT giao. Vai trò giám sát thể hiện qua việc tham gia xem xét, phê duyệt các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản trị.

Thành viên độc lập cũng phối hợp chặt chẽ với các thành viên khác của HĐQT trong việc chỉ đạo, giám sát và đôn đốc BDH triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt. Với tinh thần trách nhiệm cao, Thành viên độc lập đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, hỗ trợ HĐQT đưa ra các quyết định kịp thời và hiệu quả trong quá trình quản trị hoạt động của LPBank.

Nhận xét về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT LPBank đã định hướng chiến lược phù hợp với tình hình thị trường và mục tiêu phát triển của Ngân hàng, đồng thời ban hành các Nghị quyết, Quyết định quan trọng nhằm triển khai hiệu quả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ. Các phiên họp được tổ chức và biểu quyết đúng quy định pháp luật, đúng thẩm quyền, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả.

Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các phiên họp, tích cực đóng góp ý kiến đối với các vấn đề chiến lược và quản trị. BDH thường xuyên báo cáo và trao đổi với HĐQT về tình hình hoạt động, qua đó triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp.

Ngân hàng đã ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy trình kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro theo quy định pháp luật và thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm các giao dịch với bên liên quan được công bố và giám sát minh bạch theo Điều lệ và quy định pháp luật. Thành viên độc lập HĐQT được tạo điều kiện tiếp cận đầy đủ thông tin, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và củng cố niềm tin của cổ đông, khách hàng đối với LPBank.



Hoạt động của các Ủy ban thuộc HĐQT

Năm 2025, các Ủy ban thuộc HĐQT LPBank tiếp tục phát huy vai trò tham mưu chuyên sâu, hỗ trợ HĐQT trong công tác quản trị, điều hành và định hướng phát triển ngân hàng. Cơ cấu gồm Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự và Ủy ban Chiến lược được tổ chức tinh gọn, hiệu quả nhưng vẫn bao quát đầy đủ các lĩnh vực trọng yếu.

Ủy ban Quản lý rủi ro tập trung rà soát và hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, đề xuất các giải pháp kiểm soát nhằm bảo đảm hoạt động an toàn và tuân thủ quy định.

Ủy ban Nhân sự tham mưu chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý và tối ưu hóa cơ cấu tổ chức.

Ủy ban Chiến lược hỗ trợ HĐQT trong việc hoạch định kế hoạch phát triển dài hạn, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng.

Trong năm, các Ủy ban đã thực hiện đầy đủ chức năng theo quy chế của HĐQT, đưa ra nhiều kiến nghị quan trọng góp phần nâng cao chất lượng quản trị và hỗ trợ triển khai hiệu quả kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Kết quả giám sát đối với BDH

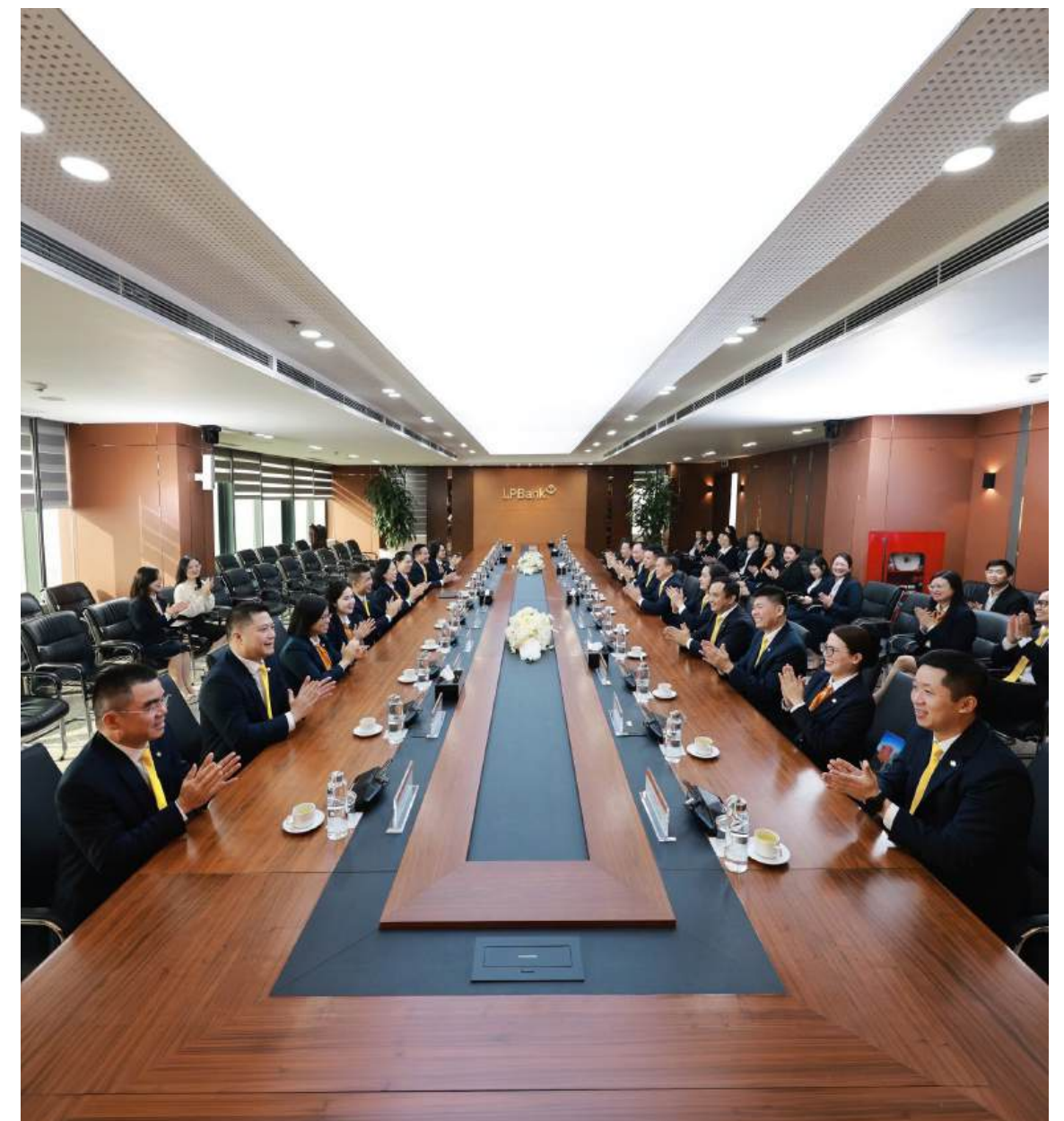
Năm 2025, công tác giám sát của HĐQT đối với BDH tiếp tục được chú trọng và triển khai hiệu quả, bảo đảm tuân thủ Điều lệ ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT cũng như các quy định nội bộ. TGD đã duy trì cơ chế báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động, giúp HĐQT kịp thời đưa ra các định hướng và chỉ đạo phù hợp.

HĐQT tổ chức các phiên họp định kỳ để giám sát việc điều hành hoạt động kinh doanh và theo dõi việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các thành viên HĐQT đồng thời tham gia giám sát hoạt động của BDH và các Khối nghiệp vụ nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và tuân thủ quy định.

Thông qua cơ chế phối hợp thường xuyên với BDH, bao gồm các cuộc họp giao ban và báo cáo chuyên đề, HĐQT đã góp phần nâng cao chất lượng quản trị, kiểm soát rủi ro và hỗ trợ triển khai hiệu quả kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Báo cáo về các giao dịch liên quan

Năm 2025, giao dịch giữa Ngân hàng với thành viên HĐQT, BKS, BDH và những người có liên quan của các thành viên HĐQT, BKS, BDH; giao dịch giữa ngân hàng với công ty trong đó thành viên HĐQT, BKS, BDH là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch đã được HĐQT báo cáo cụ thể tại Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2025.



Giới thiệu về BKS LPBank nhiệm kỳ 2023-2028



Hoạt động của BKS

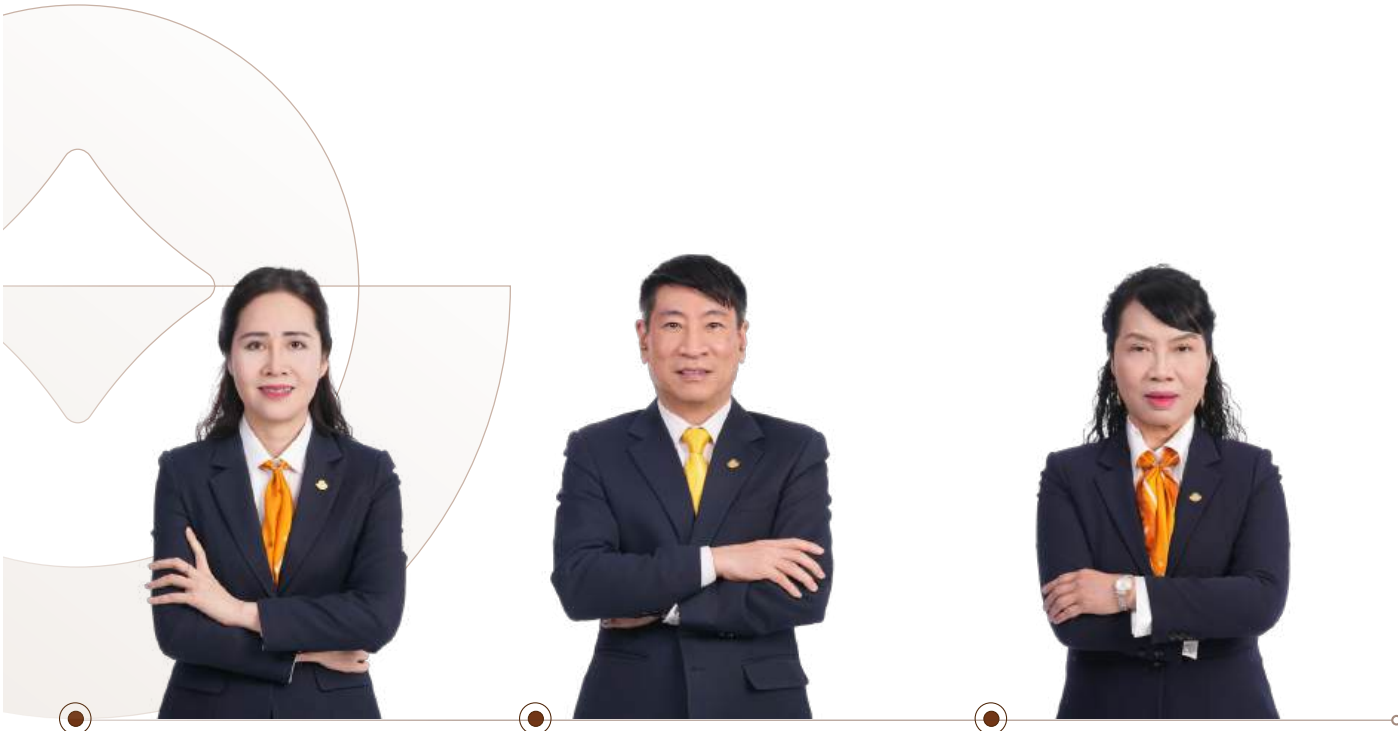
Năm 2025, BKS LPBank tiếp tục thực hiện hiệu quả chức năng giám sát độc lập, theo dõi việc triển khai chiến lược, quản lý tài chính và tuân thủ các quy định pháp luật cũng như Điều lệ ngân hàng.

Điểm nổi bật trong năm là công tác thẩm định báo cáo tài chính và giám sát tình hình tài chính toàn hệ thống, qua đó kịp thời đưa ra các cảnh báo và kiến nghị nhằm bảo đảm các chỉ số an toàn theo quy định của NHNN. Đồng thời, BKS giám sát chặt chẽ hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm soát nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng quản trị rủi ro và hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh chức năng giám sát, BKS duy trì sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT và BDH thông qua các cuộc họp định kỳ và cơ chế trao đổi thông tin. Trên cơ sở đó, BKS đã đưa ra nhiều kiến nghị nhằm tăng cường kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động.

Những hoạt động này góp phần củng cố nền tảng quản trị minh bạch, bảo đảm tuân thủ và hỗ trợ LPBank phát triển bền vững.

Danh sách thành viên BKS



Trưởng BKS
Bà **Dương Hoài Liên**

Năm sinh: 1981
Tham gia BKS từ: 23/4/2023
Trình độ học vấn: Thạc sĩ Tài chính

Kinh nghiệm:
Bà Dương Hoài Liên là Trưởng BKS LPBank kể từ ngày 23/4/2023 đến nay. Trước đó, bà đảm nhiệm vai trò Thành viên độc lập HĐQT LPBank từ tháng 04/2018 đến tháng 04/2023. Bà có 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Phó Trưởng BKS
Ông **Trần Thanh Tùng**

Năm sinh: 1967
Tham gia BKS từ: 28/3/2008
Trình độ học vấn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Kinh nghiệm:
Ông Trần Thanh Tùng là Phó Trưởng BKS LPBank kể từ ngày 23/4/2023 đến nay. Ông tham gia BKS từ tháng 03/2008 và là Trưởng BKS LPBank từ tháng 04/2017 đến tháng 04/2023. Ông có 33 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và tài chính ngân hàng.

Thành viên BKS
Bà **Nguyễn Thị Lan Anh**

Năm sinh: 1958
Tham gia BKS từ: 28/3/2013
Trình độ học vấn: Thạc sĩ Kinh tế

Kinh nghiệm:
Bà Nguyễn Thị Lan Anh là Thành viên BKS LPBank kể từ ngày 28/3/2013 đến nay. Bà có 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thuế và hải quan và 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

CUỘC HỌP CỦA BKS

Năm 2025, BKS đã tổ chức họp 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên BKS, đồng thời thường xuyên lấy ý kiến bằng văn bản, tổ chức hội ý, thảo luận nhằm quyết định các nội dung, công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của BKS theo quy định của pháp luật và của ngân hàng. Cụ thể như sau:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Dương Hoài Liên	4/4	100%	100%	
2	Ông Trần Thanh Tùng	4/4	100%	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	4/4	100%	100%	



Danh sách thành viên Ban Điều hành



Tổng giám đốc
Ông **Vũ Quốc Khánh**

Năm sinh: 1981
Ngày đầu bổ nhiệm Ban điều hành:
23/09/2011
Trình độ học vấn:
Cử nhân chuyên ngành Quản trị
Kinh doanh

Kinh nghiệm:
Ngày 25/02/2025, ông Vũ Quốc Khánh được HĐQT LPBank bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc sau khi được NHNN chấp thuận, trước đó ông là Quyền Tổng giám đốc từ ngày 04/10/2024. Ông có 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, trong đó có 18 năm tại LPBank.

Phó Tổng giám đốc
Bà **Nguyễn Ánh Vân**

Năm sinh: 1972
Ngày đầu bổ nhiệm:
20/05/2010
Trình độ học vấn:
Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính
Ngân hàng

Kinh nghiệm:
Bà Nguyễn Ánh Vân là Phó Tổng giám đốc LPBank kể từ ngày 20/05/2010 đến nay. Bà có 30 năm kinh nghiệm giữ vị trí quản lý Khối nguồn vốn tại các ngân hàng, trong đó có hơn 18 năm tại LPBank.

Phó Tổng giám đốc
Ông **Đoàn Nguyên Ngọc**

Năm sinh: 1975
Ngày đầu bổ nhiệm:
24/04/2023
Trình độ học vấn:
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm:
Ông Đoàn Nguyên Ngọc là Phó Tổng giám đốc LPBank kể từ ngày 24/04/2023 đến nay. Ông có kinh nghiệm 28 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Phó Tổng giám đốc
Bà **Vũ Nam Hương**

Năm sinh: 1983
Ngày đầu bổ nhiệm:
20/03/2024
Trình độ học vấn:
Cử nhân Tài chính
Ngân hàng

Kinh nghiệm:
Bà Vũ Nam Hương là Phó Tổng giám đốc LPBank kể từ ngày 20/03/2024 đến nay. Bà có kinh nghiệm 20 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Phó Tổng giám đốc
Ông **Đặng Công Hoàn**

Năm sinh: 1977
Ngày đầu bổ nhiệm:
16/12/2024
Trình độ học vấn:
Tiến sĩ kinh tế chính trị

Kinh nghiệm:
Ông Đặng Công Hoàn là Phó Tổng giám đốc LPBank kể từ ngày 16/12/2024 đến nay. Ông có kinh nghiệm 25 năm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Phó Tổng giám đốc
Ông **Lưu Danh Đức**

Năm sinh: 1973
Ngày đầu bổ nhiệm:
26/12/2024
Trình độ học vấn:
Thạc sĩ công nghệ
thông tin

Kinh nghiệm:
Ông Lưu Danh Đức là Phó Tổng giám đốc LPBank kể từ ngày 26/12/2024 đến nay. Ông có kinh nghiệm 31 năm trong lĩnh vực tài chính, quản trị kinh doanh và công nghệ thông tin.

Phó Tổng giám đốc
Ông **Nguyễn Hoàng Hải**

Năm sinh: 1973
Ngày đầu bổ nhiệm:
18/04/2025
Trình độ học vấn:
Thạc sĩ viễn thông

Kinh nghiệm:
Ông Nguyễn Hoàng Hải là Phó Tổng giám đốc LPBank kể từ ngày 18/04/2025 đến 09/3/2026. Trước đó ông là thành viên BDH LPBank kể từ ngày 07/01/2025 đến ngày 18/04/2025. Ông có kinh nghiệm 31 năm trong lĩnh vực tài chính, quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin.

(*) LPBank đã miễn nhiệm các Phó Tổng giám đốc gồm: Ông Hoàng Văn Phúc (ngày 11/01/2025), bà Nguyễn Thị Kiều Anh (ngày 23/12/2025), ông Nguyễn Hoàng Hải (ngày 09/03/2026)

Danh sách thành viên Ban Điều hành



Thành viên BDH
Bà **Nguyễn Thị Vui**

Năm sinh: 1981
Tham gia BDH từ: 24/4/2023
Trình độ học vấn:
Cử nhân Kế toán

Kinh nghiệm:
Bà Nguyễn Thị Vui là Thành viên BDH kể từ ngày 12/6/2024 đến nay. Bà có 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và quản trị kinh doanh.



Thành viên BDH
Ông **Trần Đức Đông**

Năm sinh: 1982
Tham gia BDH từ: 16/12/2024
Trình độ học vấn:
Cử nhân Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm:
Ông Trần Đức Đông là Thành viên BDH LPBank kể từ ngày 16/12/2024 đến nay. Ông có kinh nghiệm 19 năm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.



Thành viên BDH
Bà **Nguyễn Hồng Nhung**

Năm sinh: 1983
Tham gia BDH từ: 16/12/2024
Trình độ học vấn:
Cử nhân Kinh tế Đối ngoại

Kinh nghiệm:
Bà Nguyễn Hồng Nhung là Thành viên BDH LPBank kể từ ngày 16/12/2024 đến nay. Bà có kinh nghiệm 18 năm trong lĩnh vực tài chính và quản trị kinh doanh.



Thành viên BDH
Ông **Ngô Đức Thắng**

Năm sinh: 1985
Tham gia BDH từ: 16/12/2024
Trình độ học vấn:
Cử nhân Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm:
Ông Ngô Đức Thắng là Thành viên BDH LPBank kể từ ngày 16/12/2024 đến nay. Ông có kinh nghiệm 17 năm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BDH

Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu LPBank của các cổ đông là người nội bộ tại ngày 31/12/2025

Số	Họ & tên	Chức vụ tại LPBank	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần %
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Ông Hồ Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT	796.571	0,03
2	Ông Bùi Thái Hà	Phó Chủ tịch HĐQT	1.443.312	0,05
3	Ông Phạm Phú Khôi	Phó Chủ tịch - Thành viên độc lập HĐQT	0	0
4	Ông Huỳnh Ngọc Huy	Thành viên HĐQT - Người phụ trách quản trị công ty	856.022	0,03
5	Bà Vương Thị Huyền	Thành viên độc lập HĐQT	0	0
BAN KIỂM SOÁT				
1	Bà Dương Hoài Liên	Trưởng Ban kiểm soát	159.840	0,01
2	Ông Trần Thanh Tùng	Phó Trưởng Ban kiểm soát	368.446	0,01
3	Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên BKS	0	0
TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG				
1	Ông Vũ Quốc Khánh	Tổng giám đốc	1.261.930	0,04
2	Bà Nguyễn Ánh Vân	Phó Tổng giám đốc	1.168.951	0,04
3	Ông Đoàn Nguyên Ngọc	Phó Tổng giám đốc	0	0
4	Bà Vũ Nam Hương	Phó Tổng giám đốc	0	0
5	Ông Đặng Công Hoàn	Phó Tổng giám đốc	0	0
6	Ông Lưu Danh Đức	Phó Tổng giám đốc	0	0
7	Ông Nguyễn Hoàng Hải	Phó Tổng giám đốc	0	0
8	Ông Nguyễn Tiến Công	Kế toán trưởng	0	0
9	Ông Nguyễn Văn Ngọc	Người được ủy quyền công bố thông tin	0	0



Thù lao của HĐQT, BKS, Ban Điều hành

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	2025
I	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		7.200
1	Ông Nguyễn Đức Thụy	Chủ tịch	-
2	Ông Hồ Nam Tiến	Phó Chủ tịch thường trực	1.200
3	Ông Nguyễn Văn Thùy	Phó Chủ tịch	1.200
4	Ông Bùi Thái Hà	Phó Chủ tịch	1.200
5	Ông Huỳnh Ngọc Huy	Thành viên	1.200
6	Ông Phạm Phú Khôi	Phó Chủ tịch - Thành viên độc lập	1.200
7	Bà Vương Thị Huyền	Thành viên HĐQT độc lập	1.200
II	BAN KIỂM SOÁT		2.416
III	BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG		10.181
1	Ông Vũ Quốc Khánh	Tổng Giám đốc	1.174
2	Tiền lương của người quản lý chủ chốt khác		9.007

Quản trị rủi ro

Năm 2025, LPBank triển khai quản trị rủi ro theo hướng chủ động, bám sát khẩu vị rủi ro và vận hành nhất quán theo mô hình ba tuyến phòng thủ. Các loại rủi ro trọng yếu được quản lý toàn diện trên nền tảng tích hợp, tăng cường số hóa và cảnh báo sớm.

Công tác giám sát hạn mức, kiểm tra sức chịu đựng và củng cố bộ đệm an toàn được thực hiện thường xuyên, nâng cao khả năng chống chịu trước biến động thị trường. Qua đó, hệ thống quản trị rủi ro tiếp tục phát huy hiệu quả, hỗ trợ tăng trưởng an toàn và bền vững.

RỦI RO TÍN DỤNG

Kiểm soát chặt chẽ, nâng cao chất lượng tài sản

Năm 2025, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu và Việt Nam phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều biến động, rủi ro tín dụng tiếp tục là trọng tâm trong chiến lược quản trị rủi ro của LPBank.

LPBank định hướng quản trị rủi ro tín dụng theo nguyên tắc thận trọng, chủ động và bám sát khẩu vị rủi ro. Mô hình phê duyệt tín dụng tiếp tục được tổ chức theo hướng tập trung. Nguyên tắc độc lập được duy trì xuyên suốt, tạo nền tảng cho việc ra quyết định khách quan và kiểm soát chặt chẽ.

Chất lượng thẩm định được nâng cao thông qua việc tăng cường phân tích dòng tiền, đánh giá toàn diện khả năng trả nợ và kiểm tra sức chịu đựng của khách hàng theo các kịch bản thị trường bất lợi, bao gồm cả yếu tố thiên tai và biến đổi khí hậu. Cách tiếp cận này giúp Ngân hàng không chỉ đánh giá hiện trạng tài chính mà còn dự báo sớm các nguy cơ suy giảm trong tương lai.

Song song đó, LPBank đẩy mạnh số hóa quản lý tín dụng với việc triển khai các công cụ như scorecard, decision engine và hệ thống cảnh báo sớm (EWS), cho phép quản lý rủi ro hiệu quả. Công tác quản trị danh mục được thực hiện trên cơ sở phân tích dữ liệu tập trung, kiểm soát hạn mức và các tỷ lệ an toàn, qua đó kịp thời điều chỉnh chính sách khi xuất hiện dấu hiệu rủi ro theo ngành, khu vực hoặc phân khúc khách hàng.

Chất lượng tín dụng được ưu tiên, với các biện pháp phân loại, xử lý và thu hồi đồng bộ, linh hoạt theo từng nhóm khách hàng. Nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát trong mục tiêu, góp phần củng cố chất lượng tài sản và nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng.

LPBank lồng ghép các yếu tố môi trường và xã hội vào quy trình thẩm định và quản lý tín dụng, đặc biệt đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao. Các tiêu chí ESG được sử dụng để nhận diện sớm rủi ro, đồng thời Ngân hàng tăng cường giám sát sau cấp tín dụng nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Chuẩn hóa quy trình, tăng cường công cụ đo lường

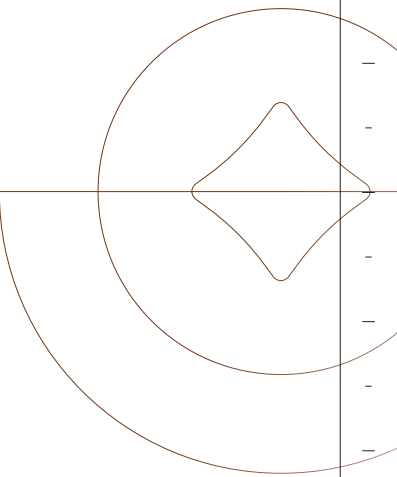
Bước sang năm 2026, LPBank đặt mục tiêu nâng cao kiểm soát chất lượng tín dụng, tăng cường bộ đệm dự phòng rủi ro và hoàn thiện hệ thống công cụ quản trị hiện đại, hướng tới tăng trưởng bền vững trên nền tảng an toàn.

Trong hoạt động ngân hàng, rủi ro hoạt động luôn hiện hữu, bắt nguồn từ những hạn chế trong quy trình nội bộ, sai sót do con người, sự cố hệ thống hoặc các yếu tố khách quan từ môi trường bên ngoài.

Để kiểm soát rủi ro hoạt động, LPBank triển khai chặt chẽ công tác quản trị rủi ro xuyên suốt từ Hội sở đến các Đơn vị kinh doanh (ĐVKD) đồng thời chú trọng đầu tư vào hệ thống quản trị rủi ro thông qua hệ thống công nghệ hiện đại:

- ☺ Triển khai đồng bộ các công cụ quản lý rủi ro hoạt động bao gồm Thu thập sự kiện tổn thất (LDC) từ phần mềm QLRRHĐ; Tự đánh giá rủi ro và chốt kiểm soát (RCSA); Các chỉ số rủi ro chính (KRIs) và Sơ đồ hóa quy trình nghiệp vụ (BPM).
- ☺ Hệ thống văn bản nội bộ tiếp tục được rà soát và cập nhật thường xuyên, với trọng tâm là các văn bản nghiệp vụ được điều chỉnh theo mô hình tinh gọn, bảo đảm tính đầy đủ, đồng bộ và tuân thủ các quy định hiện hành.
- ☺ Công tác quản lý rủi ro hoạt động được tăng cường thông qua việc: (i) Tiếp tục tái tục đơn bảo hiểm gian lận nhằm giảm thiểu tổn thất từ các sự cố gian lận, đồng thời củng cố năng lực và uy tín của ngân hàng; (ii) Triển khai đồng bộ quản lý kinh doanh liên tục trên toàn hệ thống, đảm bảo duy trì hoạt động trước các tình huống bất khả kháng.

Năm 2026, công tác rủi ro hoạt động của ngân hàng sẽ tập trung vào mục tiêu xây dựng các công cụ đo lường rủi ro hoạt động mới và thực hiện các đánh giá chuyên sâu thường xuyên hơn.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Giám sát theo thời gian
thực, tiệm cận Basel III

Rủi ro thị trường là rủi ro phát sinh do biến động bất lợi của các yếu tố thị trường như lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa; bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại hối và rủi ro giá cổ phiếu.

Trong năm 2025, LPBank tiếp tục rà soát, cập nhật khung quản lý rủi ro thị trường phù hợp với quy định pháp luật và định hướng áp dụng các chuẩn mực quốc tế, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số và tự động hóa nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro.

Ngân hàng sử dụng hệ thống Kondor kết hợp với hệ thống báo cáo quản trị để đo lường, giám sát và cảnh báo rủi ro ngay tại thời điểm phát sinh giao dịch. Cơ chế quản lý rủi ro được thiết kế theo nguyên tắc phân tách chức năng, trong đó bộ phận quản lý rủi ro thị trường hoạt động độc lập với đơn vị kinh doanh nhằm đảm bảo việc nhận diện, theo dõi và cảnh báo rủi ro được thực hiện khách quan và kịp thời.

Hệ thống công cụ đo lường và hạn mức rủi ro thị trường được thiết lập phù hợp với khẩu vị rủi ro của Ngân hàng. Các hạn mức được theo dõi hằng ngày trên hệ thống quản lý hạn mức theo thời gian thực, qua đó kiểm soát các trạng thái rủi ro trong phạm vi cho phép và hỗ trợ đơn vị kinh doanh xử lý kịp thời khi có dấu hiệu vi phạm. Ngân hàng áp dụng các phương pháp đo lường như VaR, PnL và stress testing để đánh giá mức độ biến động của danh mục kinh doanh và trạng thái ngoại hối (được tích hợp trên hệ thống Kondor) cho phép lượng hóa khả năng chịu đựng trước các kịch bản thị trường.

Trong năm 2026, LPBank tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp quản lý rủi ro thị trường, nâng cấp hệ thống theo quy định của NHNN và quy định nội bộ, bám sát lộ trình Basel III.

RỦI RO THANH KHOẢN

Chủ động nguồn vốn,
đảm bảo an toàn
hệ thống

Năm 2025, LPBank quản trị rủi ro thanh khoản theo nguyên tắc chủ động và thận trọng, gắn liền với chiến lược kinh doanh nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong mọi điều kiện hoạt động. Ngân hàng thường xuyên dự báo và tính toán nhu cầu thanh khoản theo từng kỳ hạn, chủ động thu xếp nguồn vốn phù hợp với diễn biến thị trường và kế hoạch tăng trưởng tín dụng, đồng thời duy trì cơ chế giám sát, điều hành thống nhất trên toàn hệ thống.

Ngân hàng chủ động nhận diện và theo dõi các nguồn rủi ro có thể ảnh hưởng đến trạng thái thanh khoản, bao gồm

biến động thị trường tiền tệ, hành vi khách hàng và khả năng tiếp cận các nguồn vốn thay thế. Việc quản lý được thực hiện thông qua kiểm soát chặt chẽ chênh lệch kỳ hạn, duy trì danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, đa dạng hóa nền tảng huy động; đồng thời, các tỷ lệ bảo đảm an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN và quy định nội bộ được giám sát chặt chẽ hàng ngày, với các ngưỡng cảnh báo nội bộ được thiết lập ở mức thận trọng nhằm kiểm soát sớm các rủi ro tiềm ẩn.

LPBank duy trì định kỳ tính toán và giám sát các tỷ lệ thanh khoản theo quy định của NHNN và thông lệ Basel III, bao gồm tỷ lệ bảo đảm an toàn thanh khoản (LCR) và tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR), đồng thời thực hiện kiểm tra sức chịu đựng theo nhiều kịch bản căng thẳng khác nhau để đánh giá mức độ bền vững của nguồn vốn và khả năng đáp ứng dòng tiền trong điều kiện bất lợi.

Năm 2026, LPBank tiếp tục nâng cao năng lực quản lý tài sản nguồn vốn thông qua hoàn thiện hệ thống ALM và tăng cường ứng dụng công cụ phân tích dự báo, qua đó củng cố nền tảng thanh khoản ổn định và hỗ trợ tăng trưởng an toàn, bền vững.

RỦI RO LÃI SUẤT TRÊN SỔ NGÂN HÀNG

Chủ động ứng phó
biến động vĩ mô

LPBank áp dụng hệ thống chính sách, quy trình, hạn mức để nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro lãi suất theo quy định của NHNN và tiệm cận với chuẩn mực Basel III.

Năm 2025, trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị và quan hệ thương mại toàn cầu tác động tới kinh tế trong nước, LPBank đã chủ động theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô và chính sách tiền tệ trong nước và quốc tế, qua đó kịp thời điều chỉnh chính sách lãi suất. Đồng thời, ngân hàng thực hiện kiểm tra sức chịu đựng của rủi ro lãi suất theo 6 kịch bản của Basel III, giúp dự báo và chủ động xây dựng phương án phòng ngừa tác động đến thu nhập lãi. Ngân hàng chủ động đánh giá, nghiên cứu nhằm sẵn sàng cập nhật trước những thay đổi trong quy định, chính sách điều hành của NHNN.

Năm 2026, Ngân hàng sẽ triển khai dự án FTP-ALM, hướng tới tự động hóa quản lý rủi ro lãi suất, nâng cao hiệu quả kiểm soát và hỗ trợ ra quyết định đầu tư nhằm tối ưu hóa quản lý tài sản nguồn vốn.

RỦI RO CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Củng cố nền tảng số an toàn

- Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ và gia tăng kết nối hệ sinh thái tài chính, rủi ro CNTT ngày càng có tác động lan tỏa đến rủi ro hoạt động và uy tín của ngân hàng.
- Tại LPBank, công tác quản trị và kiểm soát rủi ro CNTT được thực hiện theo hệ thống quy trình, quy định nội bộ đầy đủ, đồng bộ và được rà soát, cập nhật định kỳ nhằm phù hợp với thực tiễn vận hành và yêu cầu quản lý. Ngân hàng triển khai các biện pháp: Áp dụng mô hình kiểm soát nhiều lớp, đảm bảo phân tách chức năng, kiểm soát thay đổi và giám sát truy cập hệ thống chặt chẽ; Xây dựng và duy trì các phương án dự phòng, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp (BCP/DRP), kịch bản xử lý sự cố CNTT; Tổ chức diễn tập định kỳ nhằm đảm bảo khả năng phục hồi và tính liên tục của hoạt động.
- LPBank đã chủ động nâng cao năng lực giám sát, cảnh báo sớm, phát hiện tấn công và tăng cường kiểm thử, đánh giá an toàn hệ thống định kỳ. Ngoài ra, LPBank cũng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý và tổ chức chuyên ngành như: NHNN, Hiệp hội An ninh mạng Việt Nam (VNISA), Bộ Công an nhằm tăng cường trao đổi cảnh báo, chia sẻ thông tin và nâng cao hiệu quả giám sát an ninh mạng toàn hệ thống.
- Công tác chuẩn hóa quản trị rủi ro CNTT được nâng cao thông qua việc: Điều chỉnh khẩu vị rủi ro CNTT, hạn mức rủi ro và hệ thống chỉ số cảnh báo sớm (KRI CNTT); Thực hiện giám sát, thống kê, phân tích và đánh giá sự cố CNTT định kỳ; tăng cường phân tích nguyên nhân gốc (Root Cause Analysis) và triển khai biện pháp khắc phục phòng ngừa; Tích hợp chỉ tiêu rủi ro CNTT vào hệ thống quản trị rủi ro chung của ngân hàng nhằm đảm bảo quản lý đồng bộ và toàn diện.
- Hoạt động quản lý rủi ro CNTT trong năm 2025 đã góp phần củng cố nền tảng công nghệ vững chắc, nâng cao uy tín và năng lực cạnh tranh của LPBank trong môi trường số hóa.

HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG RỬA TIỀN

Tiếp cận dựa trên rủi ro, tăng cường giám sát an toàn

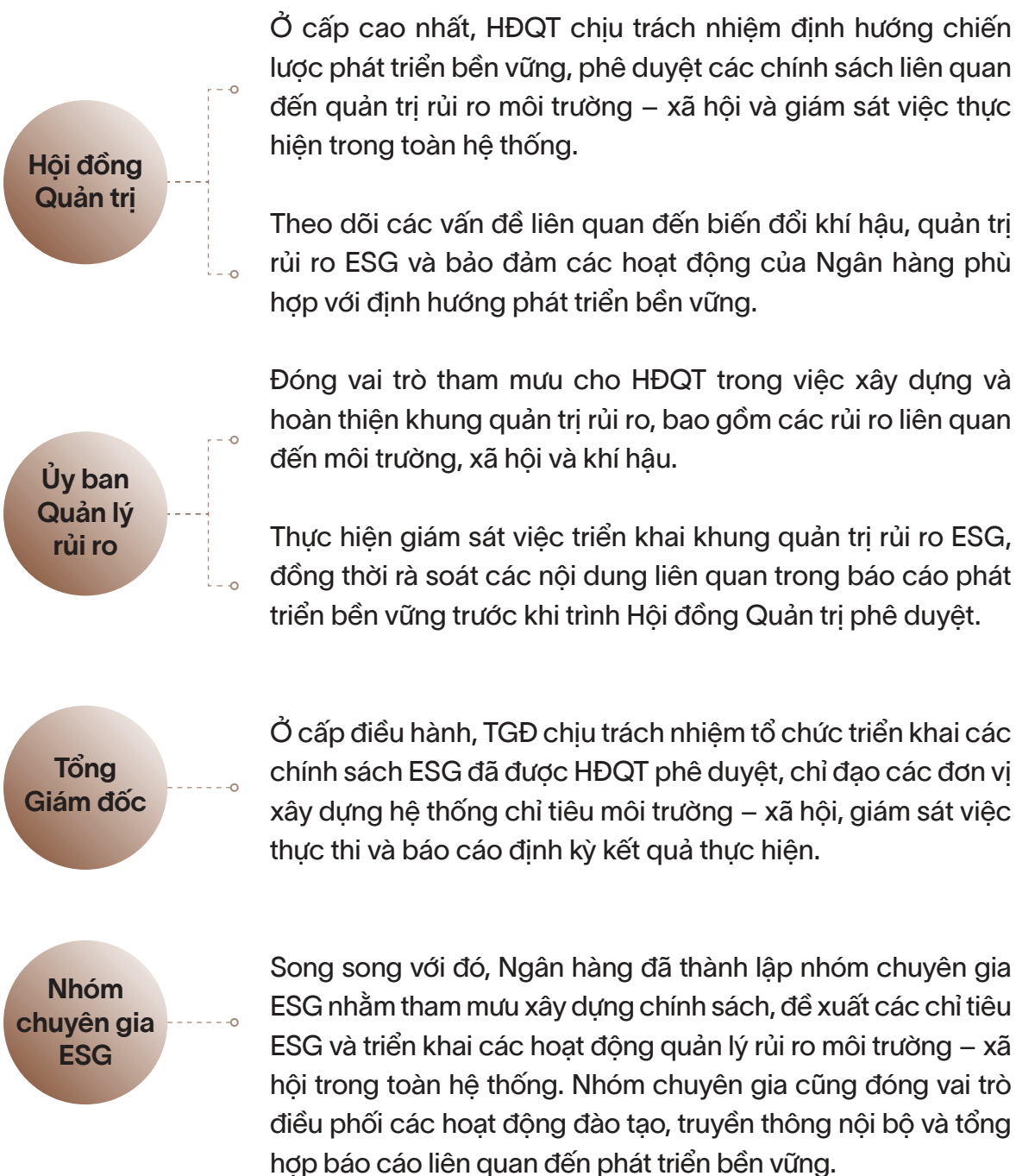
- Năm 2025, LPBank tiếp tục vận hành khung phòng chống rửa tiền, phòng chống tài trợ khủng bố và phòng chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo phương pháp tiếp cận dựa trên rủi ro, bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật Việt Nam và tiệm cận với các thông lệ quốc tế. Công tác phòng chống rửa tiền tại LPBank được triển khai theo mô hình ba tuyến phòng thủ với các trụ cột chính gồm: (i) quản trị và đánh giá rủi ro toàn ngân hàng; (ii) nhận biết, xác minh và thẩm định khách hàng theo mức độ rủi ro; (iii) giám sát giao dịch và sàng lọc danh sách trừng phạt theo thời gian thực; (iv) báo cáo và hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền, bên thứ ba; (v) kiểm soát nội bộ, kiểm toán và đào tạo nâng cao nhận thức.
- Trên cơ sở các nhân tố rủi ro gồm rủi ro khách hàng, rủi ro sản phẩm và dịch vụ, rủi ro kênh phân phối và rủi ro địa lý, LPBank thực hiện đánh giá rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trên toàn hệ thống theo định kỳ. Kết quả đánh giá được sử dụng để cập nhật quy trình quản lý rủi ro, điều chỉnh mức độ kiểm soát, ngưỡng cảnh báo và phân bổ nguồn lực phù hợp với từng phân khúc rủi ro trong hoạt động của LPBank.
- Bên cạnh đó, LPBank hoàn thiện rà soát, cập nhật quy định nội bộ nhằm tuân thủ các văn bản pháp luật mới về phòng chống rửa tiền của Việt Nam; tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, tự động hóa quy trình giám sát và nâng cao chất lượng dữ liệu phục vụ nhận diện rủi ro. Qua đó, hệ thống được duy trì hoạt động an toàn, hạn chế việc lợi dụng dịch vụ ngân hàng cho mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố và bảo đảm tính minh bạch của hoạt động tài chính.
- Năm 2026, LPBank sẽ tập trung nguồn lực để triển khai các cập nhật, nâng cấp nhằm đáp ứng đầy đủ thông tư 27/2025/TT-NHNN thông qua việc đồng bộ hóa các giải pháp về nguồn lực, hệ thống, con người và quy trình.

Ngân hàng xanh



Mô hình quản trị ESG đa tầng

Để bảo đảm việc triển khai chiến lược phát triển bền vững một cách nhất quán, Ngân hàng đã thiết lập mô hình quản trị ESG đa tầng, bảo đảm việc định hướng, thực thi và giám sát được triển khai từ cấp hoạch định chiến lược đến cấp vận hành.



Mô hình quản trị này giúp bảo đảm các yếu tố ESG được tích hợp vào hoạt động quản trị doanh nghiệp một cách hệ thống, từ cấp chiến lược đến cấp thực thi.

Khung chính sách ESG



Ngân hàng đã xây dựng và ban hành Khung chính sách ESG làm nền tảng cho việc quản lý các tác động môi trường và xã hội trong hoạt động kinh doanh. Khung chính sách này quy định rõ vai trò và trách nhiệm của các đơn vị trong toàn hệ thống, đồng thời tích hợp yêu cầu đánh giá rủi ro môi trường – xã hội vào quy trình thẩm định tín dụng và quản trị rủi ro. Từ năm 2023 đến nay, hệ thống chính sách ESG của Ngân hàng liên tục được hoàn thiện thông qua việc ban hành các văn bản quan trọng như:

Quy định quản lý
rủi ro môi trường
và xã hội

Hướng dẫn đánh
giá rủi ro môi
trường trong hoạt
động cấp tín dụng

Các quy trình nghiệp vụ
tín dụng tích hợp tiêu
chí đánh giá môi trường
– xã hội đối với khách
hàng doanh nghiệp và
khách hàng cá nhân

Đối với các khoản vay sử dụng nguồn vốn quốc tế, Ngân hàng thực hiện tuân thủ **Chính sách An toàn của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)**, bao gồm các bước sàng lọc và phân loại dự án theo tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời loại trừ các dự án có nguy cơ gây tác động tiêu cực nghiêm trọng đến môi trường hoặc xã hội. Việc áp dụng khung quản lý rủi ro môi trường – xã hội không chỉ giúp Ngân hàng kiểm soát tốt hơn các rủi ro phi tài chính mà còn góp phần định hướng dòng vốn tín dụng vào các lĩnh vực phát triển bền vững.

Phương pháp xác định các vấn đề ESG trọng yếu

Ngân hàng áp dụng phương pháp đánh giá vấn đề trọng yếu (Materiality Assessment) nhằm xác định các chủ đề ESG có tác động quan trọng nhất đối với hoạt động kinh doanh và các bên liên quan.

Quy trình xác định vấn đề trọng yếu được thực hiện theo các bước:

Bước 1

Xác định danh mục các vấn đề ESG tiềm năng dựa trên:

Ngân hàng rà soát các chủ đề ESG dựa trên: *Các tiêu chuẩn và khung báo cáo quốc tế về phát triển bền vững* (đặc biệt là các GRI Standards); *Thông lệ quản trị bền vững của ngành ngân hàng*; *Định hướng phát triển bền vững của Chính phủ Việt Nam*:

Bước 2

Tham vấn các bên liên quan

Bước 3

Đánh giá mức độ tác động

Các vấn đề ESG được đánh giá dựa trên hai tiêu chí chính:

Mức độ tác động đối với hoạt động kinh doanh và chiến lược của Ngân hàng;

Tiêu chí này xem xét mức độ ảnh hưởng của từng vấn đề ESG đến các khía cạnh quan trọng của Ngân hàng, bao gồm:

- Hoạt động kinh doanh và hiệu quả tài chính;
- Quản trị rủi ro và tuân thủ pháp luật;
- Danh tiếng và thương hiệu của Ngân hàng;
- Khả năng tiếp cận nguồn vốn và quan hệ với nhà đầu tư;
- Chiến lược phát triển dài hạn và tính bền vững của mô hình kinh doanh.

Mức độ quan tâm của các bên liên quan;

Kết quả đánh giá được lượng hóa và tổng hợp để xây dựng ma trận trọng yếu ESG, trong đó mỗi chủ đề ESG được xác định vị trí dựa trên mức độ tác động đối với Ngân hàng và mức độ quan tâm của các bên liên quan.

Bước 4

Xác định các chủ đề trọng yếu

Các chủ đề ESG trọng yếu được Ngân hàng ưu tiên quản lý, tích hợp vào chiến lược phát triển và công bố thông tin trong các báo cáo thường niên và báo cáo phát triển bền vững. Kết quả đánh giá xác định một số chủ đề ESG trọng yếu đối với Ngân hàng bao gồm:

Quản trị doanh nghiệp và minh bạch

Quản trị rủi ro môi trường – xã hội trong cấp tín dụng

Tài chính xanh và tín dụng bền vững

Chuyển đổi số và ngân hàng số

Phát triển nguồn nhân lực

Trách nhiệm xã hội gắn với phát triển cộng đồng

Các chủ đề trọng yếu này là cơ sở để Ngân hàng xây dựng chiến lược ESG, thiết lập các mục tiêu phát triển bền vững.



Quản trị rủi ro môi trường và khí hậu

Nhận thức được những tác động ngày càng gia tăng của biến đổi khí hậu đối với hệ thống tài chính và nền kinh tế, Ngân hàng đã tích hợp các yếu tố rủi ro môi trường và khí hậu vào khung quản trị rủi ro tổng thể. Các rủi ro môi trường và khí hậu được Ngân hàng phân loại thành hai nhóm chính:

1. RỦI RO VẬT LÝ

Bao gồm các rủi ro phát sinh từ các hiện tượng khí hậu cực đoan như bão lũ, hạn hán hoặc biến đổi thời tiết dài hạn, có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng và khả năng trả nợ.

2. RỦI RO CHUYỂN ĐỔI

Phát sinh từ quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp, bao gồm thay đổi chính sách môi trường, chi phí carbon, tiêu chuẩn phát thải hoặc sự thay đổi nhu cầu thị trường. Để quản lý các rủi ro này, Ngân hàng đã triển khai các biện pháp:

Tích hợp đánh giá rủi ro môi trường – xã hội vào quy trình thẩm định tín dụng

Áp dụng khung đánh giá rủi ro môi trường – xã hội (ESMF)

Thực hiện sàng lọc các dự án có nguy cơ gây tác động môi trường nghiêm trọng

Tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường của các tổ chức tài chính quốc tế đối với các khoản vay quốc tế

Song song với việc quản trị rủi ro, Ngân hàng chủ động thúc đẩy tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo, nông nghiệp bền vững và các mô hình sản xuất sạch hơn nhằm đóng góp vào quá trình chuyển đổi xanh của nền kinh tế.

Đẩy mạnh triển khai các gói tín dụng và sản phẩm tài chính “Số – Xanh”



- Năm 2025, trong khuôn khổ “Hội nghị đối tác Thúc đẩy chuyển đổi số – xanh doanh nghiệp Việt Nam 2025”, LPBank đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác với Cục Phát triển Doanh nghiệp tư nhân và Kinh tế tập thể (APED) thuộc Bộ Tài chính, qua đó trở thành đối tác ngân hàng của Trung tâm Chuyển đổi kép nhằm phát triển các gói tín dụng và sản phẩm tài chính “Số – Xanh” hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Theo thỏa thuận, LPBank sẽ cùng APED và các đối tác quốc tế xây dựng và vận hành Trung tâm Chuyển đổi kép, mô hình hợp tác công – tư đầu tiên tại Việt Nam hướng đến mục tiêu chuyển đổi số song hành với chuyển đổi xanh. Trong hệ sinh thái đó, LPBank đảm nhận vai trò đối tác tài chính chiến lược, phát triển các gói tín dụng và sản phẩm tài chính “Số – Xanh” nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) tiếp cận vốn đầu tư vào công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và cải thiện hiệu suất vận hành.
- Song song với chiến lược số hóa, LPBank cũng chú trọng đầu tư phát triển các gói tín dụng xanh hỗ trợ doanh nghiệp. Trong năm 2025, tổng dư nợ tín dụng xanh của LPBank đạt 2.465 tỷ đồng, trong đó 2.156 tỷ đồng được dành cho các dự án năng lượng/Năng lượng tái tạo, 100 tỷ đồng cho Nông – Lâm – Thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học và 209 tỷ đồng cho các lĩnh vực xanh khác. Những con số này thể hiện rõ định hướng của LPBank trong việc biến “tài chính xanh” thành trụ cột phát triển dài hạn, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp Việt đáp ứng các tiêu chuẩn ESG quốc tế.

- ☺ Với chiến lược phát triển bền vững lấy con người và cộng đồng làm trọng tâm, LPBank khẳng định sẽ tiếp tục mở rộng các sáng kiến tài chính xanh, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, và đồng hành cùng Chính phủ trong nỗ lực hướng đến một nền kinh tế xanh, số và thịnh vượng.

CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG CHUNG

Ưu tiên dòng vốn cho các lĩnh vực đóng góp trực tiếp vào mục tiêu Net Zero và phát triển bền vững quốc gia:

- ☺ Năng lượng tái tạo & Năng lượng sạch: Ưu tiên cấp tín dụng cho các dự án điện mặt trời, điện gió và các giải pháp tiết kiệm năng lượng tại doanh nghiệp;
- ☺ Nông nghiệp bền vững & Nông nghiệp sạch: Tập trung dịch chuyển dòng vốn cho vay vào nông nghiệp công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; Sản xuất & Tiêu dùng sạch: Khuyến khích các ngành sản xuất có phát thải carbon thấp, ứng dụng công nghệ xanh để tối ưu hóa tài nguyên và giảm phát thải ra môi trường;
- ☺ Chuyển đổi số doanh nghiệp: Tích hợp yếu tố ESG vào quy trình vận hành và cung cấp giải pháp quản trị số hóa cho doanh nghiệp nhằm giảm thiểu lãng phí tài nguyên vật lý.

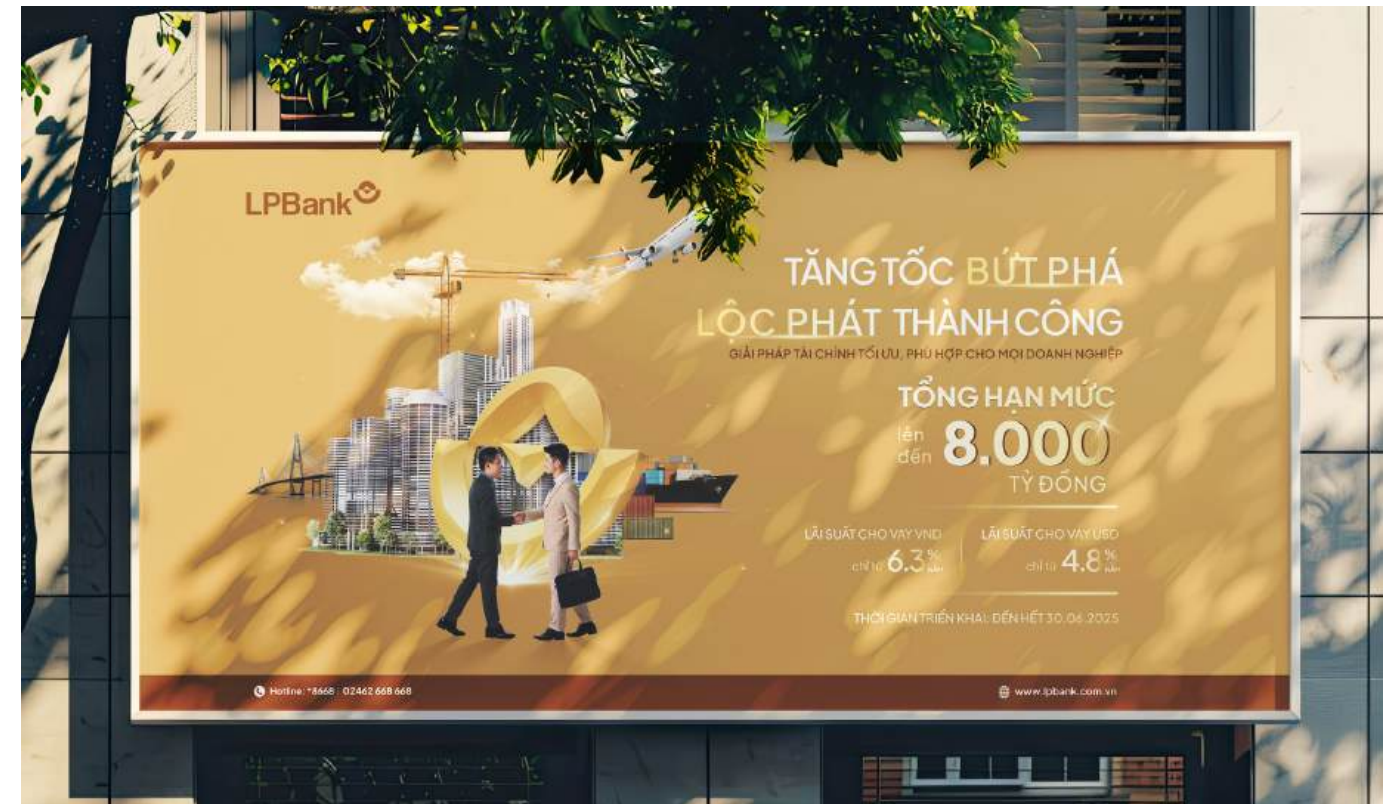


CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ GÓI CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Năm 2025, Ngân hàng Bán lẻ tiếp tục triển khai định hướng ESG của toàn hệ thống thông qua việc lồng ghép các tiêu chí Môi trường – Xã hội – Quản trị vào hoạt động tín dụng và vận hành.

- ☺ Tập trung ưu tiên cấp tín dụng đối với các lĩnh vực nông nghiệp bền vững, sản xuất sạch và hộ kinh doanh ứng dụng công nghệ cao, đồng thời áp dụng Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF) trong quá trình thẩm định, kiểm soát rủi ro môi trường – xã hội;

- ☺ Việc triển khai các chương trình tín dụng xanh từ nguồn vốn trong và ngoài nước, bao gồm các dự án hợp tác quốc tế, góp phần mở rộng danh mục tài trợ cho các mục đích vay có tác động thấp đến môi trường, phù hợp với định hướng tài chính xanh của LPBank.



CÁC CHƯƠNG TRÌNH VÀ GÓI CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Trong năm 2025, LPBank triển khai mạnh mẽ các gói hỗ trợ tài chính thực chất cho doanh nghiệp:

- ☺ Hợp tác chiến lược với APED: Ký kết Biên bản ghi nhớ (MOU) với Cục Phát triển Doanh nghiệp (APED - Bộ Tài chính) trong khuôn khổ “Hội nghị đối tác Thúc đẩy chuyển đổi số - xanh doanh nghiệp Việt Nam 2025” để triển khai các gói tín dụng “Số - Xanh” chuyên biệt cho doanh nghiệp SME chuyển đổi mô hình kinh doanh sang hướng bền vững.
- ☺ Gói ưu đãi lãi suất 10.000 tỷ đồng mang tên “Tăng tốc bứt phá - Lộ Phát thành công”: Triển khai từ đầu năm với lãi suất chỉ từ 4,8%/năm tập trung hỗ trợ vốn lưu động và đầu tư cho doanh nghiệp phục hồi sản xuất bền vững, đặc biệt là các lĩnh vực trọng điểm.
- ☺ Giải pháp số LPBank Biz: nền tảng ngân hàng số toàn diện cho khách hàng doanh nghiệp (ứng dụng tích hợp trên cả di động và internet banking), hỗ trợ quản lý tài khoản, chuyển tiền nhanh, chuyển tiền theo lô và bảo mật cao, giúp doanh nghiệp tối ưu hóa quản trị dòng tiền và giảm thiểu các quy trình vật lý lãng phí.

Quản trị bền vững

Trong chiến lược phát triển bền vững, Ngân hàng chú trọng tăng cường hiệu quả quản trị và tối ưu hóa vận hành thông qua việc chuẩn hóa quy trình, ứng dụng công nghệ và thúc đẩy văn hóa quản trị minh bạch. Các sáng kiến này nhằm nâng cao năng lực điều hành, cải thiện chất lượng dịch vụ và tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro trong toàn hệ thống.

TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ CHUẨN HÓA QUY TRÌNH

Quy trình phê duyệt tín dụng sau tinh gọn tại Ngân hàng doanh nghiệp

Trong năm 2025, Ngân hàng triển khai chương trình rà soát và chuẩn hóa các quy trình nội bộ (để án tinh gọn văn bản nội bộ). Việc tinh gọn quy trình đã góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và cải thiện tốc độ ra quyết định trong toàn hệ thống.



Những cải tiến này giúp tăng tính linh hoạt trong quản trị, đồng thời nâng cao khả năng phản ứng nhanh với nhu cầu của khách hàng và thị trường.

Tiên phong ứng dụng công nghệ trong quản trị và hỗ trợ kinh doanh

Ngân hàng cũng đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu và công nghệ tự động hóa trong hoạt động quản trị và hỗ trợ kinh doanh. Các giải pháp công nghệ, bao gồm công cụ tự động hóa dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI), được triển khai nhằm hỗ trợ giải đáp nghiệp vụ cho các đơn vị kinh doanh, hỗ trợ cán bộ quan hệ khách hàng trong phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp và tự động hóa hệ thống báo cáo vận hành hàng ngày.

Ngân hàng Doanh nghiệp:

TỪ QUÝ I/2025, THỜI GIAN TAT HỖ TRỢ CÁC

ĐVKD ĐƯỢC TỐI ƯU

▼ Rút ngắn gần 1 nửa

DỮ LIỆU KINH DOANH ĐƯỢC CUNG CẤP CHO CÁC ĐƠN VỊ

NGAY TỪ ĐẦU NGÀY LÀM VIỆC

▲ Nâng cao tính chủ động trong quản trị và ra quyết định kinh doanh

THÚC ĐẨY VĂN HÓA VẬN HÀNH BỀN VỮNG

Song song với việc nâng cao hiệu quả quản trị, Ngân hàng thúc đẩy xây dựng văn hóa vận hành bền vững trong toàn hệ thống. Các sáng kiến được triển khai bao gồm:

- Chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ theo hướng tinh gọn, minh bạch và hiệu quả;
- Đẩy mạnh số hóa quy trình cấp tín dụng và vận hành theo mô hình Văn phòng không giấy (paperless) thông qua việc triển khai các nền tảng quản trị dữ liệu/ tài liệu điện tử và báo cáo tự động. Giải pháp này giúp Ngân hàng giảm thiểu in ấn, tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên và khẳng định cam kết bảo vệ môi trường trong từng hoạt động quản trị.
- Ưu tiên lựa chọn hình thức họp trực tuyến, tối ưu hóa việc sử dụng phương tiện đi lại trong hoạt động công vụ, qua đó góp phần giảm nhu cầu di chuyển bằng ô tô và tiết kiệm nhiên liệu
- Ngân hàng chú trọng triển khai các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên nhằm giảm thiểu tác động môi trường và góp phần hạn chế phát thải khí nhà kính. Các biện pháp tiết kiệm năng lượng và tài nguyên được áp dụng tại trụ sở và các đơn vị kinh doanh, bao gồm tối ưu hóa hệ thống chiếu sáng, tắt các thiết bị điện khi không sử dụng và nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống điều hòa không khí. Cụ thể:

TỔNG PHÁT THẢI CO₂ (TẤN CO₂)

25.606 tấn

▼ 17,87% so với mức tiêu thụ năm 2024 (31.176 tấn CO₂)

LƯỢNG XĂNG TIÊU THỤ (TJ)

29,96 TJ

▼ 35,36% so với mức tiêu thụ năm 2024 (46,35 TJ)

LƯỢNG NƯỚC SINH HOẠT TIÊU THỤ (ML)

210,71 ML

▼ 19,57% so với mức tiêu thụ năm 2024 (251,96 ML)

LƯỢNG ĐIỆN TIÊU THỤ (MWh)

25.821 MWh

▼ 15,68% so với mức tiêu thụ năm 2024 (30.624 MWh)



Phát triển nguồn nhân lực

Tại LPBank, chúng tôi tin rằng con người phù hợp chính là nền tảng của mọi sự phát triển bền vững. Một tổ chức không chỉ được đo lường bằng các chỉ số tài chính, mà còn được định hình bởi tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhân sự. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực của LPBank được xây dựng đồng bộ với chiến lược kinh doanh và khung quản trị theo các tiêu chuẩn quốc tế, hướng tới mục tiêu tạo ra giá trị dài hạn cho cán bộ nhân viên, cộng đồng và cổ đông. Trong đó, phát triển con người được xác định là yếu tố then chốt trong chiến lược ESG của ngân hàng.

KIẾN TẠO CHÂN DUNG LPBANKER THẾ HỆ MỚI VỚI NĂNG LỰC VƯỢT TRỘI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

LPBank xác định phát triển bền vững bắt nguồn từ việc xây dựng đội ngũ nhân sự có nền tảng chuyên môn vững vàng, đồng thời hình thành thế hệ “công dân số” với tư duy hiện đại, sẵn sàng thích ứng với những thay đổi của ngành tài chính – ngân hàng và sự phát triển mạnh mẽ của kỷ nguyên AI. Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra sâu rộng, chân dung LPBanker thế hệ mới được định hình dựa trên các năng lực trọng yếu, đóng vai trò nền tảng giúp Ngân hàng hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược dài hạn:

Chuyển đổi tư duy

Mỗi LPBanker được trang bị tư duy “Khách hàng là trọng tâm” kết hợp với văn hóa thực thi quyết liệt. Ngân hàng thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, dám hành động và chịu trách nhiệm trong quá trình triển khai công việc.

Tư duy số

Chuyển đổi số không chỉ là định hướng chiến lược mà đã trở thành yêu cầu tất yếu trong mọi hoạt động của LPBank. Ngân hàng chú trọng trang bị cho cán bộ nhân viên tư duy làm việc dựa trên dữ liệu, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ và khai thác hiệu quả các nền tảng số trong quản trị và kinh doanh.

100% cán bộ nhân viên được đào tạo và sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ mới, góp phần tối ưu hóa quy trình làm việc, đồng thời nâng cao chất lượng trải nghiệm khách hàng trên các kênh số.

Đổi mới sáng tạo

Trước những biến động nhanh của thị trường tài chính, LPBank xác định năng lực thích ứng và đổi mới là yếu tố then chốt nhằm duy trì lợi thế trên thị trường. Ngân hàng thúc đẩy văn hóa đổi mới trong toàn hệ thống, khuyến khích cán bộ nhân viên chủ động đề xuất sáng kiến và phát triển các giải pháp tài chính tối ưu nhằm nâng cao năng suất lao động và gia tăng giá trị bền vững cho khách hàng.

Chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm ESG

Minh bạch, kỷ luật và tuân thủ là nền tảng cốt lõi trong văn hóa LPBank. Ngân hàng luôn đặt yêu cầu tuân thủ và quản trị rủi ro ở vị trí trung tâm trong mọi hoạt động.

Trong bối cảnh ESG ngày càng trở thành chuẩn mực của thị trường, mỗi LPBanker chủ động tích hợp các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị vào quá trình ra quyết định.

Việc duy trì chuẩn mực đạo đức và thực hành ESG nhất quán góp phần củng cố niềm tin của khách hàng, đối tác và cổ đông, đồng thời nâng cao vị thế của Ngân hàng trong hệ sinh thái tài chính bền vững.

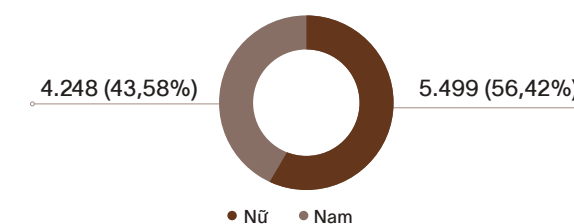
CÁC THÀNH TỰU NỔI BẬT NĂM 2025

Năm 2025, công tác nhân sự đã đóng góp trực tiếp vào kết quả tăng trưởng của Ngân hàng thông qua những dấu ấn nổi bật.

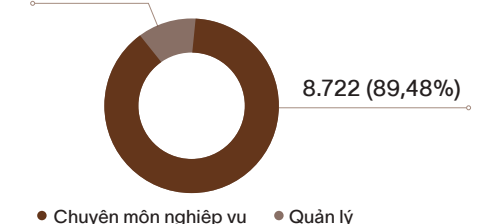
TỐI ƯU HÓA BỘ MÁY: Hoàn thành triển khai mô hình tổ chức tinh gọn tại Hội sở và mạng lưới chi nhánh, giúp tăng năng suất lao động bình quân lên 20% so với năm 2024.

CƠ CẤU, TỶ TRỌNG NHÂN SỰ TẠI LPBANK

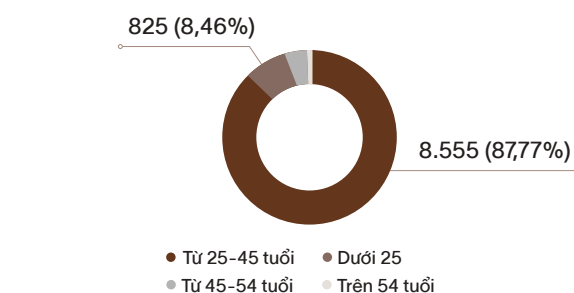
GIỚI TÍNH



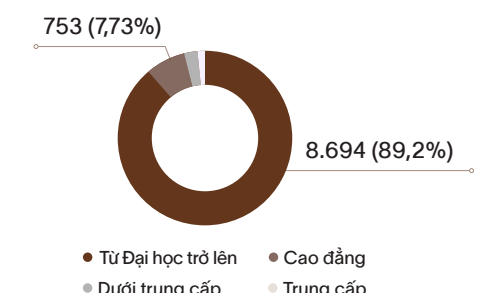
PHÂN NHÓM CÁN BỘ



ĐỘ TUỔI



TRÌNH ĐỘ



TUYỂN DỤNG CHIẾN LƯỢC – BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC CHO TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

Năm 2025, LPBank triển khai chiến lược tuyển dụng chủ động và có chọn lọc nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng cường năng lực quản trị rủi ro và thúc đẩy chuyển đổi số toàn hệ thống. Công tác tuyển dụng được định hướng không chỉ để đáp ứng nhu cầu nhân sự trong ngắn hạn, mà còn nhằm xây dựng nguồn lực chất lượng cao phục vụ tăng trưởng dài hạn.

KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG NĂM 2025:

Kế hoạch tuyển dụng của các đơn vị, tối ưu chi phí, bảo đảm yêu cầu về quy mô, tiến độ và chất lượng nhân sự.



Các hoạt động triển khai khác:

Chuyển đổi từ triển khai tuyển dụng phân tán sang tuyển dụng tập trung

Tuyển dụng tập trung toàn hệ thống. Đảm bảo nguồn lực phục vụ hoạt động kinh doanh sau tinh gọn đặc biệt đối với các vị trí cán bộ quản lý với áp lực tuyển dụng nhân sự thay thế lớn và nguồn lực tuyển dụng về con người và hệ thống đều hạn chế.

Tối ưu hóa quy trình tuyển dụng theo định hướng AI First và tư duy dịch vụ

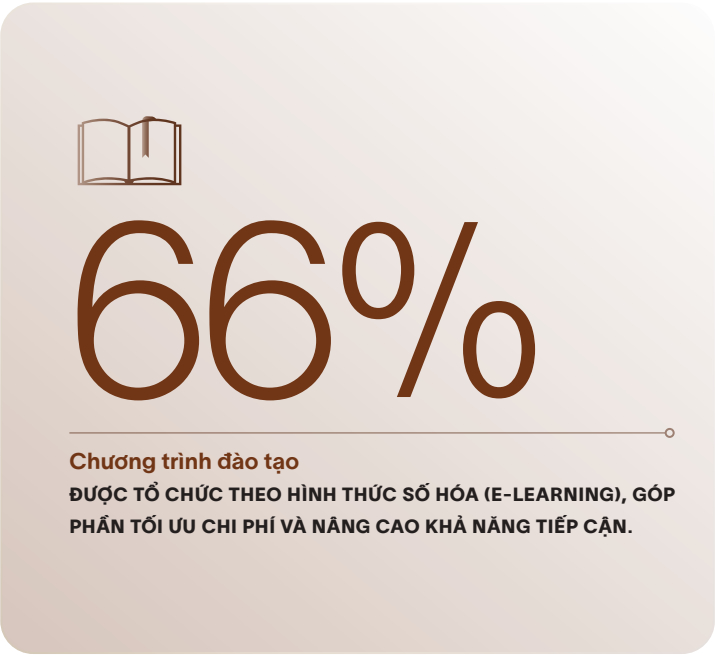
Đồng hành cùng các đơn vị trong việc kiểm soát định biên, tư vấn giải pháp nhân sự; Nâng cao trải nghiệm ứng viên (đồng hành và hỗ trợ xuyên suốt từ khi ứng tuyển đến giai đoạn đầu tiếp nhận); Nghiên cứu và đề xuất triển khai phần mềm ATS quản trị nguồn tuyển dụng ứng dụng AI trong việc bóc tách hồ sơ.

LPBank thực hiện tuyển dụng công bằng, minh bạch, thúc đẩy đa dạng và hòa nhập, với tỷ lệ nhân sự nữ trong tổng số tuyển mới đạt 46%.

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN, GIA TĂNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH

LPBank tiếp tục ưu tiên nguồn lực cho công tác đào tạo và phát triển, từng bước hoàn thiện mô hình tổ chức học tập theo hướng hiện đại, linh hoạt và gắn với chiến lược phát triển dài hạn. Văn hóa học tập được xác định là nền tảng quan trọng trong phát triển năng lực cá nhân, đồng thời góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hỗ trợ tăng trưởng bền vững của ngân hàng.

Kết quả nổi bật năm 2025 bao gồm:





Với định hướng phát triển dài hạn, LPBank chủ động triển khai các chương trình đào tạo trọng điểm dành cho đội ngũ nhân sự tiềm năng, tiêu biểu là LPBank Future nhằm phát hiện và phát triển nguồn cán bộ quản lý kinh doanh kế cận, hướng tới xây dựng đội ngũ Giám đốc Chi nhánh trong tương lai. Song song với đó, ngân hàng áp dụng lộ trình học tập cá nhân hóa theo từng vị trí chức danh, bảo đảm nội dung đào tạo gắn với yêu cầu năng lực và mục tiêu nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Cách tiếp cận này góp phần nâng cao chất lượng của các chương trình phát triển, đồng thời tăng cường khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn công việc.

Những nỗ lực đầu tư có hệ thống cho nguồn nhân lực đã góp phần xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao, thúc đẩy sự gắn kết của cán bộ nhân viên và tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược tăng trưởng dài hạn của LPBank.

CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ: “CẠNH TRANH – CÔNG BẰNG – TOÀN DIỆN”

Tại LPBank, chế độ đãi ngộ được xem là khoản đầu tư chiến lược nhằm thu hút, giữ chân nhân tài và thúc đẩy hiệu suất công việc.

Ngân hàng tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động và thực hiện các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động.

Toàn bộ cán bộ nhân viên ngân hàng được chi trả thu nhập theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng và nhận được các phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể. Cấp quản lý cao nhất của LPBank (HĐQT và BKS) được chi trả thù lao theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỞNG ĐỘT PHÁ

Hệ thống lương thưởng được thiết kế dựa trên kết quả công việc và triển khai minh bạch, bảo đảm đóng góp và kết quả công việc được ghi nhận công bằng và tương xứng.

PHÚC LỢI TOÀN DIỆN:

- 🏡 LPBank luôn ưu tiên bảo vệ sức khỏe cán bộ nhân viên và thực hiện triển khai các chính sách: Khám sức khỏe định kỳ với nhiều hạng mục phù hợp, thực hiện tầm soát bệnh lý theo nhu cầu của cán bộ nhân viên tại các bệnh viện uy tín, chất lượng;
 - 🏡 Bảo hiểm sức khỏe: Người lao động được thụ hưởng bảo hiểm sức khỏe toàn diện với các chính sách và giá trị bảo hiểm gia tăng theo từng năm.
 - 🏡 Chính sách phúc lợi sức khỏe toàn diện: hỗ trợ chi phí tập yoga, bố trí phòng tập gym, phòng y tế cho cán bộ nhân viên và phòng chức năng cho cán bộ nhân viên nữ đang trong thời kỳ nuôi con nhỏ.
-
- 🏡 Hỗ trợ tiền ăn, đi lại/điện thoại/trang điểm; bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật;
-
- 🏡 Tặng quà cho cán bộ nhân viên các dịp lễ/Tết; Quốc tế Phụ nữ 8/3; Phụ nữ Việt Nam 20/10;
 - 🏡 Giờ làm việc linh hoạt;
 - 🏡 Bổ sung thời gian nghỉ có hưởng lương gia tăng so với luật: chính sách LPBank Plus (cơ chế về sớm vào thứ Sáu áp dụng đối với đơn vị và cá nhân hoàn thành vượt kế hoạch); nghỉ sinh nhật và nghỉ phép thâm niên tăng thêm 01 ngày so với quy định của Bộ luật Lao động.
 - 🏡 Chính sách hỗ trợ cán bộ nhân viên trong thời gian thiên tai, dịch bệnh;
 - 🏡 Hoạt động văn hóa - nghệ thuật - thể thao.

Trách nhiệm xã hội (CSR)





Song hành với việc triển khai chiến lược kinh doanh theo định hướng ESG, năm 2025, LPBank tiếp tục khẳng định mạnh mẽ phương châm “Gắn trách nhiệm xã hội trong kinh doanh”. Đối với LPBank, trách nhiệm xã hội (CSR) không chỉ là các hoạt động thiện nguyện đơn thuần, mà là trụ cột chiến lược, gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững và kiến tạo giá trị lâu dài cho cộng đồng.

Các chương trình CSR năm 2025 của LPBank được triển khai đồng bộ, có trọng tâm, bám sát với các ưu tiên quốc gia về an sinh, giáo dục và phát triển cộng đồng bền vững. Trong năm 2025, LPBank đã dành gần 300 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh xã hội và phát triển cộng đồng trên phạm vi toàn quốc tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm:



Việc phân bổ ngân sách theo các lĩnh vực nền tảng cho thấy CSR tại LPBank không chỉ lan tỏa hình ảnh thương hiệu, mà hướng tới giải quyết các vấn đề xã hội, tạo tác động bền vững và lâu dài.

ĐỒNG HÀNH CÙNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI QUỐC GIA

Giai đoạn 2024–2025, LPBank tiếp tục khẳng định vai trò ngân hàng tiên phong trong thực thi các chủ trương lớn về an sinh xã hội, triển khai đồng bộ các hoạt động hỗ trợ nhà ở, cứu trợ thiên tai và chăm lo nhóm yếu thế.

DẤU ẤN TIÊN PHONG TRONG PHONG TRÀO “XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT”:

Hưởng ứng mạnh mẽ phong trào thi đua “Cả nước chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát”, trong giai đoạn 2024 – 2025, LPBank đã dành nguồn lực lên tới 150 tỷ đồng để tài trợ trực tiếp cho nhiều địa phương như Hà Giang, Đắk Lắk, Thái Nguyên... Nguồn kinh phí này đã góp phần cải thiện điều kiện sống cho hàng nghìn hộ gia đình, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng sâu, vùng xa. Đây không chỉ là sự hỗ trợ về vật chất mà còn là điểm tựa vững chắc giúp người dân ổn định nơi ở, yên tâm phát triển sinh kế và vươn lên thoát nghèo bền vững.

SÁT CÁNH CÙNG ĐỒNG BÀO VÙNG THIÊN TAI:

Phát huy truyền thống “tương thân tương ái”, trước những thiệt hại nặng nề do bão lũ trong năm 2025, LPBank đã nhanh chóng giải ngân 10 tỷ đồng để hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả, tái thiết sản xuất. Bên cạnh nguồn ngân sách từ Ngân hàng, cán bộ nhân viên toàn hệ thống cũng tích cực đóng góp ngày công và thu nhập, lan tỏa tinh thần trách nhiệm và sự sẻ chia sâu sắc tới cộng đồng.

Với tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”, LPBank đã dành sự quan tâm đặc biệt đến trẻ em không may mắn. Ngân hàng tài trợ sản xuất và trao tặng các thiết bị phục hồi chức năng thiết yếu như xe lăn chuyên dụng, ghế tập ngồi, giày nẹp chỉnh hình cho trẻ em mắc bệnh bại não tại tỉnh Ninh Bình, giúp vơi bớt gánh nặng cho các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và mang lại cơ hội hòa nhập tốt hơn cho các em.



LAN TỎA THÔNG ĐIỆP “VIỆT NAM HẠNH PHÚC”

Tháng 12/2025, LPBank chính thức đồng hành cùng Ngày hội “Vietnam Happy Fest 2025” tại không gian Phố đi bộ Hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội. Qua sự kiện này, LPBank không chỉ góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam hạnh phúc, năng động mà còn khẳng định cam kết lấy con người làm trọng tâm trong mọi hoạt động phát triển của Ngân hàng. Sự ghi nhận từ Chính phủ và Thành quả bền vững: Các chương trình CSR của LPBank luôn được triển khai dựa trên sự phối hợp chặt chẽ với Chính quyền địa phương và các cơ quan Trung ương, đảm bảo tính minh bạch, đúng đối tượng và hiệu quả thực chất.

Với những đóng góp nổi bật, LPBank vinh dự hai lần nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trong năm 2025. Tổng giá trị đóng góp an sinh xã hội lũy kế đến nay đạt hơn 3.566 tỷ đồng, thể hiện hành trình bền bỉ vì cộng đồng và trách nhiệm của một định chế tài chính tiên phong đồng hành cùng sự phát triển quốc gia.

ĐẦU TƯ CHO GIÁO DỤC – KIẾN TẠO TƯƠNG LAI

Xác định giáo dục là nền tảng của phát triển bền vững, năm 2025 LPBank dành hơn 31 tỷ đồng cho các chương trình hợp tác toàn diện trong lĩnh vực giáo dục, bao gồm: Tài trợ sáng lập và đồng hành cùng các quỹ học bổng, quỹ khuyến học; Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng học sinh, sinh viên có thành tích xuất sắc; Tài trợ cơ sở vật chất và các chương trình phát triển kỹ năng cho thế hệ trẻ.

Thông qua các hoạt động này, LPBank góp phần tạo điều kiện tiếp cận giáo dục bình đẳng, khuyến khích tinh thần hiếu học và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước.



TRÁCH NHIỆM QUỐC GIA GẮN VỚI HIỆU QUẢ KINH DOANH

Năm 2025, LPBank xếp thứ 6 trong nhóm ngân hàng tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam. Kết quả này không chỉ phản ánh sức mạnh tài chính và hiệu quả hoạt động, mà còn thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm với quốc gia, khi tăng trưởng kinh doanh song hành cùng đóng góp cho ngân sách và xã hội. Bước sang năm 2026 – dấu mốc 18 năm hình thành và phát triển – LPBank tiếp tục kiên định với định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả và bền vững. Ngân hàng đặt mục tiêu:

Duy trì CSR như một cấu phần chiến lược trong hệ sinh thái ESG

Tăng cường các chương trình có tác động dài hạn, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, chuyển đổi xanh và phát triển cộng đồng

Đồng hành cùng Chính phủ trong phát triển kinh tế số, kinh tế tư nhân và nâng cao chất lượng sống của người dân

Với nền tảng tài chính vững mạnh và triết lý phát triển lấy con người làm trọng tâm, LPBank tiếp tục khẳng định vị thế là một định chế tài chính không chỉ tăng trưởng về quy mô, mà còn bền vững về giá trị và trách nhiệm xã hội.



THỂ DỤC – THỂ THAO

Trong nhiều năm qua, LPBank kiên định khẳng định vai trò là nhà tài trợ chiến lược, đồng hành dài hạn cùng sự phát triển của thể thao Việt Nam bằng cách tiếp cận bài bản, bền vững và giàu trách nhiệm xã hội.

Năm 2025, Ngân hàng tiếp tục giữ vai trò Nhà tài trợ chính của LPBank V.League 1, góp phần nâng tầm giải đấu chuyên nghiệp cao nhất Việt Nam cả về quy mô tổ chức, chất lượng chuyên môn và sức lan tỏa thương hiệu. Đồng thời, LPBank chính thức trở thành Đơn vị đồng hành chính tại Bảng C – Vòng loại Giải U23 Châu Á 2026, tiếp thêm nguồn lực và động lực tinh thần cho U23 Việt Nam trên hành trình chinh phục đấu trường châu lục. Không dừng lại ở đó, LPBank tiếp lửa cho Đoàn Thể thao Việt Nam tham dự SEA Games 33, thể hiện khát vọng đồng hành cùng các vận động viên quốc gia trong sứ mệnh mang vinh quang về cho Tổ quốc.

Bên cạnh bóng đá, LPBank tiếp tục đồng tổ chức thành công Giải Marathon Quốc tế VTV LPBank 2025 – “Nhịp điệu xuyên thời gian”. Sự kiện quy tụ hàng nghìn vận động viên trong và ngoài nước, không chỉ lan tỏa tinh thần rèn luyện sức khỏe mà còn mang ý nghĩa văn hóa sâu sắc, khẳng định sự gắn kết giữa thể thao, cộng đồng và giá trị lịch sử dân tộc. Thông qua những dấu ấn này, LPBank tiếp tục hiện thực hóa cam kết phát triển bền vững, lan tỏa tinh thần đoàn kết, ý chí vươn lên và khát vọng chinh phục đỉnh cao của Việt Nam trên mọi đấu trường.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong giai đoạn tới, Ngân hàng tiếp tục hoàn thiện khung quản trị ESG, mở rộng danh mục sản phẩm tài chính xanh và tăng cường tích hợp các tiêu chí môi trường – xã hội vào hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, Ngân hàng sẽ tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, giảm thiểu tiêu thụ tài nguyên và nâng cao trải nghiệm của khách hàng.

Với nền tảng tài chính vững mạnh cùng chiến lược phát triển bền vững rõ ràng, Ngân hàng hướng tới trở thành một định chế tài chính hiện đại, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi xanh của nền kinh tế Việt Nam.



CHƯƠNG 05

Báo cáo tài chính

Mục lục

NỘI DUNG	TRANG
Báo cáo của ban điều hành	139
Báo cáo kiểm toán độc lập	142
Báo cáo tình hình tài chính	144
Báo cáo kết quả hoạt động	148
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	150
Thuyết minh báo cáo tài chính	153

Báo cáo của Ban Điều Hành

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam (gọi tắt là “Ngân hàng”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Hồ Nam Tiến	Chủ tịch (Từ ngày 23 tháng 12 năm 2025) Phó Chủ tịch thường trực (Đến ngày 23 tháng 12 năm 2025)
Ông Nguyễn Đức Thụy	Chủ tịch (Đến ngày 23 tháng 12 năm 2025)
Ông Nguyễn Văn Thùy	Phó Chủ tịch (Đến ngày 23 tháng 12 năm 2025)
Ông Bùi Thái Hà	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Phú Khôi	Phó Chủ tịch (Từ ngày 07 tháng 02 năm 2025) Thành viên độc lập
Ông Huỳnh Ngọc Huy	Thành viên
Bà Vương Thị Huyền	Thành viên độc lập
Ban Kiểm soát	
Bà Dương Hoài Liên	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

Báo cáo của Ban Điều Hành

(Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Ngân hàng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Vũ Quốc Khánh
Tổng Giám đốc
Ninh Bình, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Ban Điều hành và Kế toán trưởng

Ông Vũ Quốc Khánh	Tổng Giám đốc (Từ ngày 25 tháng 02 năm 2025) Quyền Tổng Giám đốc (Đến ngày 25 tháng 02 năm 2025)
Bà Nguyễn Ánh Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Nam Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Công Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Danh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 18 tháng 4 năm 2025 đến ngày 09 tháng 3 năm 2026) Thành viên Ban Điều hành (Từ ngày 07 tháng 01 năm 2025 đến ngày 17 tháng 4 năm 2025)
Ông Hoàng Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 11 tháng 01 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Kiều Anh	Phó Tổng Giám đốc (Từ ngày 10 tháng 12 năm 2025 đến ngày 23 tháng 12 năm 2025) Thành viên Ban Điều hành (Từ ngày 29 tháng 10 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Vui	Thành viên Ban Điều hành
Ông Trần Đức Đông	Thành viên Ban Điều hành
Ông Ngô Đức Thắng	Thành viên Ban Điều hành
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên Ban Điều hành
Ông Nguyễn Tuấn Hiệp	Thành viên Ban Điều hành (Từ ngày 05 tháng 12 năm 2025 đến ngày 24 tháng 12 năm 2025)
Ông Nguyễn Khắc Đoàn	Thành viên Ban Điều hành (Từ ngày 05 tháng 12 năm 2025 đến ngày 25 tháng 12 năm 2025)
Ông Nguyễn Tiến Công	Kế toán trưởng

Báo cáo Kiểm toán độc lập

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam (gọi tắt là “Ngân hàng”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 68, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo Kiểm toán độc lập (Tiếp theo)

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

Đoàn Diệu Huyền
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5593-2025-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 3 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tình hình tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN			
I.	Tiền mặt	5	1.085.336	1.162.384
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	6	35.403.824	14.369.534
III.	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	7	116.332.027	96.455.319
1.	Tiền gửi tại TCTD khác		115.682.027	89.027.361
2.	Cho vay các TCTD khác		706.977	7.484.935
3.	Dự phòng rủi ro tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác		(56.977)	(56.977)
IV.	Chứng khoán kinh doanh	8	631.423	660.321
1.	Chứng khoán kinh doanh		631.423	660.321
V.	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài chính khác	9	230.751	9.137
VI.	Cho vay khách hàng		386.867.042	327.276.218
1.	Cho vay khách hàng	10	391.746.491	331.606.315
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(4.879.449)	(4.330.097)
VII.	Chứng khoán đầu tư	12	52.767.786	58.080.339
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		52.767.786	58.080.339
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	998.921	548.808
1.	Góp vốn, đầu tư dài hạn khác		998.921	548.808
IX.	Tài sản cố định		3.260.158	2.731.787
1.	Tài sản cố định hữu hình	14	2.070.805	1.715.789
a.	Nguyên giá tài sản cố định		3.964.760	3.469.789
b.	Hao mòn tài sản cố định		(1.893.955)	(1.754.000)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2.	Tài sản cố định vô hình	15	1.189.353	1.015.998
a.	Nguyên giá tài sản cố định		1.477.144	1.258.422
b.	Hao mòn tài sản cố định		(287.791)	(242.424)
X.	Tài sản Có khác	16	8.007.246	7.036.551
1.	Các khoản phải thu		1.301.554	1.535.761
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		5.028.558	4.745.521
3.	Tài sản Có khác		1.691.240	761.672
4.	Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(14.106)	(6.403)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		605.584.514	508.330.398

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Báo cáo tình hình tài chính (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I.	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	17	17.703.773	1.271.377
1.	Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		17.703.773	1.271.377
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	18	127.848.267	115.349.011
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		125.592.803	105.407.431
2.	Vay các TCTD khác		2.255.464	9.941.580
III.	Tiền gửi của khách hàng	19	337.583.366	283.171.846
IV.	Phát hành giấy tờ có giá	20	64.097.013	55.458.916
V.	Các khoản nợ khác	21	11.159.621	9.740.948
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		9.456.479	7.816.590
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác		1.703.142	1.924.358
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		558.392.040	464.992.098
VI.	Vốn và các quỹ			
1.	Vốn của Ngân hàng	22	29.872.878	25.576.221
	Vốn điều lệ		29.872.821	25.576.164
	Thặng dư vốn cổ phần		57	57
2.	Quỹ của Ngân hàng	22	7.810.467	5.640.216
3.	Lợi nhuận chưa phân phối	22	9.509.129	12.121.863
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		47.192.474	43.338.300
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		605.584.514	508.330.398

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Báo cáo tình hình tài chính (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Bảo lãnh vay vốn	40	11.036.552	47.370
2.	Cam kết giao dịch hối đoái	40	167.268.231	173.657.384
a.	Cam kết mua ngoại tệ		26.759	5.678.169
b.	Cam kết bán ngoại tệ		456	4.148.345
c.	Cam kết giao dịch hoán đổi		167.241.016	163.830.870
3.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	40	477.322	484.545
4.	Bảo lãnh khác	40	3.834.187	3.017.938
5.	Các cam kết khác	40	4.841.102	5.526.892
6.	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	41	2.015.987	1.805.403
7.	Nợ khó đòi đã xử lý	42	10.647.898	11.114.974
8.	Tài sản và chứng từ khác	43	6.404.352	1.560.377

Người lập

Người soát xét

Người phê duyệt

Nguyễn Thành Luân
Chuyên viên cao cấp
Phòng Kế toán và Thuế

Nguyễn Tiến Công
Kế toán trưởng

Vũ Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Báo cáo kết quả hoạt động

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	39.291.632	34.137.034
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(23.257.395)	(18.743.291)
I.	Thu nhập lãi thuần		16.034.237	15.393.743
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		3.510.994	3.594.134
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		(312.373)	(383.135)
II.	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	3.198.621	3.210.999
III.	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	347.698	273.305
IV.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	27.440	43.021
V.	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	110.986	(1.462)
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		2.137.631	1.246.273
6.	Chi phí hoạt động khác		(86.864)	(308.466)
VI.	Lãi thuần từ hoạt động khác	30	2.050.767	937.807
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	111.544	75.017
	Tổng thu nhập hoạt động		21.881.293	19.932.430
7.	Chi phí nhân viên		(3.170.041)	(3.150.674)
8.	Chi phí về tài sản		(1.471.961)	(1.173.004)
9.	Chi phí hoạt động khác		(1.548.123)	(1.486.765)
VIII.	Tổng chi phí hoạt động	31	(6.190.125)	(5.810.443)
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		15.691.168	14.121.987
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32	(1.422.280)	(1.953.819)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế		14.268.888	12.168.168
10.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	(2.846.509)	(2.447.268)
XII.	Chi phí thuế TNDN		(2.846.509)	(2.447.268)
XIII.	Lợi nhuận sau thuế		11.422.379	9.720.900
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	3.824	3.221

Người lập

Người soát xét

Người phê duyệt



Nguyễn Thành Luân
Chuyên viên cao cấp
Phòng Kế toán và Thuế

Nguyễn Tiến Công
Kế toán trưởng

Vũ Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		39.241.292	34.247.516
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(22.389.583)	(20.597.840)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		3.198.434	3.206.319
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, chứng khoán		510.702	476.972
(Chi phí) khác		(1.374)	(157.154)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		2.030.888	945.522
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(5.774.861)	(6.026.369)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	33	(2.599.974)	(2.740.215)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		14.215.524	9.354.751
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm/(Tăng) các khoản tiền và cho vay các TCTD khác		6.777.959	(6.958.758)
Giảm/(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		5.459.450	(11.315.851)
(Tăng) các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(221.614)	(9.137)
(Tăng) các khoản cho vay khách hàng và mua nợ		(60.140.177)	(56.153.470)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản nợ xấu và trái phiếu doanh nghiệp		(872.928)	(1.083.793)
Giảm khác về tài sản hoạt động		280.659	505.069
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		16.432.396	1.181.801

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		12.499.256	65.236.581
Tăng tiền gửi của khách hàng		54.411.520	45.780.237
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		8.638.097	7.549.034
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác		-	(75.786)
(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(1.238.858)	(40.087)
Chi từ quỹ của tổ chức tín dụng		-	(316.416)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		56.241.284	53.654.175

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(722.513)	(1.107.524)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		18.275	118.655
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(364)	(1.236)
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư dài hạn khác)		(482.900)	(200.090)
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (Thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư dài hạn khác)		36.331	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		108.000	75.017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.043.171)	(1.115.178)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(7.468.205)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.468.205)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		47.729.908	52.538.997
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		104.559.279	52.020.282
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	35	152.289.187	104.559.279

Người lập	Người soát xét	Người phê duyệt
		
Nguyễn Thành Luân Chuyên viên cao cấp Phòng Kế toán và Thuế	Nguyễn Tiến Công Kế toán trưởng	Vũ Quốc Khánh Tổng Giám đốc Ngày 30 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thông tin khái quát về ngân hàng

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam (“Ngân hàng”), tiền thân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt, được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 91/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 28 tháng 3 năm 2008 với thời gian hoạt động là 99 năm kể từ ngày cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300048638 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp được điều chỉnh lần thứ 30 ngày 29 tháng 12 năm 2023.

Theo Công văn số 244/TTg-DMDN ngày 21 tháng 02 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt việc Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam (“Vietnam Post”) (sau này đổi tên thành Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam) tham gia góp vốn vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt bằng giá trị của Công ty Dịch vụ Tiết kiệm Bưu điện (“VPSC”) và vốn góp thêm bằng tiền. Tại ngày 01 tháng 7 năm 2011, Vietnam Post đã hoàn thành việc chuyển giao giá trị tài sản và nợ phải trả của VPSC cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Liên Việt.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, NHNN đã ban hành Quyết định số 423/QĐ-TTGSNH2 về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng; theo đó, Ngân hàng đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam, tên viết tắt bằng tiếng Việt là Ngân hàng Lộc Phát Việt Nam, tên đầy đủ bằng tiếng Anh là Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank, tên viết tắt bằng tiếng Anh là LPBank.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, Ngân hàng đã nhận được Quyết định số 125/QĐ-NHNN của NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng, theo đó vốn điều lệ của Ngân hàng là 29.872.821 triệu đồng.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

VỐN ĐIỀU LỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số vốn điều lệ của Ngân hàng là 29.872.821 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 25.576.164 triệu đồng).

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 8, ngõ 1, đường Tôn Đức Thắng, phố 11, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam. Tổng số điểm mạng lưới của Ngân hàng đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là một (01) Hội sở chính, ba (03) Văn phòng đại diện, tám mươi lăm (85) chi nhánh, bốn trăm tám mươi mốt (481) phòng giao dịch và bốn trăm tám mươi bảy (487) phòng giao dịch bưu điện đang hoạt động ở các tỉnh và thành phố trên cả nước.

NHÂN VIÊN

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 9.597 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 11.189 người).

THUYẾT MINH VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Cơ sở lập báo cáo tài chính và năm tài chính

CƠ SỞ LẬP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập báo cáo tài chính này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu VND. Việc trình bày này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính về tình hình tài chính, kết quả hoạt động cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng. Riêng đối với chỉ tiêu về số lượng cổ phiếu, Ngân hàng thực hiện trình bày số liệu đến hàng đơn vị như trình bày tại Thuyết minh số 22.3.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

LUẬT CÁC TỔ CHỨC

TÍN DỤNG SỐ

32/2024/QH15 NGÀY 18

THÁNG 01 NĂM 2024

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, Quốc hội đã ban hành Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ("Luật Tổ chức tín dụng 2024") quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể, phá sản tổ chức tín dụng; việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng. Luật Tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, thay thế cho Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017, trừ một số điều khoản có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

LUẬT SỐ

56/2024/QH15 NGÀY 29

THÁNG 11 NĂM 2024

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, Quốc hội đã ban hành Luật số 56/2014/QH15 ("Luật số 56") sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính. Luật số 56 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, trừ một số điều khoản có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và ngày 01 tháng 01 năm 2026.

NGHỊ ĐỊNH SỐ 135/2025/

NĐ-CP NGÀY 12 THÁNG 6

NĂM 2025

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ("Nghị định 135") quy định về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại các tổ chức tín dụng. Thay đổi chủ yếu của Nghị định 135 có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ngân hàng bao gồm việc trích lập vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ là 10% lợi nhuận sau thuế, trích lập quỹ dự phòng tài chính là 10% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ các khoản quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 26 của Nghị định. Thông tư 135 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

LUẬT SỐ

96/2025/QH15 NGÀY 27

THÁNG 6 NĂM 2025

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, Quốc hội đã ban hành Luật số 96/2025/QH15 ("Luật 96") sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, số 32/2024/QH15. Thay đổi chủ yếu của Luật 96 có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của các tổ chức tín dụng bao gồm quy định rõ quyền thu giữ tài sản bảo đảm, các điều kiện và quy trình thực hiện như thông báo, công khai thông tin và cho phép ủy quyền cho đơn vị chuyên trách và bổ sung quy định về xử lý tài sản đang bị kê biên theo thi hành án dân sự và hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự. Luật 96 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.

Ban Điều hành đã áp dụng các Luật và Nghị định nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của ngoại tệ đó ("tỷ giá giao ngay") tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của Năm tài chính nếu tỷ giá giao ngay này chênh lệch nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính (xem chi tiết tỷ giá hối đoái của các ngoại tệ chính được áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 trong Thuyết minh số 49). Trường hợp tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính thì Ngân hàng dùng tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của năm tài chính.

Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao ngay tại ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND tại ngày báo cáo hàng tháng được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động vào cuối năm tài chính.

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo tài chính về các khoản nợ phải trả, tài sản và việc trình bày các khoản nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra. Việc điều chỉnh đối với các ước tính kế toán được ghi nhận trong năm mà các ước tính kế toán được thay đổi và các kỳ báo cáo tương lai bị ảnh hưởng.

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác, cho vay các tổ chức tín dụng khác với kỳ hạn gốc không quá ba tháng, tín phiếu Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

Tiền gửi các tổ chức tín dụng khác bao gồm tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn gốc không quá ba tháng. Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi các tổ chức tín dụng khác, trừ tiền gửi thanh toán, và cho vay các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo sổ dư gốc.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được phản ánh theo sổ dư gốc.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì sổ dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh "Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng".

Theo Nghị định 86/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ ("Nghị định 86"), Ngân hàng không phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Phân loại

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán kinh doanh vào thời điểm Ngân hàng có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết: ghi nhận khi khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết: ghi nhận khi có quyền sở hữu hợp pháp.

Đo lường

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh. Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh bao gồm dự phòng giảm giá chứng khoán, được trích lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá đang ghi nhận trên sổ sách kế toán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh tăng trở lại sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, chứng khoán kinh doanh là chứng chỉ quỹ mở nước ngoài.

Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

CHO VAY KHÁCH HÀNG

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay không quá 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được thực hiện theo các Thông tư, Nghị định như được trình bày tại Thuyết minh “Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng”.

PHÂN LOẠI NỢ VÀ MỨC TRÍCH, PHƯƠNG PHÁP TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi tại các TCTD khác (trừ tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của NHNN về việc các tổ chức tín dụng Nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội); mua hoặc ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (gọi chung là “trái phiếu chưa niêm yết”); cho vay khách hàng và cho vay các TCTD khác (bao gồm các khoản cho vay, cho thuê tài chính, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, các khoản bao thanh toán, cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng và các khoản trả thay cam kết ngoại bảng); ủy thác cấp tín dụng; các khoản nợ đã bán nhưng chưa thu được đầy đủ tiền bán nợ; các khoản nợ mua lại, khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ; chứng chỉ tiền gửi do TCTD khác phát hành; các khoản phải thu phát sinh từ giao dịch mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng (trừ trường hợp mua hần miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng do chính Ngân hàng phát hành); các khoản tiền mà ngân hàng hoàn trả đã trả cho thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng theo thư tín dụng trả chậm có điều khoản bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn của thư tín dụng do Ngân hàng phát hành (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo phương pháp dựa trên yếu tố định lượng theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2024 (“Thông tư 31”) của NHNN. Ngân hàng thực hiện phân loại nợ hàng tháng dựa trên số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Nhóm		Tình trạng quá hạn	
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a)	Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc
		(b)	Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.
2	Nợ cần chú ý	(a)	Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc
		(b)	Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a)	Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc
		(b)	Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc
		(c)	Nợ được miễn, giảm lãi do khách hàng không có khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc
		(d)	Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:
			• Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc
			• Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc
			• Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng.
		(e)	Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc
		(f)	Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
4	Nợ nghi ngờ	(a)	Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc
		(b)	Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc
		(c)	Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc
		(d)	Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc
		(e)	Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc
		(f)	Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi.
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a)	Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc
		(b)	Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc
		(c)	Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc
		(d)	Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc
		(e)	Khoản nợ quy định tại điểm (d) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc
		(f)	Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc
		(g)	Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn do khách hàng vi phạm thỏa thuận chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc
		(h)	Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Đối với các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng, Ngân hàng phân loại nợ dựa trên số ngày quá hạn tính từ ngày Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết:

- Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;
- Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;
- Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn từ 90 ngày trở lên.

Nợ xấu là các khoản nợ thuộc các Nhóm 3, 4, 5.

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ có rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ có rủi ro cao nhất.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của các ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn và đánh giá của Ngân hàng.

Ngân hàng cũng thu thập kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại nợ để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách khách hàng do CIC cung cấp, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19

Ngân hàng áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 (“Thông tư 01”) do NHNN ban hành quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19, Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 (“Thông tư 03”) do NHNN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01 và Thông tư số 14/2021 /TT-NHNN ngày 07 tháng 9 năm 2021 (“Thông tư 14”) do NHNN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ:

- phát sinh trước ngày 01 tháng 8 năm 2021 từ hoạt động cho vay;
- phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022;
- số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: số dư nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận; hoặc số dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 23 tháng 01 năm 2020 và quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến ngày 29 tháng 3 năm 2020; hoặc số dư nợ của khoản nợ phát sinh trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến trước ngày 10 tháng 6 năm 2020 và quá hạn trước ngày 17 tháng 5 năm 2021; hoặc số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

dư nợ của khoản nợ phát sinh trong khoảng thời gian từ ngày 10 tháng 6 năm 2020 đến trước ngày 01 tháng 8 năm 2021 và quá hạn từ ngày 17 tháng 7 năm 2021 đến trước ngày 07 tháng 9 năm 2021;

- các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19; hoặc
- không vi phạm pháp luật.

thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và phân loại nợ như sau:

Dư nợ	Phân loại nợ
Khoản nợ phát sinh trước ngày 23 tháng 01 năm 2020	Giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 01 năm 2020.
Khoản nợ phát sinh từ ngày 23 tháng 01 năm 2020 đến trước ngày 01 tháng 8 năm 2021	- Giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu; hoặc - Giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn; hoặc - Giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện miễn, giảm lãi lần đầu.

Ngân hàng căn cứ theo các quy định hiện hành về việc phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng để phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 01, Thông tư 03, Thông tư 14 đối với các tài sản có hết dư nợ được cơ cấu.

Phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn

Ngân hàng áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23 tháng 4 năm 2023 (“Thông tư 02”) do NHNN ban hành quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn và Thông tư số 06/2024/TT-NHNN ngày 18 tháng 6 năm 2024 (“Thông tư 06”) do NHNN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02. Theo đó, đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của các khoản nợ:

- có dư nợ gốc phát sinh trước ngày 24 tháng 4 năm 2023 và từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính;
- phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024;
- số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 (mười) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận; được Ngân hàng đánh giá khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm so với doanh thu, thu nhập tại phương án trả nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận; được Ngân hàng đánh giá có khả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại;

- và không vi phạm pháp luật.

thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như nhóm nợ tại thời điểm gần nhất trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3

Ngân hàng áp dụng Thông tư số 53/2024/TT-NHNN ngày 04 tháng 12 năm 2024 (“Thông tư 53”) do NHNN ban hành quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3. Theo đó, đối với số dư nợ gốc, lãi của các khoản nợ:

- phát sinh trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Hòa Bình, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thanh Hóa (sau đây gọi là 26 tỉnh, thành phố) gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, bao gồm:
 - khách hàng là cá nhân có nơi ở hiện tại hoặc đang làm việc hoặc có cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc có hoạt động đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh trên địa bàn 26 tỉnh, thành phố;
 - khách hàng là tổ chức (trừ khách hàng là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc có hoạt động đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh trên địa bàn 26 tỉnh, thành phố.
- có số dư nợ gốc phát sinh trước ngày 07 tháng 9 năm 2024 và từ hoạt động cho vay;
- phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong khoảng thời gian từ ngày 07 tháng 9 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025;
- số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, trả nợ đã thỏa thuận. Dư nợ của khoản nợ đã quá hạn trên 10 ngày và quá hạn trong khoảng thời gian từ ngày 07 tháng 9 năm 2024 đến hết ngày 16 tháng 12 năm 2024 được cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi thực hiện cơ cấu lại lần đầu tiên theo Thông tư 53;
- được Ngân hàng đánh giá là gặp khó khăn không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc, lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận do bị ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 và có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc, lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại;
- và không vi phạm quy định pháp luật.

thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ và phân loại nợ theo Quyết định số 1510/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 (“Quyết định 1510”) do Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc phân loại tài sản có, mức trích lập dự phòng rủi ro, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với khoản nợ của khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

- được giữ nguyên nhóm nợ như nhóm nợ đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 07 tháng 9 năm 2024 trong thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ;
- Ngân hàng không phải điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn đối với khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại;
- khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại mà không được tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc không còn số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo Thông tư 53 thì Ngân hàng phải thực hiện phân loại nợ theo quy định của NHNN về phân loại tài sản có trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

Theo quy định của Nghị định 86, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể tại cuối mỗi tháng dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc trừ đi giá trị được khấu trừ của tài sản bảo đảm tại ngày cuối cùng của tháng. Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể đối với từng nhóm nợ như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Giá trị và tỷ lệ khấu trừ tối đa của tài sản bảo đảm được xác định theo các quy định của Nghị định 86, theo đó từng loại tài sản bảo đảm có tỷ lệ khấu trừ tối đa nhất định cho mục đích tính toán dự phòng rủi ro.

Trích lập dự phòng cụ thể bổ sung theo Thông tư 03

Ngân hàng xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng định kỳ theo tháng bao gồm cả số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo kết quả phân loại nợ theo các quy định hiện hành (nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14) như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Dự phòng bổ sung từng giai đoạn	Thời hạn trích
Tối thiểu 30% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tối thiểu 60% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022
100% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ngân hàng đã thực hiện trích lập đầy đủ số dự phòng cụ thể phải trích bổ sung theo các thời hạn như quy định nêu trên. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, Ngân hàng căn cứ theo các quy định hiện hành về việc trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng để trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14.

Trích lập dự phòng cụ thể bổ sung theo Thông tư 02 và Thông tư 06

Ngân hàng xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 06 như sau:

Dự phòng bổ sung từng giai đoạn	Thời hạn trích
Tối thiểu 50% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023
100% tổng số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng đã thực hiện trích lập 100% số dự phòng cụ thể phải trích bổ sung như quy định nêu trên.

Trích lập dự phòng cụ thể bổ sung theo Quyết định 1510

Ngân hàng xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 53 và Quyết định 1510 như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Dự phòng bổ sung từng giai đoạn	Thời hạn trích
(i) Tối thiểu 35% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024
(ii) Trích thêm để đạt tối thiểu 70% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung Đối với các khoản nợ được thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của NHNN về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 trước ngày 01 tháng 01 năm 2025, Ngân hàng trích lập trong năm 2025 tối thiểu theo tỷ lệ tại mục (i)	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2025
(iii) Trích thêm số còn lại để đủ 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung Đối với các khoản nợ được thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của NHNN về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 trước ngày 01 tháng 01 năm 2026, Ngân hàng trích lập trong năm 2026 tối thiểu theo tỷ lệ tại mục (ii)	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2026

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng cụ thể theo các quy định nêu trên.

Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Theo Nghị định 86, một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung cũng được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ của các khoản nợ tại ngày cuối cùng của tháng trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành và các khoản nợ được phân loại vào nhóm Nợ có khả năng mất vốn. Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính dựa trên kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Xử lý nợ xấu

Theo Nghị định 86, các khoản cho vay khách hàng sẽ được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các khoản nợ đã được xử lý rủi ro bằng nguồn dự phòng được ghi nhận vào tài khoản ngoại bảng phù hợp để theo dõi và thu nợ. Số tiền thu hồi được từ nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi thu được.

Phân loại và dự phòng đối với các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 31 và Nghị định 86, việc phân loại các khoản cam kết tín dụng ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng. Ngân hàng không trích lập dự phòng cho các khoản cam kết ngoại bảng, trừ khi Ngân hàng được yêu cầu phải thực hiện nghĩa vụ trả thay theo hợp đồng bảo lãnh, trong trường hợp đó, khoản trả thay này được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh “Phân loại nợ” và “Dự phòng rủi ro tín dụng”.

CHỨNG KHOÁN ĐẤU TƯ

Phân loại

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Ngân hàng phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua là chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán hoặc chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi phân loại lần đầu tại thời điểm mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư vào thời điểm Ngân hàng nhận chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

Đo lường

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng (nếu có).

Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán (bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán). Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong thời gian nắm giữ.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán đã niêm yết được phân loại là chứng khoán đầu tư, được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

giá chứng khoán bằng cách tham khảo giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc năm tài chính thì Ngân hàng không trích lập dự phòng cho các chứng khoán nợ này. Ngân hàng không trích lập dự phòng cho trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương được phân loại là chứng khoán đầu tư.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng rủi ro tín dụng của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được tính theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh “Dự phòng rủi ro tín dụng”.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích ngoại trừ lãi từ trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận khi thu được (cơ sở thực thu). Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Ngân hàng mua sẽ được ghi giảm vào giá gốc của chứng khoán nợ khi nhận được.

Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá chứng khoán hoặc giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các chứng khoán này không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu các chứng khoán này.

CÁC HỢP ĐỒNG MUA LẠI VÀ BÁN LẠI

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo lãi suất hợp đồng trong thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Ngược lại, những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo lãi suất hợp đồng trong thời gian hiệu lực của hợp đồng.

ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và Ngân hàng không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

gốc tại thời điểm đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Ngân hàng có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Ngân hàng tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các khoản đầu tư này.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian hữu dụng ước tính (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50
Máy móc, thiết bị	8 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	8 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, nhượng bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần từ thanh lý, nhượng bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản cùng với chi phí nhượng bán, thanh lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng đất.

Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới, mà phần mềm máy vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 15 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, nhượng bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần từ thanh lý, nhượng bán tài sản và giá trị còn lại của tài sản cùng với chi phí nhượng bán, thanh lý được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

CÁC KHOẢN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí cải tạo trụ sở được vốn hóa chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các chi phí cải tạo trụ sở được vốn hóa được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 3 năm. Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Ngân hàng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động sử dụng phương pháp đường thẳng với thời hạn từ một năm trở lên và không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

CÁC TÀI SẢN CÓ KHÁC

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được tính cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và nâng cấp.

Tài sản bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD chờ xử lý.

Tài sản bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

chuyển quyền sở hữu cho TCTD chờ xử lý là những tài sản gắn nợ đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng. Đối với các tài sản gắn nợ chưa chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng, Ngân hàng theo dõi ngoại bảng.

Các khoản phải thu cho các tài sản Có khác

Các khoản phải thu cho các tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro, nếu có. Các khoản phải thu này được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh “Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng”.

Các tài sản Có khác

Các tài sản Có khác, ngoài các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng.

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng được trích lập theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm tài chính.

Đối với các tài sản Có quá hạn thanh toán, Ngân hàng áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ngân hàng sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Dự phòng khác

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại các Thuyết minh “Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng”, “Chứng khoán đầu tư”, “Đầu tư dài hạn khác”, và “Các tài sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Có khác”, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Ngân hàng có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm sụt giảm các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH

Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ

Ngân hàng ký kết các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm thiểu rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm kết thúc năm tài chính và được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tình hình tài chính.

Chênh lệch do đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên báo cáo tình hình tài chính mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động vào thời điểm cuối năm tài chính hoặc khi đáo hạn hợp đồng. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai và tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay, số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị khoản vốn danh nghĩa trong các hợp đồng hoán đổi lãi suất một đồng tiền không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Đối với các hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền có hoán đổi gốc đầu kỳ, giá trị khoản vốn danh nghĩa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Các khoản thu nhập và chi phí lãi phát sinh trên giá trị khoản vốn danh nghĩa được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

Các khoản nợ Chính phủ và NHNN được ghi nhận theo giá gốc.

TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

Tiền gửi và vay các TCTD khác được ghi nhận theo giá gốc.

TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

Tiền gửi khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

GIẤY TỜ CÓ GIÁ ĐÃ PHÁT HÀNH

Giấy tờ có giá đã phát hành được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản phụ trội và chiết khấu được phân bổ. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

Các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

TRỢ CẤP THÔI VIỆC VÀ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Ngân hàng từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Trước năm 2012, dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Ngân hàng và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc năm tài chính. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Ngân hàng chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 180/2012/TT-BTC (“Thông tư 180”) hướng dẫn xử lý tài chính về chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Thông tư này quy định rằng khi lập báo cáo tài chính năm 2012, nếu nguồn quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của doanh nghiệp còn số dư, doanh nghiệp phải hạch toán tăng thu nhập khác vào năm 2012 và không được chuyển số dư quỹ sang năm sau sử dụng. Theo đó, Ngân hàng đã hoàn nhập số dư dự phòng trợ cấp thôi việc. Việc thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ năm 2012.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Bảo hiểm thất nghiệp do Ngân hàng đóng cho thời gian làm việc của nhân viên được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm kết thúc năm tài chính sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

VỐN CỔ PHẦN

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ

Ngân hàng phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc như sau trước khi phân phối lợi nhuận: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, Quỹ dự phòng tài chính. Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt.

QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ

Theo Nghị định 135, hàng năm Ngân hàng trích lập 10% lợi nhuận sau thuế vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng.

QUỸ DỰ PHÒNG TÀI CHÍNH

Theo Nghị định 135, hàng năm Ngân hàng trích lập 10% phần lợi nhuận còn lại vào quỹ dự trữ dự phòng tài chính, sau khi trừ các khoản quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 26 Nghị định này.

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế căn cứ theo Luật TCTD và quy định tại Điều lệ, quy chế tài chính, quy chế nội bộ của Ngân hàng và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

DOANH THU

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản nợ được cơ cấu giữ nguyên Nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn) do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước như trình bày tại Thuyết minh “Phân loại nợ và mức trích, phương pháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

trích lập dự phòng rủi ro tín dụng” được ghi nhận khi Ngân hàng thực sự thu được.

Khi một khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được trình bày tại Thuyết minh “Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro tín dụng” thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi thu được.

Khi một khoản nợ được giữ nguyên Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách đặc biệt của Nhà nước thì số lãi phải thu phát sinh trong năm của khoản nợ đó không được hạch toán là thu nhập và Ngân hàng thực hiện theo dõi ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi thu được.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm khoản thu phí và hoa hồng nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ bảo lãnh, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Thu nhập từ đầu tư

Thu nhập từ bán chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo khớp lệnh từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (trước đây là Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam) (đối với chứng khoán niêm yết) và hoàn tất thỏa thuận chuyển giao tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết) và được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán được bán.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động. Khi nhận được cổ tức bằng cổ phiếu, Ngân hàng chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh báo cáo tài chính.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

CHI PHÍ LÃI

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

CÁC KHOẢN THANH TOÁN VỀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản thanh toán về thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

nhận trên báo cáo kết quả hoạt động như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Ngân hàng căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Ngân hàng nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Ngân hàng và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Một bên được coi là bên liên quan với Ngân hàng nếu:

- a) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

- b) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
- c) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
- d) Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;
- e) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại điểm d khoản này với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
- f) Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;
- g) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát;
- h) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết");

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng được chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Ngân hàng được chia theo lĩnh vực kinh doanh. Hiện tại Ngân hàng chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh ngân hàng bao gồm việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên các nghiệp vụ sau đây: nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản và các hoạt động ngân hàng khác. Theo đó, Ban Điều hành nhận định rằng Ngân hàng chỉ có một bộ phận kinh doanh duy nhất là hoạt động ngân hàng, đồng thời rủi ro và tỷ suất sinh lời của Ngân hàng được thể hiện trên một lĩnh vực kinh doanh duy nhất này. Vì vậy, Ngân hàng không cần phải trình bày chi tiết báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

LÃI CƠ BẢN
TRÊN CỔ PHIẾU

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập trong năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Tại ngày báo cáo và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, Ngân hàng không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

CÁC CHỈ TIÊU
NGOẠI BẢNG

Các cam kết và nợ tiềm ẩn
Tại từng thời điểm, Ngân hàng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt.

Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Cam kết và các khoản nợ tiềm tàng có thể đáo hạn trước khi giải ngân một phần hoặc toàn bộ các khoản đã cam kết. Do đó các khoản này không thể hiện một cam kết về dòng tiền chắc chắn trong tương lai.

Thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng

Khi ngân hàng hoàn trả thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng, Ngân hàng phải nhận nợ với ngân hàng hoàn trả, đồng thời khách hàng phải nhận nợ với Ngân hàng số tiền ngân hàng hoàn trả đã thanh toán cho bên thụ hưởng theo cam kết tại thư tín dụng. Khi nhận được thông báo của ngân hàng hoàn trả là đã thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng, Ngân hàng ghi nhận khoản tiền đã nhận nợ với ngân hàng hoàn trả là một khoản vay tổ chức tín dụng khác, đồng thời ghi nhận khoản tiền mà khách hàng đã nhận nợ là một khoản cấp tín dụng.

Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ
Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tình hình tài chính của Ngân hàng.

SỐ DƯ BẰNG KHÔNG

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 49") và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 ("Thông tư 27") của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Thống đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hệ thống tài khoản kế toán các TCTD ban hành kèm theo mà không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Ngân hàng và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Ngân hàng phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Ngân hàng xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- các tài sản tài chính đã được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

- các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Ngân hàng nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- được phát sinh chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về đo lường giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Tiền mặt

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	1.022.928	1.135.043
Tiền mặt bằng ngoại tệ	62.408	27.341
	1.085.336	1.162.384

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (“NHNN”)

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi tại NHNN bằng VND	33.093.089	13.401.560
Tiền gửi tại NHNN bằng ngoại tệ	2.310.735	967.974
	35.403.824	14.369.534

Tiền gửi tại NHNN gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc và tài khoản thanh toán. Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, Ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn bình quân số dư tiền gửi của tháng trước của khách hàng nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc tại thời điểm cuối năm và đầu năm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng USD không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng USD có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD ở nước ngoài	1%	1%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi tại các TCTD khác	115.682.027	89.027.361
Tiền gửi không kỳ hạn	8.460.826	2.241.091
• Bằng VND	7.737.786	1.356.911
• Bằng ngoại tệ	723.040	884.180
Tiền gửi có kỳ hạn	107.221.201	86.786.270
• Bằng VND	91.756.801	63.547.577
• Bằng ngoại tệ	15.464.400	23.238.693
Cho vay các TCTD khác	706.977	7.484.935
- Bằng VND	706.977	7.484.935
Trong đó: chiết khấu, tái chiết khấu	-	7.227.959
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác	(56.977)	(56.977)
	116.332.027	96.455.319

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi (không bao gồm tiền gửi thanh toán tại TCTD trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định hiện hành của NHNN tại từng thời điểm) và cho vay các TCTD khác:

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ đủ tiêu chuẩn	107.871.201	94.214.228
Nợ có khả năng mất vốn	56.977	56.977
	107.928.178	94.271.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh khác		
Chứng chỉ quỹ mở do các TCKT nước ngoài phát hành	631.423	660.321
	631.423	660.321

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh:

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh khác		
Chưa niêm yết	631.423	660.321
	631.423	660.321

Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác

Chi tiết giá trị các công cụ tài chính phái sinh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán Tài sản/ (Nợ phải trả)	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán Tài sản/ (Nợ phải trả)
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	175.964.670	230.751	152.634.770	26.162
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	8.453.111	(1.552)	2.052.365	28.838
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	167.511.559	232.303	150.582.405	(2.676)
Công cụ tài chính phái sinh khác	524.596	-	3.742.770	(17.025)
Giao dịch hoán đổi lãi suất	524.596	-	3.742.770	(17.025)
	176.489.266	230.751	156.377.540	9.137

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Cho vay khách hàng

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	391.554.113	331.297.130
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	5.426	10.873
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	183.424	297.945
Các khoản trả thay khách hàng	3.528	367
	391.746.491	331.606.315

Phân tích chất lượng nợ cho vay:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	381.311.359	97,34	323.148.343	97,45
Nợ cần chú ý	3.836.827	0,98	3.259.329	0,98
Nợ dưới tiêu chuẩn	953.049	0,24	855.049	0,26
Nợ nghi ngờ	1.389.832	0,35	1.921.132	0,58
Nợ có khả năng mất vốn	4.255.424	1,09	2.422.462	0,73
	391.746.491	100,00	331.606.315	100,00

Phân tích dư nợ theo thời gian gốc của khoản vay:

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ ngắn hạn (Dưới 1 năm)	196.378.362	163.195.414
Nợ trung hạn (Từ 1 tới 5 năm)	129.122.327	120.168.087
Nợ dài hạn (Trên 5 năm)	66.245.802	48.242.814
	391.746.491	331.606.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Công ty TNHH một thành viên vốn Nhà nước 100%	517.336	0,13	120.136	0,04
Công ty TNHH khác	184.778.619	47,17	148.666.990	44,83
Công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	2.914.028	0,74	3.253.582	0,98
Công ty cổ phần khác	37.382.542	9,55	39.302.424	11,85
Công ty hợp danh	272	0,00	471	0,00
Doanh nghiệp tư nhân	4.760	0,00	1.230	0,00
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	150.022	0,04	429	0,00
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	42.051	0,01	52.817	0,02
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	18.582	0,00	19.518	0,01
Cá nhân và hộ gia đình	165.938.279	42,36	140.188.718	42,27
	391.746.491	100,00	331.606.315	100,00

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Nông lâm nghiệp, thủy sản	28.399.556	7,25	26.522.985	8,00
Khai khoáng	246.137	0,06	109.032	0,03
Công nghiệp chế biến, chế tạo	31.887.840	8,14	30.163.375	9,10
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	6.625.968	1,69	13.457.532	4,06
Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải	74.732	0,02	209.745	0,06
Xây dựng	43.777.893	11,18	31.582.281	9,52

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	128.099.768	32,70	98.962.842	29,84
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.262.312	1,34	30.837.424	9,30
Vận tải, kho bãi	31.183.867	7,96	4.275.751	1,29
Thông tin và truyền thông	6.466.229	1,65	7.495.851	2,26
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	942.936	0,24	652.977	0,20
Hoạt động kinh doanh bất động sản	15.094.895	3,85	10.136.979	3,06
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	119.947	0,03	183.937	0,06
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	259.210	0,07	466.779	0,14
Giáo dục và đào tạo	30.242	0,01	39.470	0,01
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	91.908	0,02	186.240	0,06
Nghệ thuật, vui chơi, giải trí	16.285.099	4,16	20.109.512	6,06
Hoạt động dịch vụ khác	353.414	0,09	697.856	0,21
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	76.544.538	19,54	55.515.387	16,74
	391.746.491	100,00	331.606.315	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
Số dư đầu năm	2.456.739	1.873.358	4.330.097
Số trích lập dự phòng trong năm	449.444	972.836	1.422.280
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro ("XLRR") trong năm	-	(872.928)	(872.928)
Số dư cuối năm	2.906.183	1.973.266	4.879.449

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Tổng cộng
Số dư đầu năm	2.054.762	1.403.473	3.458.235
Số trích lập dự phòng trong năm	401.977	1.552.607	1.954.584
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro ("XLRR") trong năm	-	(1.082.722)	(1.082.722)
Số dư cuối năm	2.456.739	1.873.358	4.330.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán Nợ	52.767.786	58.080.339
Chứng khoán Chính phủ, chính quyền địa phương (i)	26.591.092	34.258.078
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành (ii)	10.811.694	11.529.518
Trong đó: Chứng khoán nợ được Chính phủ bảo lãnh	1.723.489	2.229.518
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành (iii)	15.208.000	12.190.743
Chứng khoán Nợ nước ngoài	157.000	102.000
	52.767.786	58.080.339

- (i) Phản ánh số trái phiếu Kho bạc Nhà nước phát hành bằng VND. Các trái phiếu này có kỳ hạn từ 10 năm đến 30 năm và có lãi suất từ 2,00%/năm đến 8,80%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: có kỳ hạn từ 7 năm đến 20 năm và có lãi suất từ 2,00%/năm đến 8,80%/năm). Tiền lãi được trả hàng năm.
- (ii) Phản ánh số trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành bằng VND. Các trái phiếu này có kỳ hạn từ 2 năm đến 10 năm và có lãi suất năm từ 2,30%/năm đến 7,68%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: có kỳ hạn từ 3 năm đến 10 năm và có lãi suất từ 2,30%/năm đến 5,80%/năm). Tiền lãi được trả 6 tháng hoặc 12 tháng một lần.
- (iii) Phản ánh số chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành bằng VND. Các chứng chỉ tiền gửi này có kỳ hạn từ 6 tháng đến 14 tháng và có lãi suất từ 5,10%/năm đến 7,70%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2024: có kỳ hạn từ 1 năm và có lãi suất từ 4,50%/năm đến 7,50%/năm). Tiền lãi được trả 6 tháng một lần hoặc 12 tháng một lần.

Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ đủ tiêu chuẩn	23.285.112	21.592.743
	23.285.112	21.592.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Góp vốn, đầu tư dài hạn

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản đầu tư dài hạn khác	998.921	548.808
	998.921	548.808

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc (Triệu VND)	Tỷ lệ sở hữu của ngân hàng (%)	Giá gốc (Triệu VND)	Tỷ lệ sở hữu của ngân hàng (%)
Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank	698.921	5,50	216.021	5,50
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm LPBank	-	-	32.787	4,82
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	300.000	6,85	300.000	6,85
	998.921		548.808	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị: Triệu VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	795.525	1.387.926	905.097	284.596	96.645	3.469.789
Mua mới trong năm	-	437.603	219.890	3.090	1.263	661.846
Thanh lý, nhượng bán	-	(46.301)	(96.600)	(2.567)	(572)	(146.040)
(Giảm) khác	(20.835)	-	-	-	-	(20.835)
Số dư cuối năm	774.690	1.779.228	1.028.387	285.119	97.336	3.964.760
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	343.261	663.554	491.923	206.798	48.464	1.754.000
Khấu hao trong năm	21.736	136.731	83.783	15.360	7.095	264.705
Thanh lý, nhượng bán		(46.149)	(76.219)	(2.370)	(384)	(125.122)
Tăng/(Giảm) khác	25	(32)	366	(4)	17	372
Số dư cuối năm	365.022	754.104	499.853	219.784	55.192	1.893.955
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	452.264	724.372	413.174	77.798	48.181	1.715.789
Số dư cuối năm	409.668	1.025.124	528.534	65.335	42.144	2.070.805

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cam kết mua TSCĐ có giá trị lớn trong tương lai	209	610.703
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	719.538	787.444

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Đơn vị: Triệu VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	624.217	634.205	1.258.422
Mua trong năm	13.824	204.898	218.722
Số dư cuối năm	638.041	839.103	1.477.144
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	27.489	214.935	242.424
Khấu hao trong năm	4.149	41.218	45.367
Số dư cuối năm	31.638	256.153	287.791
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	596.728	419.270	1.015.998
Số dư cuối năm	606.403	582.950	1.189.353

Các thông tin khác về TSCĐ vô hình:

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cam kết mua TSCĐ có giá trị lớn trong tương lai	126.856	60.723
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	82.799	61.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Tài sản có khác

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu	1.301.554	1.535.761
- Các khoản phải thu khác (Thuyết minh số 16.1)	1.301.554	1.535.761
Các khoản lãi và phí phải thu	5.028.558	4.745.521
Tài sản Có khác	1.691.240	761.672
- Chi phí chờ phân bổ (Thuyết minh số 16.2)	1.153.974	733.959
- Tài sản Có khác	537.266	27.713
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (*)	(14.106)	(6.403)
	8.007.246	7.036.551

(*) Đây là khoản dự phòng trích lập cho các khoản phải thu khó đòi theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2022 do Bộ Tài chính ban hành.

Các khoản phải thu

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải thu nội bộ	94.317	109.490
Tạm ứng chi phí sửa chữa trụ sở	352.497	336.417
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	204.742	303.200
Tạm ứng mua tài sản cố định	170.571	311.860
Tạm ứng cho hoạt động từ thiện (i)	91.697	82.482
Phải thu từ bưu điện các tỉnh (ii)	52.761	57.240
Đặt cọc, ký quỹ cho các hoạt động nghiệp vụ	45.332	40.316
Phải thu hoa hồng bảo hiểm	116.026	190.137
Các khoản phải thu khác	173.611	104.619
	1.301.554	1.535.761

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

- (i) Đây là các khoản tạm ứng cho các hoạt động từ thiện xã hội bao gồm: tài trợ cho giáo dục, tài trợ cho y tế, tài trợ cho khắc phục hậu quả thiên tai, tài trợ cho đối tượng là hộ nghèo, và các khoản tài trợ khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các hoạt động từ thiện xã hội này chưa hoàn thành và chưa được quyết toán.
- (ii) Đây là các khoản phải thu từ các bưu điện tỉnh liên quan đến các hoạt động huy động vốn và huy động tiền gửi tiết kiệm của Ngân hàng. Các khoản này phát sinh hàng ngày và có thời hạn thanh toán trong vòng 01 tháng.

Chi phí chờ phân bổ

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí chờ phân bổ về phí hoa hồng môi giới (i)	191.455	194.205
Tiền thuê nhà chờ phân bổ	37.431	73.761
Chi phí sửa chữa cải tạo trụ sở	96.440	149.044
Chi phí chờ phân bổ khác	828.648	316.949
	1.153.974	733.959

- (i) Đây là các khoản chi phí hoa hồng trả cho hệ thống các phòng giao dịch bưu điện liên quan trực tiếp đến hoạt động cho vay khách hàng. Các chi phí này được phân bổ theo kỳ hạn của từng khoản cho vay khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Các khoản nợ Chính phủ và NHNN

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay NHNN	17.702.795	1.271.247
- Vay theo hồ sơ tín dụng	41.114	61.664
- Vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá (*)	17.661.681	1.209.583
Tiền gửi của KBNN	978	130
- Tiền gửi bằng VND	978	130
	17.703.773	1.271.377

(*) Ngân hàng đang cầm cố, thế chấp các Trái phiếu Chính phủ tại NHNN với tổng mệnh giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 21.757.600 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.274.003 triệu VND).

Tiền gửi và vay các TCTD khác

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	7.021.208	71.842
- Bằng VND	7.021.199	71.834
- Bằng ngoại tệ	9	8
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác	118.571.595	105.335.589
- Bằng VND	96.256.045	78.400.121
- Bằng ngoại tệ	22.315.550	26.935.468
Vay các TCTD khác	2.255.464	9.941.580
- Bằng VND	552.699	7.898.051
Trong đó: - Vay chiết khấu, tái chiết khấu	-	7.192.044
- Bằng ngoại tệ	1.702.765	2.043.529
	127.848.267	115.349.011

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng cầm cố chứng khoán nợ là các Chứng chỉ tiền gửi và Trái phiếu do TCTD trong nước khác phát hành với tổng mệnh giá là 4.300.000 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 9.950.000 triệu VND) tại các TCTD làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn từ các TCTD khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Tiền gửi của khách hàng

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	28.540.907	27.721.935
- Bằng VND	27.139.088	26.931.968
- Bằng ngoại tệ	1.401.819	789.967
Tiền gửi có kỳ hạn	308.853.088	255.345.415
- Bằng VND	308.574.321	255.129.020
- Bằng ngoại tệ	278.767	216.395
Tiền gửi ký quỹ	186.521	103.291
- Bằng VND	184.715	103.289
- Bằng ngoại tệ	1.806	2
Tiền gửi vốn chuyên dụng	2.850	1.205
- Bằng VND	405	396
- Bằng ngoại tệ	2.445	809
	337.583.366	283.171.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổ chức kinh tế	89.925.621	79.804.641
Công ty Nhà nước	1.468.845	1.469.539
Công ty TNHH MTV có vốn Nhà nước 100%	32.632.669	38.326.928
Công ty TNHH hai thành viên trở lên có phần vốn góp của Nhà nước trên 50%	9.473	9.865
Công ty TNHH khác	16.471.330	9.969.857
Công ty cổ phần vốn Nhà nước trên 50%	9.488.752	7.782.948
Công ty cổ phần khác	22.111.330	16.156.939
Công ty hợp danh	207.100	833.731
Doanh nghiệp tư nhân	54.337	24.753
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.754.086	865.881
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	50.550	42.649
Hộ kinh doanh	13.325	9.073
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	5.012.228	3.627.410
Tiền gửi của các đối tượng khác	651.596	685.068
Cá nhân	247.657.745	203.367.205
	337.583.366	283.171.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Phát hành giấy tờ có giá

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	36.253.023	35.022.586
Dưới 12 tháng	29.130.000	31.000.000
Từ 12 tháng đến 5 năm	7.123.023	4.022.589
Chiết khấu	-	(3)
Trái phiếu bằng VND	27.843.990	20.436.330
Từ 12 tháng đến 5 năm	16.500.000	10.200.000
Trên 5 năm	11.373.245	10.267.450
Chiết khấu	(29.255)	(31.120)
	64.097.013	55.458.916

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng cầm cố chứng khoán nợ là các Trái phiếu Chính phủ với tổng mệnh giá 2.990.000 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 2.990.000 triệu VND) và đang được lưu ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (trước đây là Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam) để làm tài sản bảo đảm cho các trái phiếu do Ngân hàng phát hành.

Các khoản nợ khác

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản lãi, phí phải trả	9.456.479	7.816.590
Các khoản phải trả nội bộ	4.862	16.020
Các khoản phải trả bên ngoài (Thuyết minh số 21.1)	1.633.460	1.375.301
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	64.820	533.037
	11.159.621	9.740.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Các khoản phải trả bên ngoài

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nghĩa vụ thuế phải nộp (Thuyết minh số 37)	965.393	706.320
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	181.772	274.382
Các khoản phải trả cho dịch vụ thẻ	123.085	91.957
Phải trả hoa hồng dịch vụ cho bưu điện tỉnh	54.139	52.270
Các khoản phải trả cho dịch vụ Vi Việt	467	43.657
Doanh thu chờ phân bổ	4.299	14.884
Phải trả về mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	15.511	14.048
Các khoản phải trả cho dịch vụ Ngân hàng điện tử	1.709	1.522
Các khoản phải trả khác	287.085	176.261
	1.633.460	1.375.301

Vốn và các quỹ

Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Đơn vị: Triệu VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vố cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	25.576.164	57	2.207.244	3.793	3.429.179	12.121.863	43.338.300
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	11.422.379	11.422.379
Tăng vốn thông qua trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	4.296.657	-	-	-	-	(4.296.657)	-
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1.142.237	-	1.028.014	(2.170.251)	-
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(7.468.205)	(7.468.205)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	-	-	-	(100.000)	(100.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	29.872.821	57	3.349.481	3.793	4.457.193	9.509.129	47.192.474

(*) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 ngày 16 tháng 11 năm 2024 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 16,8%. Theo Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 số 212/2025/BC-LPBank ngày 07 tháng 01 năm 2025, Ngân hàng đã thực hiện phân phối 429.665.684 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023. Ngày 21 tháng 01 năm 2025, Ngân hàng đã nhận được Quyết định số 125/QĐ-NHNN của NHNN về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng, theo đó vốn điều lệ của Ngân hàng là 29.872.821 triệu VND.

(**) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 27 tháng 4 năm 2025 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, trong đó trích lập quỹ khen thưởng số tiền 100.000 triệu VND, chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2024 với tỷ lệ 25%. Cổ tức đã được thanh toán vào ngày 28 tháng 5 năm 2025 với tổng số tiền là 7.468.205 triệu VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của Ngân hàng

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Vốn cổ phần phổ thông	Tỷ lệ sở hữu	Tổng số	Vốn cổ phần phổ thông	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	1.952.860	1.952.860	6,54%	1.671.970	1.671.970	6,54%
Cổ đông khác	27.919.961	27.919.961	93,46%	23.904.194	23.904.194	93,46%
	29.872.821	29.872.821	100,00%	25.576.164	25.576.164	100,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ngân hàng có một cổ đông chiếm trên 5% cổ phiếu của Ngân hàng là Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam. Số Giấy phép đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam là 0102595740 và địa chỉ trụ sở chính tại Số 5, Đường Phạm Hùng, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (cổ phiếu)	2.987.282.100	2.557.616.416
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng (cổ phiếu)	2.987.282.100	2.557.616.416
- Cổ phiếu phổ thông	2.987.282.100	2.557.616.416
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	2.987.282.100	2.557.616.416
- Cổ phiếu phổ thông	2.987.282.100	2.557.616.416
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông có quyền nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Ngân hàng mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Cổ tức

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 ngày 16 tháng 11 năm 2024 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 theo nội dung Tờ trình số 2820/2024/TTr-HĐQT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng, trong đó phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 16,8%. Theo Nghị quyết số 4492/2024/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 12 năm 2024, ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2023 là ngày 30 tháng 12 năm 2024. Theo Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 số 212/2025/BC-LPBank ngày 07 tháng 01 năm 2025, Ngân hàng đã thực hiện phân phối 429.665.684 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 27 tháng 4 năm 2025 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, trong đó trích lập quỹ khen thưởng số tiền 100.000 triệu VND, chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2024 với tỷ lệ 25%. Cổ tức đã được thanh toán vào ngày 28 tháng 5 năm 2025 với tổng số tiền là 7.468.205 triệu VND.

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập lãi tiền gửi	2.972.547	1.855.404
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	33.699.477	29.348.182
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	2.557.213	2.272.537
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	61.107	660.035
Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ	-	852
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.288	24
	39.291.632	34.137.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Chi phí lãi và các chi phí tương tự

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
Trả lãi tiền gửi	18.640.287	14.949.435
Trả lãi tiền vay	341.288	181.010
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	3.533.421	2.884.485
Chi phí hoạt động tín dụng khác	26.127	21.645
Chi phí hoa hồng môi giới tiết kiệm bưu điện	716.272	706.716
	23.257.395	18.743.291

Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	3.510.994	3.594.134
Hoạt động thanh toán	180.805	173.346
Hoạt động ngân quỹ	33.273	37.941
Hoạt động ủy thác, tư vấn và đại lý bảo hiểm	578.346	565.370
Dịch vụ khác	2.718.570	2.817.477
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	(312.373)	(383.135)
Hoạt động thanh toán	(183.845)	(181.576)
Hoạt động ngân quỹ	(9.453)	(5.418)
Dịch vụ khác	(119.075)	(196.141)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	3.198.621	3.210.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.239.512	1.653.947
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	686.137	526.341
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	553.375	1.127.606
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(891.814)	(1.380.642)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(336.658)	(278.193)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(555.156)	(1.102.449)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	347.698	273.305

Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27.440	43.021
	27.440	43.021

Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	553.368	49
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	(442.382)	(1.511)
	110.986	(1.462)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức nhận được; lãi được chia trong năm từ góp vốn, mua cổ phần:	108.000	75.017
- Từ góp vốn, đầu tư dài hạn	108.000	75.017
Thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn khác	3.544	-
	111.544	75.017

Lãi thuần từ hoạt động khác

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động khác	2.137.631	1.246.273
Thu từ thanh lý tài sản	18.275	118.655
Thu từ các khoản nợ đã được xử lý	2.030.888	945.522
Thu từ các hợp đồng hoán đổi lãi suất	24.260	161.869
Thu nhập khác	64.208	20.227
Chi phí hoạt động khác	(86.864)	(308.466)
Chi về các hợp đồng hoán đổi lãi suất	(30.557)	(155.694)
Chi về hoạt động kinh doanh khác	(56.307)	(152.772)
Lãi thuần từ hoạt động khác	2.050.767	937.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Chi phí hoạt động

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
1. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	110.573	128.709
2. Chi phí cho nhân viên, trong đó:	3.170.041	3.150.672
- Chi lương và phụ cấp	2.852.012	2.728.178
- Các khoản chi đóng góp theo lương	180.036	265.565
- Chi trợ cấp	6.186	4.104
- Chi khác cho nhân viên	131.807	152.825
3. Chi về tài sản, trong đó:	1.471.961	1.173.005
- Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	310.072	224.790
- Chi phí thuê tài sản	761.240	568.282
- Chi phí khác về tài sản	400.649	379.933
4. Chi cho hoạt động quản lý công vụ, trong đó:	1.083.042	1.054.423
- Công tác phí	13.193	22.150
- Chi hoạt động đoàn thể của TCTD	175	335
- Chi phí khác cho hoạt động quản lý	1.069.674	1.031.938
5. Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	335.996	281.854
6. Chi phí dự phòng khác	7.703	38
7. Chi phí hoạt động khác	10.809	21.742
	6.190.125	5.810.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
(Hoàn nhập) dự phòng cho vay các TCTD khác	-	(600)
(Hoàn nhập) dự phòng cho hoạt động mua nợ	-	(165)
Trích lập dự phòng cho vay khách hàng (Thuyết minh số 11)	1.422.280	1.954.584
	1.422.280	1.953.819

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	14.268.888	12.168.168
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(108.000)	(75.015)
Cộng: Chi phí khác không được khấu trừ thuế	26.340	49.615
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.187.228	12.142.768
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất	2.837.446	2.428.554
Chênh lệch thuế TNDN các năm trước	9.063	18.714
Thuế TNDN trong năm	2.846.509	2.447.268
Thuế TNDN phải trả đầu năm	679.953	972.900
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.599.974)	(2.740.215)
Thuế TNDN phải trả thuần cuối năm	926.488	679.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận thuần để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đơn vị: Triệu VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế	11.422.379	9.720.900
Trích lập các quỹ khác (không bao gồm quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu) (*)	-	(100.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.422.379	9.620.900

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ngân hàng chưa thực hiện ước tính số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa trên ước tính chưa bao gồm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản

Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, Ngân hàng điều chỉnh hồi tố “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho tất cả các kỳ báo cáo nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, bao gồm những thay đổi xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính nhưng trước ngày phát hành báo cáo tài chính.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 ngày 16 tháng 11 năm 2024 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 theo nội dung Tờ trình số 2820/2024/TTr-HĐQT ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng, trong đó phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 16,8%. Ngày 07 tháng 01 năm 2025, Ngân hàng đã hoàn thành việc phát hành thêm 429.665.684 cổ phiếu để trả cổ tức, nên số lượng cổ phiếu phổ thông tính lãi cơ bản cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại như sau:

Đơn vị: Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	2.557.616.416	2.557.616.416
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức năm 2023	429.665.884	429.665.884
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.987.282.300	2.987.282.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

Đơn vị: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.824	3.221
	3.824	3.221

Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại như sau:

	Năm trước (Đã báo cáo)	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu VND)	9.720.900	9.620.900
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	2.557.616.416	2.987.282.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.801	3.221

Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.085.336	1.162.384
Tiền gửi tại NHNN	35.403.824	14.369.534
Tiền gửi tại các TCTD khác	115.682.027	89.027.361
- Không kỳ hạn	8.460.826	2.241.091
- Có kỳ hạn không quá 3 tháng	107.221.201	86.786.270
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	118.000	-
	152.289.187	104.559.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Tình hình thu nhập cán bộ, công nhân viên

	Năm nay	Năm trước
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên tại cuối năm (người)	9.597	11.189
Số lượng nhân viên trung bình trong năm (người)	9.556	11.505
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu VND)		
1. Lương và các khoản phụ cấp	2.852.012	2.728.178
2. Các khoản phụ cấp	186.222	269.669
3. Thu nhập khác	131.807	152.825
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	3.170.041	3.150.672
5. Tiền lương bình quân tháng (triệu VND/ người/ tháng)	24,87	19,76
6. Thu nhập bình quân tháng (triệu VND/ người/ tháng)	27,65	22,82

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Đơn vị: Triệu VND

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	12.089	48.796	(54.720)	6.165
Thuế TNDN	679.953	2.846.509	(2.599.974)	926.488
Các loại thuế khác	14.278	661.711	(643.249)	32.740
	706.320	3.557.016	(3.297.943)	965.393

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Loại hình và giá trị sổ sách tài sản thế chấp

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu	29.047.600	18.485.403
	29.047.600	18.485.403

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu		
Bất động sản	482.064.708	481.917.353
Động sản	16.908.236	16.406.526
Chứng từ có giá	75.243.874	93.080.955
Tài sản khác	407.878.996	377.848.903
	982.095.814	969.253.737

Hoạt động nhận ủy thác và đại lý tổ chức tín dụng

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động ủy thác khác	4.707.967	4.707.967
	4.707.967	4.707.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Nghĩa vụ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo lãnh vay vốn	11.036.552	47.370
Cam kết giao dịch hối đoái	167.268.231	173.657.384
Cam kết mua ngoại tệ	26.759	5.678.169
Cam kết bán ngoại tệ	456	4.148.345
Cam kết giao dịch hoán đổi	167.241.016	163.830.870
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	477.322	484.545
Bảo lãnh khác	3.834.187	3.017.938
Các cam kết khác	4.841.102	5.526.892
	187.457.394	182.734.129

Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi cho vay chưa thu được	2.010.679	1.799.827
Phí phải thu chưa thu được	5.308	5.576
	2.015.987	1.805.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Nợ khó đòi đã xử lý

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	6.804.893	7.400.426
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	3.840.728	3.713.443
Các khoản nợ khác đã xử lý	2.277	1.105
	10.647.898	11.114.974

Tài sản và chứng từ khác

Đơn vị: Triệu VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản khác giữ hộ	6.404.352	1.560.377
	6.404.352	1.560.377

Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Số dư với bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Bên liên quan	Số dư	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn Các khoản phải thu khác Lãi phải trả cho hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	(433.926) 52.761 (8.183)	(779.126) 57.240 (11.887)
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Xuân Thành	Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	(21.283)	(214.794)
Công ty Cổ phần Xi măng Xuân Thành	Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn Cho vay khách hàng Lãi phải thu từ cho vay khách hàng	(3.133) 553.789 926	(512.563) 646.182 1.037
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuân Thành	Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	(1.092)	(1.343)
Công ty TNHH Mỹ Hạnh	Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	(724)	(175)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Tổng Công ty Cổ phần Tập đoàn Kinh tế Xuân Thành	Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	(140)	(120)
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	Tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn Lãi phải trả cho hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	(27.877) (311)	(22.917) (136)

Giao dịch với bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Bên liên quan	Các giao dịch	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam	Chi phí lãi Chi phí hoa hồng dịch vụ	(11.711) (716.272)	(46.723) (706.716)
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành	Chi phí lãi	(137)	(1.270)

Thù lao và tiền lương của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành Ngân hàng trong năm như sau:

Đơn vị: Triệu VND

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Năm nay	Năm trước
Thành viên Hội đồng Quản trị				
Ông Hồ Nam Tiến	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2025	1.200	1.200
Ông Nguyễn Văn Thùy	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 12 năm 2025	1.200	1.200
Ông Bùi Thái Hà	Phó Chủ tịch		1.200	1.200
Ông Phạm Phú Khôi	Phó Chủ tịch Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 02 năm 2025	1.200	148
Ông Huỳnh Ngọc Huy	Thành viên		1.200	1.200
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2024	-	1.052
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2024	-	1.052
Bà Vương Thị Huyền	Thành viên độc lập		1.200	148
Ban Kiểm soát			2.416	2.617

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Năm nay	Năm trước
Ban Điều hành và Kế toán trưởng				
Ông Vũ Quốc Khánh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 02 năm 2025	1.174	1.017
Ông Hồ Nam Tiến	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 10 năm 2024	-	913
Tiền lương của người quản lý chủ chốt khác			9.007	7.504

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

	Tổng dư nợ cho vay và mua nợ	Tổng tiền gửi tại NHNN và các TCTD khác	Tổng tiền gửi, vay nhận từ các TCTD khác và GTCG phát hành cho các TCTD khác	Tổng tiền gửi nhận từ khách hàng	Các cam kết thư tín dụng - thuần	CCTC phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Trong nước	391.746.491	151.377.618	207.946.884	337.113.365	-	176.489.266	52.610.786
Nước ngoài	-	415.210	1.702.169	470.001	477.322	-	788.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Đơn vị: Triệu VND

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Không phân miền	Tổng cộng
I. Doanh thu	17.878.885	7.391.174	9.744.900	56.258.515	91.273.474
1. Doanh thu lãi	17.041.395	6.977.807	7.436.649	52.237.134	83.692.985
Doanh thu lãi khách hàng bên ngoài	5.827.527	3.980.548	5.196.577	24.286.980	39.291.632
Doanh thu lãi nội bộ	11.213.868	2.997.259	2.240.072	27.950.154	44.401.353
2. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	476.358	300.120	435.010	2.299.506	3.510.994
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	361.132	113.247	1.873.241	1.721.875	4.069.495
II. Chi phí	(15.244.174)	(6.094.064)	(6.523.385)	(47.720.683)	(75.582.306)
1. Chi phí lãi	(13.307.836)	(5.154.448)	(5.310.342)	(43.886.122)	(67.658.748)
Chi phí lãi khách hàng bên ngoài	(8.973.118)	(2.404.463)	(1.648.873)	(10.230.941)	(23.257.395)
Chi phí lãi nội bộ	(4.334.718)	(2.749.985)	(3.661.469)	(33.655.181)	(44.401.353)
Chi phí khấu hao TSCĐ	(38.423)	(31.220)	(26.668)	(213.761)	(310.072)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(1.897.915)	(908.396)	(1.186.375)	(3.620.800)	(7.613.486)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	2.634.711	1.297.110	3.221.515	8.537.832	15.691.168
Chi phí dự phòng rủi ro	(121.023)	(154.743)	(656.002)	(490.512)	(1.422.280)
Kết quả kinh doanh bộ phận trước thuế	2.513.688	1.142.367	2.565.513	8.047.320	14.268.888
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(2.846.509)	(2.846.509)
Kết quả kinh doanh bộ phận sau thuế	2.513.688	1.142.367	2.565.513	5.200.811	11.422.379
III. Tài sản	188.595.802	53.505.002	61.015.958	302.467.752	605.584.514
1. Tiền mặt	631.232	189.467	264.637	-	1.085.336
2. Tài sản cố định	146.078	104.500	84.867	2.924.713	3.260.158
3. Tài sản khác	187.818.492	53.211.035	60.666.454	299.543.039	601.239.020
IV. Nợ phải trả	186.082.113	52.362.635	58.450.445	261.496.847	558.392.040
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	186.077.243	52.361.464	58.448.671	261.431.191	558.318.569
2. Nợ phải trả nội bộ	2.331	583	1.420	17	4.351
3. Nợ phải trả khác	2.539	588	354	65.639	69.120

Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ngân hàng chịu những rủi ro sau từ các công cụ tài chính:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này trình bày những thông tin về những rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải đối với mỗi loại rủi ro, mục tiêu, chính sách và quy trình của Ngân hàng nhằm đánh giá và quản lý rủi ro, và việc quản lý nguồn vốn của Ngân hàng.

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO

Trên cơ sở đề xuất tham mưu của Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Quản trị Ngân hàng giám sát Tổng Giám đốc trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; xử lý, khắc phục các tổn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

Tổng Giám đốc giám sát các cá nhân, bộ phận trên cơ sở đề xuất tham mưu của Hội đồng rủi ro, Hội đồng Xử lý rủi ro và Xử lý nợ, Hội đồng ALCO và Hội đồng Quản lý vốn trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách, quy định và quy trình quản lý rủi ro của Ngân hàng theo từng lĩnh vực quản lý.

Chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng được thiết lập nhằm xác định và phân tích những rủi ro mà Ngân hàng gặp phải, nhằm lập ra các hạn mức rủi ro phù hợp và các biện pháp kiểm soát, và nhằm giám sát rủi ro và tuân thủ các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được thường xuyên rà soát để cập nhật những thay đổi về điều kiện thị trường, các sản phẩm và dịch vụ mà Ngân hàng cung cấp. Thông qua các hoạt động đào tạo, các tiêu chuẩn và hệ thống quản lý, Ngân hàng hướng đến việc phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính tích cực trong đó toàn bộ các nhân viên của Ngân hàng hiểu rõ được vai trò và nghĩa vụ của mình.

RỦI RO TÍN DỤNG

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh.

Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Ngân hàng ưu tiên giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản bảo đảm.

Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên báo cáo tình hình tài chính. Ngoài ra Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Mức độ tập trung của rủi ro tín dụng (nội bảng hay ngoại bảng) phát sinh từ các công cụ tài chính tồn tại theo từng nhóm đối tác khi các nhóm này có đặc điểm kinh tế tương tự nhau mà có thể khiến khả năng trả nợ của các nhóm đối tác sẽ bị ảnh hưởng tương tự như nhau khi có các biến động về điều kiện kinh tế hay những điều kiện khác.

Ngân hàng đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Hội đồng rủi ro, Hội đồng xử lý rủi ro và xử lý nợ và Hội đồng Tín dụng. Ngân hàng tiến hành phân loại nợ đối với các khoản nợ của khách hàng và các TCTD khác dựa trên Thông tư 31, qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu, và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng sử dụng các công cụ như xây dựng các chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng, xây dựng các quy trình tín dụng, thực hiện rà soát rủi ro tín dụng, xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ, phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Tùy vào mức độ rủi ro, Ngân hàng tiến hành xét duyệt tín dụng thông qua phê duyệt theo cấp bậc cá nhân tại Đơn vị kinh doanh, tại Khối Quản trị Rủi ro nhằm đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách khách quan, độc lập và tuân thủ. Việc cấp thẩm quyền cho cá nhân tại Đơn vị kinh doanh được Ngân hàng rà soát và điều chỉnh theo định kỳ.

Các tài sản tài chính “Chưa quá hạn và chưa phải trích lập dự phòng (TLDP)” của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ Nhóm 1 chưa quá hạn theo quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86, các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác chưa quá hạn và chưa phải trích lập dự phòng. Ban Điều hành Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

Các tài sản tài chính “Đã quá hạn nhưng chưa phải TLDP” chủ yếu bao gồm các khoản cho vay khách hàng được Ngân hàng phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 theo quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86 nhưng không phải trích lập dự phòng do Ngân hàng đang nắm giữ các tài sản bảo đảm đủ bù đắp các tổn thất tín dụng theo quy định hiện hành của NHNN.

Các tài sản tài chính “Quá hạn và đã được TLDP” bao gồm các khoản cho vay khách hàng, cho vay các TCTD khác được Ngân hàng phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản phải thu quá hạn theo quy định của Thông tư 31 và Nghị định 86 phải trích lập dự phòng và đã được Ngân hàng trích lập dự phòng.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Ngân hàng, không tính đến tài sản bảo đảm hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: Triệu VND

Chưa quá hạn và chưa phải TLDP		Đã quá hạn nhưng chưa phải TLDP				Quá hạn và đã được TLDP	Tổng cộng
		Quá hạn từ 10 đến 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày		
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	107.871.201	-	-	-	-	56.977	107.928.178
Cho vay khách hàng (*)	381.311.359	1.880.894	122.623	160.937	482.663	7.788.015	391.746.491
Chứng khoán đầu tư	23.285.112	-	-	-	-	-	23.285.112
	512.467.672	1.880.894	122.623	160.937	482.663	7.844.992	522.959.781

(*) Không bao gồm trích lập dự phòng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tỷ lệ nợ xấu theo tình trạng nợ của khách hàng tại Ngân hàng là 1,68% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1,57%). Chi tiết phân loại tài sản có rủi ro tín dụng theo tình trạng nợ của khách hàng tại Ngân hàng như sau:

Đơn vị: Triệu VND

	Cho vay khách hàng	Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư (*)	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (**)	Tổng cộng
Nợ đủ tiêu chuẩn	381.311.359	23.285.112	107.871.201	512.467.672
Nợ cần chú ý	3.836.827	-	-	3.836.827
Nợ dưới tiêu chuẩn	953.049	-	-	953.049
Nợ nghi ngờ	1.389.832	-	-	1.389.832
Nợ có khả năng mất vốn	4.255.424	-	56.977	4.312.401
	391.746.491	23.285.112	107.928.178	522.959.781

(*) Không bao gồm chứng chỉ quỹ nước ngoài, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu do TCTD khác phát hành đã niêm yết.
(**) Không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Cấu trúc tài sản - nợ phải trả của Ngân hàng bao gồm các loại ngoại tệ khác nhau như USD, EUR, AUD,... là nguyên nhân dẫn đến rủi ro tiền tệ. Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả theo loại hình tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị: Triệu VND

	VND	EUR quy đổi	USD quy đổi	Các ngoại tệ khác quy đổi	Tổng
Tài sản					
Tiền mặt	1.022.928	1.941	60.467	-	1.085.336
Tiền gửi tại NHNN	33.093.089	-	2.310.735	-	35.403.824
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	100.201.564	13.489	16.123.872	50.079	116.389.004
Chứng khoán kinh doanh	-	-	631.423	-	631.423
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	230.751	-	230.751
Cho vay khách hàng (*)	388.303.932	-	3.440.997	1.562	391.746.491
Chứng khoán đầu tư	52.767.786	-	-	-	52.767.786
Góp vốn, đầu tư dài hạn	998.921	-	-	-	998.921
Tài sản cố định - thuần	3.260.158	-	-	-	3.260.158
Các tài sản Có khác (*)	7.843.919	1.130	176.298	5	8.021.352
Tổng tài sản	587.492.297	16.560	22.974.543	51.646	610.535.046
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	121.533.716	-	24.016.762	1.562	145.552.040
Tiền gửi của khách hàng	335.898.529	16.093	1.648.065	20.679	337.583.366
Phát hành giấy tờ có giá	64.097.013	-	-	-	64.097.013
Các khoản nợ khác	11.032.505	-	122.394	4.722	11.159.621
Tổng vốn chủ sở hữu	47.192.474	-	-	-	47.192.474
Tổng nợ phải trả	579.754.237	16.093	25.787.221	26.963	605.584.514
Trạng thái tiền tệ nội bảng	7.738.060	467	(2.812.678)	24.683	4.950.532
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(6.410.097)	-	6.649.692	(8.844)	230.751
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	1.327.963	467	3.837.014	15.839	5.181.283

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn định lại lãi suất giữa tài sản và nợ phải trả. Tất cả các hoạt động tín dụng, huy động, đầu tư của Ngân hàng đều tạo ra rủi ro lãi suất.

Kỳ định lại lãi suất đối với các khoản mục có lãi suất cố định là thời hạn còn lại tính từ ngày lập báo cáo tài chính cho tới khi đáo hạn của tài sản, đối với lãi suất thả nổi là thời hạn còn lại cho đến ngày định giá gần nhất.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích kỳ xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng:

- Tiền mặt tại quỹ, chứng khoán kinh doanh, góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định, và tài sản Có khác) được xếp loại là khoản mục không chịu lãi;
- Tiền gửi tại NHNN được xếp loại là tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc, do đó kỳ hạn định lại lãi suất được xếp loại không chịu lãi hoặc đến một tháng;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

- Kỳ định lại lãi suất của chứng khoán đầu tư phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng loại chứng khoán;
- Kỳ định lại lãi suất của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và NHNN; các khoản tiền gửi và vay các TCTD và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Kỳ định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ ngày kết thúc năm tài chính;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Kỳ định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc năm tài chính.
- Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp loại theo thời gian đáo hạn thực tế của từng khoản nợ tính từ ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Bảng sau trình bày tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng được phân loại theo thời hạn ngắn hơn giữa kỳ định giá lại lãi suất hoặc ngày đáo hạn hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị: Triệu VND

	Quá hạn	Không chịu rủi ro lãi suất do định giá lại	Kỳ thay đổi lãi suất						Tổng
			Dưới 1 tháng	Từ 1 tháng đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 6 tháng	Từ trên 6 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản									
Tiền mặt	-	1.085.336	-	-	-	-	-	-	1.085.336
Tiền gửi tại NHNN	-	35.403.824	-	-	-	-	-	-	35.403.824
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	56.977	-	106.241.566	9.690.461	100.000	300.000	-	-	116.389.004
Chứng khoán kinh doanh	-	631.423	-	-	-	-	-	-	631.423
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	230.751	-	-	-	-	-	-	230.751
Cho vay khách hàng (*)	4.252.119	-	47.557.251	126.989.499	125.972.892	46.230.388	38.420.652	2.323.690	391.746.491
Chứng khoán đầu tư	-	11.545.052	168.000	280.000	4.790.089	1.670.000	11.470.158	22.844.487	52.767.786
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	998.921	-	-	-	-	-	-	998.921
Tài sản cố định - thuần	-	3.260.158	-	-	-	-	-	-	3.260.158
Tài sản Có khác (*)	21.808	7.999.544	-	-	-	-	-	-	8.021.352
Tổng tài sản	4.330.904	61.155.009	153.966.817	136.959.960	130.862.981	48.200.388	49.890.810	25.168.177	610.535.046
Nợ phải trả									
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	133.433.498	9.853.390	6.005	66.218	2.065.352	127.577	145.552.040
Tiền gửi của khách hàng	-	-	70.098.340	84.952.580	99.405.168	74.560.037	8.563.300	3.941	337.583.366
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	9.350.211	17.700.000	16.420.046	20.626.756	-	64.097.013
Các khoản nợ khác	-	11.159.621	-	-	-	-	-	-	11.159.621
Tổng nợ phải trả	-	11.159.621	203.531.838	104.156.181	117.111.173	91.046.301	31.255.408	131.518	558.392.040
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	4.330.904	49.995.388	(49.565.021)	32.803.779	13.751.808	(42.845.913)	18.635.402	25.036.659	52.143.006
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	4.330.904	49.995.388	(49.565.021)	32.803.779	13.751.808	(42.845.913)	18.635.402	25.036.659	52.143.006

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là loại rủi ro dẫn đến tổn thất và/hoặc mất khả năng thanh toán cho Ngân hàng khi Ngân hàng không đủ vốn khả dụng với chi phí hợp lý và/hoặc không thể bán tài sản với chi phí hợp lý và/hoặc phải huy động các nguồn vốn với chi phí cao vào đúng thời điểm mà Ngân hàng cần để đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán mà Ngân hàng phải thực hiện. Rủi ro thanh khoản phát sinh do nhiều nguyên nhân như sự mất cân đối về thời gian đáo hạn của tài sản nợ, tài sản có, rủi ro không đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Ngân hàng.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ thời điểm kết thúc năm tài chính đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại NHNN được xếp loại là tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc, số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi của khách hàng tại Ngân hàng.
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay, tiền gửi được gia hạn.
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn trên hợp đồng của từng loại chứng khoán.
- Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn, đầu tư dài hạn được coi là trên 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.
- Thời gian đáo hạn của các tài sản Có khác được xếp loại theo thời gian đáo hạn thực tế của từng tài sản.
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và là tiền gửi không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

- Thời gian đáo hạn của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá.
- Thời gian đáo hạn của các khoản nợ khác được xếp loại theo thời gian đáo hạn thực tế của từng khoản nợ.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo các thỏa thuận giữa các bên hoặc phụ lục hợp đồng có thể có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Bảng sau trình bày rủi ro thanh khoản của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Đơn vị: Triệu VND

	Quá hạn		Trong hạn					Tổng
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt	-	-	1.085.336	-	-	-	-	1.085.336
Tiền gửi tại NHNN	-	-	35.403.824	-	-	-	-	35.403.824
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	56.977	-	106.636.966	9.295.061	400.000	-	-	116.389.004
Chứng khoán kinh doanh	-	-	631.423	-	-	-	-	631.423
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	230.751	-	-	-	-	230.751
Cho vay khách hàng (*)	3.239.996	1.012.123	15.708.836	36.401.452	188.665.444	108.430.645	38.287.995	391.746.491
Chứng khoán đầu tư		-	1.217.999	1.850.000	12.297.087	12.020.158	25.382.542	52.767.786
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-	-	-	998.921	998.921
Tài sản cố định - thuần	-	-	-	-	-	3.260.158	-	3.260.158
Tài sản Có khác (*)	21.808	-	7.999.544	-	-	-	-	8.021.352
Tổng tài sản	3.318.781	1.012.123	168.914.679	47.546.513	201.362.531	123.710.961	64.669.458	610.535.046
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	133.827.998	9.458.890	72.223	2.065.352	127.577	145.552.040
Tiền gửi của khách hàng	-	-	71.221.309	83.829.611	173.965.205	8.563.300	3.941	337.583.366
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	6.267.999	30.439.971	17.626.756	9.762.287	64.097.013
Các khoản nợ khác	-	-	11.159.621	-		-	-	11.159.621
Tổng nợ phải trả	-	-	216.208.928	99.556.500	204.477.399	28.255.408	9.893.805	558.392.040
Mức chênh thanh khoản ròng	3.318.781	1.012.123	(47.294.249)	(52.009.987)	(3.114.868)	95.455.553	54.775.653	52.143.006

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Thuyết minh
công cụ tài chính

	Kinh doanh	Giá trị ghi sổ					Giá trị hợp lý
		Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng giá trị ghi sổ	
Tài sản tài chính							
Tiền mặt	1.085.336	-	-	-	-	1.085.336	1.085.336
Tiền gửi tại NHNN	35.403.824	-	-	-	-	35.403.824	35.403.824
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	116.389.004	-	-	116.389.004	(**)
Chứng khoán kinh doanh	631.423	-	-	-	-	631.423	(**)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	230.751	-	-	-	-	230.751	(**)
Cho vay khách hàng (*)	-	-	391.746.491	-	-	391.746.491	(**)
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	52.767.786	-	52.767.786	(**)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	998.921	-	-	-	998.921	(**)
Tài sản tài chính khác (*)	-	-	6.232.225	-	-	6.232.225	(**)
	37.351.334	998.921	514.367.720	52.767.786	-	605.485.761	
Nợ phải trả tài chính							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	17.703.773	17.703.773	(**)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	127.848.267	127.848.267	(**)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	337.583.366	337.583.366	(**)
Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác	-	-	-	-	-	-	(**)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	64.097.013	64.097.013	(**)
Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	10.125.109	10.125.109	(**)
	-	-	-	-	557.357.528	557.357.528	

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro.
(**) Ngân hàng chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Tiếp theo)

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.
Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày chi tiết theo bảng dưới đây:

Đơn vị: Triệu VND

Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do NHNN ban hành hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Tỷ giá một số loại ngoại tệ vào
thời điểm cuối năm tài chính

Loại tiền tệ	31/12/2025	31/12/2024
USD	26.300	25.495
EUR	31.073	26.790
GBP	35.429	32.075
CHF	33.596	28.271
JPY	169	164
SGD	20.508	18.848
CAD	19.251	17.850
AUD	17.689	15.949
HKD	3.378	3.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
(Tiếp theo)

Người lập

Nguyễn Thành Luân
Chuyên viên cao cấp
Phòng Kế toán và Thuế

Người soát xét

Nguyễn Tiến Công
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Vũ Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

Số điện thoại: 024 62 668 668 | Số fax: 024 62 669 669 | Hotline: *8668
Website: www.lpbank.com.vn